

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU
GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
Tỉnh **NINH BÌNH**



MỤC LỤC

	Trang
LỜI GIỚI THIỆU	4
Chủ đề 1. DI SẢN VĂN HOÁ PHI VẬT THỂ TỈNH NINH BÌNH	5
Chủ đề 2. PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH NINH BÌNH	28
Chủ đề 3. VĂN XUÔI HIỆN ĐẠI TỈNH NINH BÌNH	40
Bài 1. Ngày xưa, nơi đây là cửa rừng.....	41
Bài 2. Truyện cười ở làng Tam Tiểu.....	52
Bài 3. Sông Vạc đêm trăng.....	58
Chủ đề 4. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH Ở TỈNH NINH BÌNH	63
Bài 1. Môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở tỉnh Ninh Bình	64
Bài 2. Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh ở tỉnh Ninh Bình	72
Bài 3. Thực tiễn và giải pháp phát triển bền vững tại tỉnh Ninh Bình.....	78
Chủ đề 5. MỘT SỐ VẤN ĐỀ AN SINH XÃ HỘI Ở TỈNH NINH BÌNH	88
BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ	101
DANH MỤC TỪ TRA CỨU	102
BẢN QUYỀN/NGUỒN HÌNH ẢNH	103

LỜI GIỚI THIỆU

Ninh Bình – vùng đất nằm ở cửa ngõ phía nam Đồng bằng sông Hồng – từ lâu đã được biết đến như một miền quê giàu truyền thống lịch sử, văn hoá và nhiều tiềm năng phát triển. Trải qua nhiều biến thiên của thời gian và những thay đổi về địa giới hành chính, vùng đất Ninh Bình hôm nay được hình thành trên cơ sở hợp nhất các giá trị đặc sắc của ba vùng quê giàu bản sắc: Ninh Bình, Hà Nam và Nam Định trước đây. Sự hội tụ ấy đã tạo nên một không gian văn hoá – lịch sử phong phú, nơi kết tinh nhiều di sản quý báu của dân tộc, từ truyền thống dựng nước và giữ nước, những giá trị văn hoá dân gian độc đáo, đến những thành tựu trong phát triển kinh tế – xã hội của thời kì mới.

Thiên nhiên ưu đãi cho vùng đất này những cảnh quan nổi tiếng như quần thể danh thắng Tràng An, Tam Cốc – Bích Động, Vườn quốc gia Cúc Phương, cùng nhiều di tích lịch sử – văn hoá gắn với các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần,... Bên cạnh đó, Ninh Bình còn là nơi lưu giữ nhiều loại hình di sản văn hoá phi vật thể đặc sắc, những làng nghề truyền thống, những lễ hội và sinh hoạt văn hoá dân gian giàu bản sắc. Mảnh đất giàu truyền thống ấy đã sinh ra và nuôi dưỡng nhiều thế hệ con người tài hoa, đóng góp cho sự phát triển của đất nước.

Tài liệu ***Giáo dục địa phương tỉnh Ninh Bình – lớp 12*** được biên soạn nhằm giúp học sinh lớp 12 hiểu biết sâu sắc hơn về quê hương, bồi dưỡng tình yêu và ý thức trách nhiệm đối với địa phương. Tài liệu gồm năm chủ đề như sau:

- Chủ đề 1: Di sản văn hoá phi vật thể tỉnh Ninh Bình
- Chủ đề 2: Phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình
- Chủ đề 3: Văn xuôi hiện đại tỉnh Ninh Bình
- Chủ đề 4: Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh ở tỉnh Ninh Bình
- Chủ đề 5: Một số vấn đề an sinh xã hội ở tỉnh Ninh Bình

Các chủ đề được xây dựng theo hướng tích hợp kiến thức của nhiều lĩnh vực như Lịch sử, Địa lí, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, Hoạt động trải nghiệm,...

Nhóm tác giả hi vọng rằng cuốn tài liệu sẽ trở thành người bạn đồng hành hữu ích trong quá trình học tập và trải nghiệm của các em học sinh lớp 12, góp phần nuôi dưỡng tình yêu quê hương, ý thức công dân và khát vọng đóng góp cho sự phát triển của tỉnh Ninh Bình hôm nay và mai sau.

Nhóm biên soạn

Chủ đề 1

DI SẢN VĂN HOÁ PHI VẬT THỂ TỈNH NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được khái niệm, cách phân loại và những nét chính về các di sản văn hoá phi vật thể của tỉnh Ninh Bình.
- Kể được tên một số di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình. Chỉ ra được giá trị và ý nghĩa của các di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu.
- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về một số di sản văn hoá phi vật thể.
- Đánh giá được thực trạng của một số di sản văn hoá phi vật thể ở tỉnh Ninh Bình. Từ đó, đề xuất được một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá phi vật thể trên địa bàn tỉnh.
- Có ý thức trách nhiệm, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hoá phi vật thể trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
- Thực hiện được dự án/ sản phẩm học tập giới thiệu về một số di sản văn hoá phi vật thể ở địa phương, trong đó nêu được giá trị, thực trạng và giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị của di sản văn hoá phi vật thể đó.

A. KHỞI ĐỘNG



Hình 1.1. Một số di sản văn hoá phi vật thể của tỉnh Ninh Bình

1. Em hãy nhận diện di sản văn hoá được thể hiện trong các hình ảnh trên.
2. Di sản đó gắn với triều đại nào trong lịch sử Việt Nam?

EM CÓ BIẾT?

Di sản văn hoá phi vật thể là tri thức, kĩ năng, tập quán, biểu đạt văn hoá cùng đồ vật, đồ tạo tác, không gian liên quan được cộng đồng, nhóm người, cá nhân thực hành, trao truyền qua nhiều thế hệ và hình thành nên bản sắc văn hoá của họ, không ngừng được trao truyền, bảo vệ, tái tạo, sáng tạo, có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học.

(Trích Điều 3 Giải thích từ ngữ, Luật Di sản văn hoá, 2024)

B. KHÁM PHÁ

1. Di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình

1.1. Khái quát hệ thống di sản văn hoá phi vật thể ở tỉnh Ninh Bình

Ninh Bình là vùng đất giàu truyền thống lịch sử – văn hoá, là kinh đô của nhà nước Đại Cồ Việt ở thế kỉ X, gắn với sự nghiệp của 6 vị vua thuộc ba triều đại Đinh – Tiền Lê – Lý và vương triều Trần (từ thế kỉ XIII đến cuối thế kỉ XIV) với các dấu ấn lịch sử oai hùng của dân tộc, cùng với đó là hệ thống di sản văn hoá vật thể và phi vật thể phong phú và đa dạng.

Di sản văn hoá phi vật thể ở Ninh Bình là hệ thống các giá trị tinh thần được hình thành trong quá trình lịch sử, gắn liền với đời sống của các cộng đồng dân tộc cư trú lâu đời trên địa bàn tỉnh. Những di sản này phản ánh trình độ sáng tạo, bản sắc văn hoá đặc trưng của con người Ninh Bình và được nhân dân gìn giữ, lưu truyền, bảo tồn, phát huy qua nhiều thế hệ.



Hình 1.2. Lễ hội phát lương Đền Trần Thương (xã Trần Thương)

EM CÓ BIẾT?

Lễ hội phát lương Đền Trần Thương (xã Trần Thương) là hình thức sinh hoạt văn hoá – tín ngưỡng tiêu biểu gắn với truyền thống lịch sử thời Trần. Lễ hội được tổ chức thường niên vào đêm ngày 14 rạng sáng ngày 15 tháng Giêng, tái hiện việc cấp phát lương thảo cho quân đội nhà Trần chống quân Mông – Nguyên, đồng thời gửi gắm ước vọng năm mới bình yên, mùa màng tốt tươi, nhân dân ấm no.

Tại Điều 2 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP hướng dẫn về Luật Di sản văn hoá và Luật Di sản văn hoá sửa đổi có quy định di sản văn hoá phi vật thể bao gồm 7 loại hình theo bảng sau:

Bảng 1.1. Hệ thống một số loại hình di sản văn hoá phi vật thể của tỉnh Ninh Bình

Loại hình	Một số di sản văn hoá phi vật thể
1. Tiếng nói, chữ viết	Tiếng nói của người Mường (xã Cúc Phương, xã Phú Long, xã Nho Quan, xã Phú Sơn, xã Gia Lâm, phường Yên Sơn); Tiếng nói của người Mường Kỳ Lão (xã Phú Long).
2. Ngữ văn dân gian	Truyền thuyết về Thành hoàng làng; Huyền tích lí giải về các ngọn núi, dòng sông, tên làng, tên đất; Huyền tích về các nhân vật lịch sử thời Đinh – Tiền Lê – Lý – Trần; Hát đối, hát ru con của người Mường; Các bài mo của người Mường,...
3. Nghệ thuật trình diễn dân gian	<ul style="list-style-type: none"> – Hát dân ca; Hát xẩm; Hát đối; Hát vắn; Hát chèo; Hát ca trù; Hát đúm; Múa hát Lải Lèn (xã Bắc Lý); Hát Dậm Quyển Sơn (phường Lý Thường Kiệt); Hát trống quân Liềm Thuận (xã Thanh Bình);... – Các trò chơi dân gian: cờ tướng, cờ người, chọi gà, đấu vật, đánh đu, bắt vịt, đập niêu, kéo co, thả diều, đua thuyền,...
4. Tập quán xã hội, tín ngưỡng dân gian	<ul style="list-style-type: none"> – Các tập quán: tế lễ và tín ngưỡng thờ cúng Thành hoàng làng; thờ cúng các vị anh hùng dân tộc; thờ Mẫu; thờ vua Đinh Tiên Hoàng và các nhân vật lịch sử thời Đinh – Tiền Lê – Lý – Trần; thờ cúng tổ tiên; liên quan đến chu trình đời người,... – Các tập tục và nghi lễ có liên quan đến chu kì mùa, lễ tết: dựng nêu, hạ nêu, lễ xuống đồng, Tết Nguyên đán, lễ ngày Rằm tháng Giêng (lễ Nguyên Tiêu),... – Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt.
5. Lễ hội truyền thống	<ul style="list-style-type: none"> – Lễ hội Hoa Lư (phường Tây Hoa Lư); Lễ hội Đền Trần (phường Nam Định); Lễ hội chùa Bái Đính (phường Tây Hoa Lư); Lễ hội Đền Nguyễn Công Trứ (xã Quang Thiện); Lễ hội chùa Dầu (phường Đông Hoa Lư); Lễ hội Báo Bản làng Nộn Khê (xã Yên Tử); Lễ hội phủ Đồi Ngang (xã Phú Long); Lễ hội Đền Dâu (phường Trung Sơn);... – Nghi lễ rước nước về Đền Lảnh Giang (phường Duy Tân); Lễ hội Đền Trần Thương (xã Trần Thương); Lễ hội Đền Trúc và Ngũ động Thi Sơn (phường Lý Thường Kiệt); Lễ hội chùa Bà Đanh (phường Kim Bảng); Đình và chùa Châu (phường Châu Sơn); Lễ hội vật võ Liễu Đồi (xã Thanh Bình); Lễ hội chùa Đọi Sơn (phường Tiên Sơn); Lễ hội Đền Bà Vũ (xã Bắc Lý);...

Loại hình	Một số di sản văn hoá phi vật thể
6. Nghề thủ công truyền thống	<ul style="list-style-type: none"> – Nghề thêu ren Văn Lâm (phường Nam Hoa Lư), thêu ren Thanh Hà (xã Liêm Hà),...; Nghề làm chiếu cói (xã Định Hoá, xã Kim Sơn); Nghề mộc Phúc Lộc (phường Nam Hoa Lư); Nghề chạm khắc đá Ninh Vân (phường Nam Hoa Lư); Nghề gốm sành Gia Thủy (xã Gia Tường), gốm làng Quyết Thành (phường Kim Bảng), gốm Bò Bát (xã Đông Thái); Nghề xây dựng, nghề nề Bình Hải (xã Yên Từ); Nghề nấu rượu Lai Thành (xã Lai Thành), Rượu làng Vọc (xã Bình Giang)”...; Nghề dệt lụa Nha Xá (phường Duy Tân) là làng lụa lâu đời nhất Việt Nam; Nghề đan mây, giang Ngọc Động (phường Duy Hà); Nghề trồng dâu nuôi tằm ở Dưỡng Mông (phường Tiên Sơn); Bánh đa nem làng Chèu (xã Nam Xang); Cá kho làng Vũ Đại (xã Nam Lý); Nghề làm trống Đọi Tam (phường Tiên Sơn);...
7. Tri thức dân gian	<ul style="list-style-type: none"> – Các tri thức về: y học dân gian; nông nghiệp; môi trường tự nhiên, thiên nhiên; lịch,... – Tri thức về cách lựa chọn, chế biến nông sản, thực phẩm và kết hợp nguyên liệu làm các món ẩm thực: nem chua Yên Mạc (xã Yên Mạc); nem dê, thịt dê, cơm cháy Trường Yên (phường Tây Hoa Lư); mắm tép Gia Viễn; gỏi cá nhệch Kim Sơn; đậu phụ làng Đầm (phường Liêm Tuyền); bún làng Tái Kênh (phường Liêm Tuyền); cá kho (xã Nam Lý),...



Hình 1.3. Rước Rồng tại Lễ hội chùa Bái Đính



Hình 1.4. Khung cảnh lễ khai hội chùa Tam Chúc

EM CÓ BIẾT?

Tính đến tháng 9/2025, tỉnh Ninh Bình có 01 di sản văn hoá phi vật thể được UNESCO ghi danh là Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt (Ngày 01/12/2016, tại Phiên họp Ủy ban Liên Chính phủ lần thứ 11 của UNESCO ở thành phố Addis Ababa, nước Cộng hòa Dân chủ Liên bang Ethiopia) và 40 di sản văn hoá phi vật thể quốc gia bao gồm: 19 Lễ hội truyền thống; 10 Nghề truyền thống; 04 Nghệ thuật trình diễn dân gian; 06 Tập quán xã hội và Tín ngưỡng; 01 Tri thức dân gian.

Hệ thống di sản văn hoá phi vật thể của Ninh Bình là kết tinh sinh động của đời sống tinh thần phong phú, trí tuệ và óc sáng tạo của cộng đồng cư dân nơi đây qua hơn một thiên niên kỉ hình thành, đấu tranh và phát triển quê hương, đất nước. Trong đó, nhiều di sản mang tính đại diện cao, có giá trị đặc sắc, phản ánh rõ nét sự kế tục và lan toả liên tục giữa các thế hệ, tiêu biểu như Lễ hội Báo Bản làng Nộn Khê, Lễ hội Tịch điền Đọi Sơn, Lễ hội vật võ Liễu Đôi,... Đồng thời, không ít di sản giữ vai trò quan trọng trong đời sống văn hoá hiện nay, sở hữu tiềm năng phát triển lâu dài và đang được ưu tiên bảo tồn, phát huy, bao gồm các loại hình nghệ thuật dân gian như hát xẩm, hát chèo, ca trù; các trò chơi, sinh hoạt truyền thống như ném còn, cà kheo, đẩy gậy; các nghề thủ công và ẩm thực đặc trưng như gốm Bồ Bát, sơn mài Cát Đằng, nghề làm nem Yên Mạc cùng hệ tri thức dân gian về Phở tỉnh Ninh Bình.



Hình 1.5. Nghề trống Tiên Sơn



Hình 1.6. Nghề cói Kim Sơn



Hình 1.7. Nghề gốm Bồ Bát



Hình 1.8. Nghề đúc đồng Yên Xá

Thế nào là di sản văn hoá phi vật thể? Kể tên các loại hình di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu ở tỉnh Ninh Bình.

1.2. Một số di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu ở tỉnh Ninh Bình

Bảng 1.2. Danh sách di sản văn hoá phi vật thể được ghi danh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (tính đến tháng 7/2025)

STT	Tên di sản	Loại hình	Địa điểm phân bố	Năm ghi danh
1	Nghi lễ Châu Văn của Người Việt	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Các xã, phường: Vụ Bản, Nam Định, Khánh Nhạc, Nho Quan...	2012
2	Hát ca trù	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Các xã, phường: Hoà Bình, Hoa Lư, Kim Sơn, Lai Thành, Yên Từ...	2012
3	Lễ hội Phủ Dầy	Lễ hội truyền thống	Xã Vụ Bản	2013
4	Lễ hội đền Trần Nam Định	Lễ hội truyền thống	Phường Nam Định	2014
5	Lễ hội Hoa Lư	Lễ hội truyền thống	Phường Tây Hoa Lư	2014; 2016 (đổi tên)
6	Nghề sơn mài Cát Đằng	Nghề thủ công truyền thống	Xã Vạn Thắng	2017
7	Lễ Tịch Điền	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Phường Tiên Sơn	2017
8	Lễ hội Trần Thương	Lễ hội truyền thống	Xã Trần Thương	2017
9	Lễ hội vật võ Liễu Đồi	Lễ hội truyền thống	Xã Thanh Bình	2017
10	Lễ hội đền Lảnh Giang	Lễ hội truyền thống	Phường Duy Tân	2017
11	Nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân	Nghề thủ công truyền thống	Phường Nam Hoa Lư	2019
12	Lễ hội Chùa Bà Đanh	Lễ hội truyền thống	Phường Kim Bảng	2019
13	Hát Dặm Quyển Sơn	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Phường Lý Thường Kiệt	2019
14	Nghề làm trống Đọi Tam	Nghề thủ công truyền thống	Phường Tiên Sơn	2019
15	Lễ hội chùa Đọi Sơn	Lễ hội truyền thống	Phường Tiên Sơn	2019
16	Lễ hội đền thờ Đức Thánh tổ	Lễ hội truyền thống	Xã Ý Yên	2019
17	Lễ hội chùa Keo Hành Thiện	Lễ hội truyền thống	Xã Xuân Hồng	2019
18	Lễ hội chùa Đại Bi	Lễ hội truyền thống	Xã Nam Trục	2020
19	Lễ hội đền – chùa Linh Quang	Lễ hội truyền thống	Xã Ninh Giang	2020

STT	Tên di sản	Loại hình	Địa điểm phân bố	Năm ghi danh
20	Nghề dệt lụa Nha Xá	Nghề thủ công truyền thống	Phường Duy Tân	2021
21	Nghề thêu ren Thanh Hà	Nghề thủ công truyền thống	Xã Liêm Hà	2021
22	Hát xẩm	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Xã Yên Từ	2021
23	Lễ hội làng Bình Hải	Lễ hội truyền thống	Xã Yên Từ	2021
24	Lễ hội Thái Bình xướng ca	Lễ hội truyền thống	Phường Trường Thi	2023
25	Lễ hội chùa Cổ Lễ	Lễ hội truyền thống	Xã Cổ Lễ	2023
26	Lễ hội đèn Bà Vũ	Lễ hội truyền thống	Xã Bắc Lý	2023
27	Múa hát Lải Lèn	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Xã Bắc Lý	2023
28	Hát trống quân Liêm Thuận	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Xã Thanh Bình	2023
29	Nghề thêu ren Ninh Hải	Nghề thủ công truyền thống	Phường Nam Hoa Lư	2024
30	Mo Mừng	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Các xã, phường: Cúc Phương, Phú Long, Nho Quan, Phú Sơn, Yên Sơn,...	2024
31	Nghề cói Kim Sơn	Nghề thủ công truyền thống	Các xã: Chát Bình, Kim Sơn, Quang Thiện, Phát Diệm, Lai Thành, Định Hoá, Bình Minh, Kim Đông,...	2024
32	Lễ hội đèn Thánh Nguyễn	Lễ hội truyền thống	Xã Đại Hoàng	2024
33	Lễ hội Báo Bán làng Nộn Khê	Lễ hội truyền thống	Xã Yên Từ	2024
34	Tri thức dân gian Phở Nam Định	Tri thức dân gian	Các xã, phường: Nam Giang, Nam Hồng, Nam Định,...	2024
35	Tục “xông Đền, xông Điện, xông nhà thờ họ, xông nhà” đêm Giao thừa làng Gạo	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Phường Trường Thi	2024
36	Lễ hội bánh dày đình Lục Giáp	Lễ hội truyền thống	Xã Đồng Thái	2025

STT	Tên di sản	Loại hình	Địa điểm phân bố	Năm ghi danh
37	Trò kéo cối trong Lễ hội làng Phú Hào	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Phường Vị Khê	2025
38	Nghề chế tác sừng mỹ nghệ Đô Hai	Nghề thủ công truyền thống	Xã Bình Sơn	2025
39	Chạy ngựa tre trong Lễ hội làng Yên Trạch	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Xã Bắc Lý	2025
40	Nghề đan mây, giang Ngọc Động	Nghề thủ công truyền thống	Phường Duy Hà	2025

(Nguồn: Bảo tàng Ninh Bình)

a) Tín ngưỡng

* Tín ngưỡng thờ vua Đinh – vua Lê

Đối với người dân Việt Nam nói chung và người dân Ninh Bình nói riêng, tín ngưỡng thờ vua Đinh – vua Lê là thờ phụng công đức của hai vị vua có công sáng lập và xây dựng đất nước thời kì đầu dựng nền độc lập (thế kỉ X) tại Cố đô Hoa Lư, thể hiện rõ nhất ở hai ngôi đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và vua Lê Đại Hành. Đây là biểu tượng của lòng biết ơn, thể hiện tinh thần “Uống nước nhớ nguồn”, lòng tự hào và tự tôn của dân tộc về một Nhà nước độc lập đầu tiên sau thời kì Bắc thuộc.

Hệ thống nghi lễ và lễ hội trong tín ngưỡng thờ vua Đinh – vua Lê rất đa dạng và phong phú, việc chuẩn bị lễ hội hết sức công phu, những người tham gia lễ hội cùng nhau đóng góp công sức để làm nên mâm lễ tế vua chu đáo, thể hiện tấm lòng tri ân của cộng đồng. Lễ hội diễn ra từ ngày mùng 8 đến ngày 10 tháng Ba (âm lịch), gồm rất nhiều nghi thức: Lễ mở cửa đền, Lễ rước nước, Lễ mộc dục, Lễ dâng hương, Lễ tế Cừ khúc,...



Hình 1.9. Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng



Hình 1.10. Đền thờ vua Lê Đại Hành

* Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ

Tín ngưỡng thờ nữ thần, mẫu thần ở Việt Nam đã hình thành từ rất sớm; đến khoảng thế kỉ XVI, tục thờ này phát triển thành hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu Tam

phủ (Tam toà Thánh Mẫu). Tam phủ tượng trưng cho ba miền vũ trụ: Thiên phủ (Trời) do Mẫu Thượng Thiên cai quản; Địa phủ (Đất) do Mẫu Địa Tiên cai quản; Thoải phủ (sông biển) do Mẫu Thoải cai quản. Quan niệm Tứ phủ bổ sung thêm Nhạc phủ (rừng núi) do Mẫu Thượng Ngàn cai quản.

Hệ thống nghi lễ và lễ hội trong tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ rất đa dạng và có nhiều nét đặc sắc. Trong đó, hai yếu tố thực hành cơ bản của tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ là nghi lễ lên đồng (hầu bóng) và lễ hội Phủ Dầy.

Quần thể di tích Phủ Dầy thuộc xã Vụ Bản, tỉnh Ninh Bình, được coi là trung tâm của tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ ở Việt Nam.



Hình 1.11. Lễ hội Phủ Dầy

EM CÓ BIẾT?

Ninh Bình cũng là một trong những địa phương có các trung tâm thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh tiêu biểu trên cả nước. Những địa danh còn lưu giữ sự tích về sự giáng thế của Mẫu Liễu Hạnh như Phủ Dầy, Phủ Nấp và gần 400 địa điểm thờ cúng Thánh Mẫu khác.

Ninh Bình cũng là một trong những địa phương có các trung tâm thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh tiêu biểu trên cả nước. Những địa danh còn lưu giữ sự tích về sự giáng thế của Mẫu Liễu Hạnh như Phủ Dầy, Phủ Nấp, phủ Đồi Ngang và gần 400 địa điểm thờ cúng Thánh Mẫu khác.

Theo truyền thống, lễ hội Phủ Dầy được tổ chức từ ngày mùng 8 tháng Giêng đến hết tháng Ba âm lịch nhằm tưởng nhớ Thánh Mẫu Liễu Hạnh, với các nghi thức, hình thức đặc trưng. Nghi lễ chính gồm: Nhập tịch (mở cửa đền phủ), Mộc Dục (rước nước tắm tượng Mẫu) và Giỗ Mẫu (lễ lớn nhất). Lễ vật gồm: bánh giầy, lợn (trầu cau), chuối tiêu và hoa quả. Chủ tế thường là các quan chức cao cấp hoặc quan đầu tỉnh. Hoạt động gắn liền với lễ hội là nghi lễ hầu đồng, hội Hoa trạng (xếp chữ cầu quốc thái dân an), rước Mẫu đi thỉnh kinh ở chùa Dền, chùa Gôi – gắn với sự tích Mẫu Liễu Hạnh được Quan Âm cứu giúp.

Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ còn nhằm đáp ứng nhu cầu và khát vọng của đời sống thường nhật của con người như cầu sức khỏe, cầu bình an, cầu làm ăn phát đạt.

b) Lễ hội truyền thống

Lễ hội truyền thống là loại hình chiếm tỉ lệ lớn trong hệ thống di sản văn hoá

phi vật thể của tỉnh Ninh Bình. Tính đến tháng 9/2025, trên địa bàn tỉnh hiện có 19 lễ hội truyền thống; 10 nghề truyền thống; 04 loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian; 06 tập quán xã hội và tín ngưỡng; cùng 01 loại hình tri thức dân gian.

* Lễ hội Hoa Lư

Lễ hội Hoa Lư diễn ra từ ngày mùng 8 đến ngày mùng 10 tháng Ba (âm lịch hàng năm, 3 năm thì tổ chức lớn một lần – hội chính), diễn ra trên địa bàn trung tâm Cố đô – nay thuộc phường Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, là nơi ngự toạ của hai ngôi đền: đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và đền thờ vua Lê Đại Hành. Không gian của lễ hội truyền thống cố đô Hoa Lư còn gắn liền với các di tích như: chùa Nhất Trụ, đền bà chúa Phất Kim, động Am Tiên, chùa động Thiên Tôn, Xuyên Thủy động, ao Giải, hang Muối, hang Tiền,...

Lễ hội Hoa Lư nhằm tưởng nhớ đến hai vị vua là vua Đinh Tiên Hoàng và vua Lê Đại Hành cùng các bậc khai quốc công thần của hai triều đại Đinh – Lê như: Quan Ngoại giáp Đinh Điền, Đinh Quốc công Nguyễn Bặc, Vệ úy Phạm Hạp, Đô hộ phủ Sĩ sư Lưu Cơ, Nam Việt Vương Đinh Liễn,...



Hình 1.12. Lễ tế Cửu khúc tại Lễ hội Hoa Lư

EM CÓ BIẾT?

Lễ mộc dục là lễ tắm tượng, nghi lễ này được tiến hành vào giờ Tý (từ 23:00 ngày hôm trước tới 01:00 ngày hôm sau) của ngày khai hội.

Tế lễ Cửu khúc là nghi lễ cổ xưa trong lễ hội Hoa Lư, diễn ra tại sân rồng đền vua Đinh vào các đêm diễn ra lễ hội. Nghi thức tế ca Cửu khúc là chín khúc tấu, ca ngợi công đức vua Đinh Tiên Hoàng được lồng ghép với nghi thức tế lễ truyền thống.

Lễ hội là sự kế tục, phát huy những tinh hoa giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể, mang ý nghĩa lịch sử, văn hoá và nhân văn sâu sắc, với những nghi lễ tiêu biểu như: Lễ mở cửa đền, Lễ mộc dục, Lễ rước lửa (từ đền vua Đinh lên đỉnh Mã Yên), Lễ rước nước (từ sông Hoàng Long về đền thờ vua Đinh), Lễ dâng hương (ở đền vua Đinh và đền vua Lê),... Phần hội bao gồm các hoạt động văn hoá – văn nghệ, các trò chơi dân gian đặc sắc như cờ lau tập trận, xếp chữ “Thái Bình”, cờ người, tổ tôm điểm, đua thuyền, chọi gà,...

* Lễ hội Đền Trần

Trong dân gian Việt Nam lưu truyền câu ca: “*Tháng Tám giỗ Cha, tháng Ba giỗ Mẹ*”. Câu ca này bắt nguồn từ tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo

(giỗ Cha tháng Tám) và Thánh Mẫu Liễu Hạnh (giỗ Mẹ tháng Ba). Đây là nét văn hoá đặc sắc, vừa mang tính lịch sử, vừa mang tính tâm linh của người Việt.

Hằng năm, Đền Trần tổ chức hai lễ hội lớn vào tháng Giêng (đầu mùa Xuân) và tháng Tám (mùa Thu). Lễ hội diễn ra tại Khu di tích Đền Trần – chùa Phổ Minh trên địa bàn phường Nam Định và một số khu vực lân cận, cùng với sự hiện diện của những người giữ gìn nghi lễ truyền thống và sự tham dự của khách hành hương. Lễ hội được tổ chức để tưởng nhớ về nguồn gốc công lao của tổ tiên, các vị vua triều Trần và đặc biệt là vị anh hùng dân tộc Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn.

Lễ hội Xuân thường diễn ra trong 3 ngày (từ ngày 14 đến ngày 16 tháng Giêng), với các nghi lễ: rước kiệu, khai ấn, rước nước, tế cá,... Trong lễ hội Xuân, theo thường lệ, lễ Khai ấn được tổ chức vào giờ Tý đêm ngày 14 rạng sáng ngày 15 tháng Giêng, về sau được mở rộng thành một nghi lễ riêng rất trọng thể. Lễ Khai ấn là một tục lệ cổ truyền đã được nhân dân địa phương gìn giữ, duy trì qua nhiều thế hệ. Trước đây, vào các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu, đúng ngày rằm tháng Giêng, lễ Khai ấn được tổ chức trước sân đền Thiên Trường với sự tham gia của 7 làng: Vọc, Lóc, Hậu Bồi, Bảo Lộc, Kênh, Bái, Tứ Mặc.

Lễ hội Thu ở Đền Trần xưa kia được tổ chức trọng thể trong 3 ngày (từ ngày 19 đến ngày 21 tháng Tám âm lịch) tại đền Cố Trạch, tưởng niệm ngày mất của Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn – vị anh hùng dân tộc, được tôn vinh là Đức Thánh Trần. Ngày nay, lễ hội diễn ra gần trọn tháng Tám, tập trung nhất từ ngày 10 đến ngày 20, với không gian mở rộng từ khu di tích Đền Trần – chùa Phổ Minh sang các xã Mỹ Trung, Mỹ Phúc, phường Nam Định của tỉnh Ninh Bình.

Nghi lễ tổ chức trong lễ hội Thu gồm: lễ rước; lễ dâng hương; lễ tế nam quan, nữ quan,... Trong thời gian diễn ra lễ hội, tại di tích thường tổ chức các trò chơi dân gian, các hoạt động văn hoá, văn nghệ như: múa rồng, lân, sư tử; múa rối nước; đấu vật; biểu diễn võ thuật truyền thống; chơi gà; thi đấu cờ người;...



Hình 1.13. Nghi lễ rước nước, tế cá trong lễ hội Đền Trần

EM CÓ BIẾT?

Từ năm 2012, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Ninh Bình đã phối hợp với Viện Văn hoá Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam xây dựng Đề án tổ chức lễ hội Đền Trần, đồng thời khôi phục lại nghi lễ rước nước, tế cá, rước kiệu Ngọc lộ.

Lễ hội Đền Trần vừa mang giá trị lịch sử, vừa là di sản văn hoá phi vật thể quan trọng, phản ánh phong tục, tín ngưỡng và nhân sinh quan của cộng đồng. Với các hoạt động văn hoá – tâm linh tập thể, lễ hội trở thành sợi dây gắn kết cư dân, nuôi dưỡng tinh thần đoàn kết và hướng con người tới giá trị chân – thiện – mỹ, đồng thời góp phần nghiên cứu đời sống văn hoá truyền thống của người dân tỉnh Ninh Bình nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung.

** Lễ hội Tịch điền Đọi Sơn*

Lễ hội Tịch điền Đọi Sơn (phường Tiên Sơn) được bảo tồn và gìn giữ qua nhiều thế kỉ. Lễ hội diễn ra vào ngày mùng 7 Tết hàng năm tại Phường Tiên Sơn, trở thành sự kiện văn hoá có ý nghĩa sâu sắc mỗi dịp Tết đến xuân về. Lễ hội nhằm tái hiện truyền thống “dĩ nông vi bản” của dân tộc, thể hiện sự coi trọng nông nghiệp, cầu mong mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu, đồng thời giáo dục lòng yêu lao động và ý thức gìn giữ bản sắc văn hoá cho các thế hệ sau.



Hình 1.14. Lễ cày Tịch điền Đọi Sơn

EM CÓ BIẾT?

Lễ hội Tịch điền Đọi Sơn (phường Tiên Sơn) là một tập quán xã hội và tín ngưỡng đã được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ghi danh là Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia (theo Quyết định số 217/QĐ-BVHTTDL ngày 23/01/2017).

Theo sử sách, lễ hội có nguồn gốc từ mùa Xuân năm Đinh Hợi (987), khi vua Lê Đại Hành về chân núi Đọi tổ chức lễ cày ruộng đầu năm để khuyến khích sản xuất nông nghiệp. Truyền thống tốt đẹp này được các triều đại kế tiếp duy trì, tuy có thời gian mai một nhưng đã được khôi phục từ năm 2009 và ngày càng được lan toả và củng cố giá trị tốt đẹp.

Phần lễ được tổ chức trang nghiêm với các nghi thức rước trống, rước linh vị vua Lê Đại Hành, tế Thần Nông và nghi lễ cày ruộng đầu năm. Phần hội diễn ra sôi nổi với nhiều hoạt động văn hoá, trò chơi dân gian, trình diễn nghệ thuật và trưng bày sản phẩm nông nghiệp, góp phần làm nổi bật bản sắc văn hoá truyền thống của vùng đất Ninh Bình.



Hình 1.15. Lễ hội chùa Long Đọi Sơn

EM CÓ BIẾT?

Chùa Đọi Sơn (Long Đọi Sơn) là ngôi chùa nổi tiếng xây dựng từ thời Lý. Lễ hội chùa Đọi mang màu sắc Phật giáo, kết hợp thờ các nhân vật lịch sử như vua Lê Đại Hành, vua Lý Nhân Tông và Hoàng Thái hậu Ý Lan. Hằng năm, lễ hội được tổ chức vào ngày 21 tháng Ba âm lịch, góp phần gìn giữ, giáo dục và phát huy giá trị truyền thống dân tộc cho thế hệ trẻ.

Hãy kể tên ít nhất một lễ hội là di sản văn hoá phi vật thể cấp quốc gia của tỉnh Ninh Bình và cho biết thời gian, địa điểm tổ chức, đối tượng được thờ phụng trong lễ hội đó.

c) Trò chơi dân gian

Trò chơi dân gian mang dấu ấn của lịch sử, của thời đại, đồng thời cũng xuất phát từ nhu cầu thực tiễn trong lao động sản xuất và chiến đấu của nhân dân. Trò chơi, trò diễn dân gian có nội dung và hình thức khá phong phú, không chỉ đáp ứng nhu cầu giải trí mà còn đáp ứng nhu cầu nâng cao thể lực và tinh thần của con người, đặc biệt trong những ngày hội hè, đình đám.

Trò chơi dân gian ở tỉnh Ninh Bình cũng mang nhiều nét chung như các trò diễn của cả nước, đặc biệt là ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, gồm các trò chơi của trẻ em và người lớn. Các trò chơi đều nhằm mục đích thi thố tài năng và rèn luyện thể lực, tinh thần. Có những trò chơi đặc sắc cho trẻ em bởi gắn liền với những bài đồng dao vô cùng quen thuộc từ xa xưa như Chi chi chành chành, Rồng rắn lên mây. Có những trò chơi quen thuộc với đồng bào người dân vùng đồng bằng Bắc Bộ cũng như khắp cả nước, nhưng cũng có những trò chơi mang tính chất địa phương, riêng biệt của Ninh Bình. Một số trò chơi dân gian tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình là:

* Cờ lau tập trận

Tương truyền, trò chơi này vốn là của Đình Bộ Lĩnh cùng vui chơi với trẻ chăn trâu khi ông còn nhỏ tuổi. Lúc nhỏ, Đình Bộ Lĩnh luôn luôn là người đứng đầu trong đám trẻ chăn trâu ở vùng Tây Hoa Lư, Ninh Bình. Ông mò côi cha từ nhỏ, ở với chú và giúp chú chăn đàn trâu của gia đình. Trong những buổi chăn trâu cùng bạn bè, ông thường đóng vai thủ lĩnh, bắt các bạn công kênh trên tay và sẵn bông lau làm cờ, chia các bạn thành các phe nhóm để tập trận. Trò chơi cờ lau tập trận

vẫn được lưu truyền từ xa xưa tới nay và là một trò chơi đặc sắc của trẻ em các phường: Tây Hoa Lư, Hoa Lư, Nam Hoa Lư của tỉnh Ninh Bình.



Hình 1.16. Tập trận cờ lau tại Lễ hội Hoa Lư

EM CÓ BIẾT?

Trò chơi dân gian chứa đựng những luật chơi, những quy tắc chơi đòi hỏi người chơi phải tôn trọng. Tuy nhiên các luật chơi, quy tắc chơi thường dễ phổ biến, dễ hiểu để mọi người cùng chơi.

Trẻ em chơi trò này cũng là những trẻ em chẵn trâu (đóng giả), chia thành các phe nhóm, lấy bông lau làm cờ, tàu chuối làm lọng, lá chuối làm trang phục để đánh trận giả. Đây là một trò chơi vừa nhắc lại thuở niên thiếu của Đinh Bộ Lĩnh, cũng là trò chơi mô phỏng việc ông đã thu phục và dẹp loạn 12 sứ quân sau này.

Trò chơi này cũng là trò diễn được diễn ra trong lễ hội Hoa Lư để tưởng nhớ công đức vua Đinh Tiên Hoàng và vua Lê Đại Hành. Trong lễ hội này thì tập trận cờ lau là phần sôi động nhất, diễn lại tích Đinh Bộ Lĩnh cùng các bạn chẵn trâu tập trận giả ở Thung Lau. Đội Cờ Lau với khoảng 60 em, chia làm hai toán, tượng trưng cho quân Thung Lau và Thung Lá. Mỗi toán các em mặc trang phục khác nhau, phía sau lưng mỗi em giắt hai bông lau chéo nhau, tay cầm gậy tre dài. Đứng đầu mỗi toán là một vị “Tướng”, đội mũ quan võ bằng lá mít, lá dứa, tay cầm gươm gỗ. Một cậu bé khô ngô, mặc quần đùi đen, sọc đỏ, đội mũ bình thiên bằng rơm, tay cầm bông lau đóng vai Đinh Bộ Lĩnh. Cả hai đội quân đều có trống cái, chiêng, thanh la. Hai đội quân hát múa, đối đáp để diễn lại tích Cờ lau tập trận của Đinh Bộ Lĩnh.

* Trò chơi đua thuyền

Do có lịch sử hình thành và phát triển gần bên những vùng sông nước nên đua thuyền đã trở thành một hoạt động có truyền thống lâu đời ở nước ta. Đối với Ninh Bình, đua thuyền bơi chải cũng là một trò chơi, một sinh hoạt văn hoá cổ truyền của các làng, đặc biệt là ở các phường: Nam Hoa Lư, Tây Hoa Lư, Hoa Lư,...; các xã: Gia Vân, Cổ Lễ,... Trò đua thuyền thường được tổ chức trong lễ hội Quyền Sơn (phường Lý Thường Kiệt), nổi bật hơn cả về quy mô hoành tráng là hội đua thuyền bơi chải trong lễ hội Hoa Lư.



Hình 1.17. Trò chơi đua thuyền tại Lễ hội Hoa Lư

EM CÓ BIẾT?

Thuyền đua truyền thống thường là thuyền thoi bằng gỗ, chạm hình rồng, hạc, đuôi tôm; có khi là thuyền độc mộc khoét rỗng. Mỗi thuyền có 14 – 24 tay bơi, kèm lái thuyền và người chỉ huy. Mỗi giáp cử một đội thi trên quãng sông khoảng một ki-lô-mét, bơi hai hoặc ba vòng, theo hiệu trống lệnh. Thuyền về trước sẽ giành thắng lợi trong không khí lễ hội.

Đây là trò chơi dân gian rất được yêu thích và diễn ra sôi nổi nhất trong hội, thu hút được nhiều thanh niên trai tráng tham gia, lượng người xem và cổ vũ cũng rất đông.

* Trò chơi đi cà kheo

Trò chơi đi cà kheo ở Ninh Bình là một nét văn hoá dân gian đặc sắc, phổ biến trong các lễ hội truyền thống, đặc biệt là ở các vùng có đồng bào Mường và vùng biển (Hải Hậu, Nghĩa Hưng),... Trò chơi đi cà kheo là một trò chơi đòi hỏi người chơi phải lấy được thế cân bằng, có bước đi chính xác, sức khoẻ tốt, kết hợp nhịp nhàng cả chân lẫn tay. Để làm chủ được đôi cà kheo cũng đòi hỏi một khoảng thời gian tập luyện nhất định, dài hay ngắn tùy theo sự khéo léo của mỗi người. Các cuộc thi và trò chơi đi cà kheo thường tạo được tiếng cười sảng khoái cho khán giả bởi sự hấp dẫn, bất ngờ của trò chơi.



Hình 1.18. Trò chơi đi cà kheo

1. Hãy kể tên một số trò chơi dân gian tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình và nêu đặc điểm, ý nghĩa văn hoá của các trò chơi đó.

2. Đóng vai hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu với bạn đọc về một trò chơi dân gian thường được tổ chức ở địa phương em.

Các trò chơi dân gian có hình thức và nội dung khá phong phú. Bên cạnh các trò chơi nhằm phô diễn sức khoẻ, sự dẻo dai, khéo léo như: kéo co, đấu vật, đẩy

gậy, đi cà kheo, thả diều,... còn có những trò chơi trí tuệ như: cờ tướng, cờ người, tổ tôm điểm,... Những trò chơi dân gian được tổ chức trong những ngày nông nhàn, trong các lễ hội hoặc tổ chức vào ngày đầu xuân năm mới. Các trò chơi dân gian góp phần thu hút khách tham quan du lịch, từ đó góp phần quảng bá hình ảnh, giá trị của văn hoá địa phương đối với bạn bè trong nước và quốc tế.

d) Văn hoá ẩm thực

Ninh Bình sở hữu địa hình đa dạng (đồng bằng, vùng núi, ven biển) tạo nên nguồn sản vật phong phú từ lúa gạo, nông sản đến thuỷ hải sản,...

** Tập quán và khẩu vị trong món ăn*

– Các món ăn đặc trưng:

Là một tỉnh trung thổ Bắc Bộ, địa hình khá đa dạng, mang tính thuần nông nên Ninh Bình có nhiều sản phẩm lúa gạo như gạo nếp, gạo tẻ; ngoài ra còn có các loại lương thực, thực phẩm khác như: khoai, ngô, sắn, đỗ, lạc, vừng; các loại rau như rau muống, rau cần, rau cải, rau đay,...; các loại thịt: lợn, gà, chim, vịt, ngỗng, ngan, chó, dê, trâu, bò,...; các sản phẩm sông nước như cá, tôm, cua, ốc,... Các món ăn được chế biến mang đặc trưng của từng vùng, miền và phổ biến, quen thuộc trong đời sống hằng ngày của dân cư như:

Ốc nhồi thè thốt xương sông

Cá mè gạ gặm dọc mùng ai ơi

Ếch kia nháo nhác mướp đồng

Cò kia lúng liếng với nhà mặng non...

Cơ cấu bữa ăn của người dân Ninh Bình khá phong phú về cách chế biến, tạo nên những món ăn đặc trưng như món mắm tươi: “Mắm tươi nước cất, đo vật ba năm”, món cá trắm kho tộ: “Ăn cá trắm, uống rượu tầm, vật trắm trện”. Các món ăn dân dã, bình dị, ăn ngon và dễ làm, có tác dụng bồi bổ sức khoẻ. Điều đó vừa nói lên sự phong phú, đa dạng của món ăn, lại vừa thể hiện phong vị riêng biệt trong từng món.



Hình 1.19. Thành phẩm của cơ sở cá kho Trần Xuân Thực (xã Nam Lý)

- Các món ăn theo phong tục:
- + Các món ăn để thờ cúng: ở đình, đền, miếu bao gồm món ăn mặn và chay.
- + Các món ăn ở chùa: chỉ dùng món chay (xôi oản) và hoa quả.
- + Các món ăn trong cỗ khao, cỗ cưới: làm đủ món; cỗ giáp, cỗ họ, cỗ làng không cốt to nhỏ mà cốt sang: “Một miếng giữa làng, bằng một sàng xó bếp”.
- Một số món ăn đặc sản:
- + Phở bò



Hình 1.20. Các đại biểu cắt băng khai mạc Festival Phở

EM CÓ BIẾT?

Năm 2024, Festival Phở lần đầu tiên được tổ chức tại tỉnh Ninh Bình nhằm nâng tầm vị thế phở trở thành một thương hiệu. Từ đó, tôn vinh văn hoá ẩm thực phở là Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia; hướng tới đề nghị cấp thẩm quyền cho phép xây dựng Hồ sơ trình UNESCO ghi danh trong danh sách Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại.

- + *Thịt dê núi*: Chế biến đa dạng (tái chanh, xào, nhúng mẻ,...), nổi tiếng nhờ thịt săn chắc, thơm vị thảo mộc.
- + *Cơm cháy*: Giòn rụm, thường ăn kèm với nước sốt tim cật hoặc thịt dê.
- + *Một số sản vật khác*: Miến lươn, cá rô Tổng Trường, cá trắm kho tộ, ốc nhồi xương sông, nem chua Yên Mạc...



Hình 1.21. Cơm cháy, thịt dê

EM CÓ BIẾT?

Bằng sự cần cù, sáng tạo, người Ninh Bình đã biết chế biến những sản vật từ thiên nhiên dù dân dã nhưng rất ngon lành và không kém phần sang trọng. Có nhiều món ăn đã trở thành đặc sản nổi tiếng của người dân Ninh Bình, không chỉ nổi tiếng ở trong mà cả ngoài nước.

** Tập quán và khẩu vị trong thức uống*

Bên cạnh việc chế biến các món ăn, người dân Ninh Bình cũng rất chú ý chế biến các loại thức uống.

– Các loại rượu:

+ *Rượu ủ*: Thường làm bằng nếp vò ủ với men. Khi có mùi thơm dậy thì mang ra ăn (được gọi là rượu nếp). Rượu ủ được dùng phổ biến vào dịp Tết, ngày mùng 5 tháng Năm âm lịch, thường ăn loại này gọi là để “chiết sâu bọ”. Người ta còn lấy trứng gà ngâm cả quả vào rồi đem hạ thổ, sau 100 ngày đưa lên dùng sẽ rất tốt.

+ *Rượu nấu*: Còn gọi là rượu ngang. Nấu bằng gạo tẻ hoặc gạo nếp. Rượu nấu gạo nếp tuy đắt hơn nhưng ngon hơn. Nấu rượu cũng đòi hỏi phải có tay nghề cao, có như vậy rượu mới ngon. Ở Ninh Bình có nhiều nơi nấu rượu, nhưng được người dân ưa chuộng hơn cả là rượu bèo ở phường Tiên Sơn, rượu Vọc ở xã Bình Giang, rượu Hợp Lý ở xã Lý Nhân.

+ *Rượu cần Nho Quan*: Rượu cần là loại rượu không qua chưng cất trên lửa. Người ta dùng gạo nếp xay (gạo lứt) nấu thành cơm trộn đều với men đem ủ vào trong ang hoặc vò sành từ ba tháng trở lên mới được uống. Khi sắp uống, đem đổ nước vào ang. Nước đầu bao giờ cũng ngon và ngọt, đổ nước tiếp, rượu sẽ nhạt dần. Uống rượu cần không dùng chén, mà phải có các cần rượu làm bằng thân cây trúc được thông rỗng bên trong cắm vào ang rượu.

+ *Rượu Lai Thành*: Lai Thành là xã vùng quê nằm ở cực nam tỉnh Ninh Bình, có nhiều đặc sản như gạo dự hương, nếp mùa, nếp hoa cau,... nhưng nổi tiếng hơn cả vẫn là thứ rượu được chưng cất từ gạo trồng trên chính đất này.

Các loại rượu được pha chế hay ngâm kèm: Rượu bao tử dê, Rượu tiết dê, Rượu vắt mật ong vệt, rượu ngâm từ các loại quả: chuối hột, vải, nhãn, lúa đòng...

– Các loại thức uống từ trà (chè):

+ *Trà hoa vàng Cúc Phương*: Cây trà hoa vàng đang được phân bố tại Vườn quốc gia Cúc Phương. Sản phẩm Trà hoa vàng Cúc Phương đã được công nhận là sản phẩm OCOP 4 sao của tỉnh Ninh Bình. Hoa trà thường được thu hoạch và sấy lạnh để giữ nguyên màu sắc và dược tính. Do sự quý hiếm và công dụng tốt cho sức khỏe (như hỗ trợ tim mạch, giải độc gan, chống oxy hoá), loại trà này có giá trị kinh tế rất cao, được ví như "vàng xanh" của vùng đất cổ đô.

+ *Chè Ba Trại (Tam Điệp)*: Ba Trại thuộc phường Tam Điệp. Đây là vùng đồi núi của Ninh Bình, từ lâu đã nổi tiếng với loại chè xanh Ba Trại. Chè được trồng trên đồi cao, lá xanh, dày và ngắn, đặc biệt khi hái không được hái búp. Khi hãm chè phải dùng nước mưa, lúc đầu chè hơi có vị chát, nhưng sau đó chè sẽ có vị ngọt mát, mùi thơm dịu, rất hấp dẫn, nước chè trong và xanh.

+ Trà Sơn Kim Cúc là một loại chè nổi tiếng từ xưa được làm bằng hoa cúc vàng trên núi Non Nước, nên gọi là trà Sơn (núi) Kim Cúc (cúc vàng). Hiện nay, loại chè này được trồng và chế biến phổ biến ở các thôn thuộc phường Nam Hoa Lư. Cây trà Sơn Kim Cúc rất thích hợp với đất núi do mưa chảy xuống các thung, có thể trồng bằng gốc hay cành đều được. Để sao chế, người ta hái hoa cúc về sao tươi cho tái rồi phơi khô, sau đó đóng gói. Loại trà này không có nhiều vì thiếu đất hợp để trồng, mỗi ấm chỉ dùng 15 đến 20 nụ hoa là đã có ấm trà ngon.



Hình 1.22. Trà Sơn Kim Cúc

1. Nêu một số món ăn và thức uống mang nét đặc trưng của các địa phương ở tỉnh Ninh Bình.
2. Hãy giới thiệu về các món ăn đặc sản của các địa phương trong tỉnh Ninh Bình theo các nội dung sau:

Phường/Xã	Các món ăn đặc sản	Nguyên liệu
?	?	?
?	?	?

2. Bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hoá phi vật thể

2.1. Thực trạng một số di sản văn hoá phi vật thể ở tỉnh Ninh Bình

Ngày nay, xã hội phát triển theo xu hướng hiện đại và môi trường sống của con người thay đổi dẫn đến việc di sản thay đổi và mai một rất nhanh. Sự thay đổi, suy giảm hoặc biến mất của các di sản văn hoá phi vật thể thường khó phát hiện hơn các di sản vật thể. Ninh Bình là một trong những khu vực phát triển kinh tế – xã hội nhanh trong thời gian qua. Nhiều di sản vật thể và phi vật thể đã mai một cùng với quá trình đô thị hoá và sự thay đổi các giá trị và tập quán trong đời sống sinh hoạt của nhân dân.

EM CÓ BIẾT?

Danh sách di tích đã xếp hạng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến tháng 9/2025 có tổng là 1 106 di tích, gồm: 10 di tích cấp Quốc gia đặc biệt, 264 di tích cấp Quốc gia, 832 di tích cấp Tỉnh, 17 bảo vật Quốc gia, 01 di sản văn hoá phi vật thể được UNESCO ghi danh, 40 di sản văn hoá phi vật thể quốc gia.

– Các di sản ưu tiên bảo vệ: là những di sản có tính phổ biến, có giá trị độc đáo, thể hiện sự sáng tạo, trao truyền liên tục từ đời này sang đời khác, có ý nghĩa sâu sắc đối với đời sống văn hoá hiện tại, có tiềm năng phát triển bền vững. Đó là các di sản thuộc loại hình:

+ Nghệ thuật trình diễn dân gian: Nghệ thuật Hát chèo; Nghệ thuật Hát văn/Chầu văn; Múa xênh tiền; Nghệ thuật trình diễn cồng chiêng; Nghệ thuật trình diễn hát sắc bùa; Trò chơi ném còn; Trò chơi đi cà kheo;...

+ Tập quán xã hội và tín ngưỡng: Tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu Hạnh, thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ;...

+ Lễ hội truyền thống: Lễ hội Hoa Lư; Lễ hội làng Bình Hải; Lễ hội Báo Bản làng Nộn Khê; Lễ hội đền Đức Thánh Nguyễn; Lễ hội đền Thái Vi;...

+ Nghề thủ công truyền thống: Thêu ren; Nghề làm gốm sành Gia Thủy; Nghề dệt chiếu cói; Nghề làm gốm sứ Bồ Bát; Nghề làm mắm tép;...

– Các di sản ưu tiên bảo vệ khẩn cấp: là những di sản ngoài các tiêu chí như các di sản nằm trong diện ưu tiên bảo vệ, thì việc không còn được thực hành thường xuyên, những người nắm giữ di sản đang ở độ tuổi cao và không có đối tượng trao truyền; môi trường sống thay đổi dẫn đến không còn không gian và những điều kiện để thực hành, có nguy cơ mai một, thất truyền cao... Đó là 05 di sản thuộc loại hình: Nghệ thuật trình diễn dân gian (Nghệ thuật Hát xẩm); Tiếng nói, chữ viết (Tiếng Mường, Tiếng Mường Kỳ Lão, Các bài mo của người Mường) và Tập quán xã hội và tín ngưỡng (Mo Mường).

Nêu thực trạng của một di sản văn hoá phi vật thể ở tỉnh Ninh Bình mà theo em cần phải bảo vệ.

2.2. Một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể ở tỉnh Ninh Bình

Hệ thống di sản văn hoá phi vật thể ở tỉnh Ninh Bình có giá trị to lớn không chỉ đối với truyền thống văn hoá địa phương mà còn góp phần quan trọng vào sự đa dạng và độc đáo của văn hoá dân tộc Việt Nam. Vì vậy, việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản một cách hiệu quả vừa đóng góp vào việc xây dựng, phát triển đất nước, vừa là trách nhiệm với các thế hệ mai sau.

Xuất phát từ thực tiễn hệ thống di sản văn hoá phi vật thể tỉnh Ninh Bình, cần có các biện pháp đồng bộ và toàn diện để bảo tồn và phát huy giá trị các di sản này, đặc biệt là gắn liền với đặc trưng kinh tế – xã hội và thế mạnh của địa phương trong việc phát triển kinh tế xanh từ lợi thế tài nguyên văn hoá.

Bảo đảm quyền sáng tạo và hưởng thụ di sản văn hoá phi vật thể của cộng đồng chủ thể.

Tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo tồn di sản.

Tăng cường đầu tư cho cơ sở vật chất và nguồn nhân lực cho bảo tồn, phát huy di sản.

Tăng cường biện pháp bảo vệ di sản.

Bảo đảm các di sản văn hoá phi vật thể được thực hành, hưởng thụ bởi con người, cộng đồng với các giá trị văn hoá tốt đẹp; hướng tới sự phát triển xã hội toàn diện.

Nâng cao nhận thức về giá trị di sản; giáo dục ý thức, tinh thần trách nhiệm của cá nhân và cộng đồng về việc bảo vệ di sản.

Đẩy mạnh đầu tư nghiên cứu, khảo sát về di sản; tăng cường cơ sở vật chất, nguồn lực bảo tồn di sản, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác di sản.

Tăng cường năng lực tổ chức, quản lý nhà nước đối với di sản; xã hội hoá công tác bảo vệ di sản thông qua vai trò cộng đồng, địa phương; giải quyết hài hoà giữa bảo tồn di sản và phát triển kinh tế – xã hội; xử lý kịp thời những vi phạm trong quá trình bảo vệ, khai thác giá trị di sản.

Điều 18. Bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể có nguy cơ mai một, thất truyền

1. Di sản văn hoá phi vật thể có nguy cơ mai một, thất truyền được xác định theo một trong các tiêu chí sau đây:

- Khả năng tồn tại, thực hành và trao truyền trong cộng đồng chủ thể đang bị ngăn cản hoặc đe dọa, khó có khả năng phục hồi và có thể bị biến mất;
- Số lượng nghệ nhân giảm mạnh, suy giảm người thực hành và thế hệ kế cận;
- Suy giảm, biến đổi điều kiện và hình thức thực hành;
- Không gian văn hoá liên quan, môi trường thực hành di sản văn hoá phi vật thể bị thu hẹp hoặc biến mất.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ kết quả kiểm kê, thực trạng thực hành di sản văn hoá phi vật thể, tiêu chí quy định tại Khoản 1 Điều này, ý kiến đề xuất của cơ quan chuyên môn về văn hoá cấp tỉnh và đề nghị của chủ thể di sản văn hoá phi vật thể để xác định di sản văn hoá phi vật thể có nguy cơ bị mai một, thất truyền.

3. Các biện pháp bảo vệ khẩn cấp di sản văn hoá phi vật thể có nguy cơ mai một, thất truyền bao gồm:

- Nghiên cứu, tư liệu hoá các thực hành, hình thức thể hiện;
- Phục hồi các thực hành, hình thức thể hiện, điều kiện, hiện vật và không gian văn hoá liên quan;
- Tổ chức truyền dạy;
- Biện pháp khác.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan chức năng trên địa bàn triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ khẩn cấp quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch căn cứ văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét trình Thủ tướng Chính phủ cho phép tổ chức xây dựng hồ sơ đề nghị UNESCO hỗ trợ bảo vệ các di sản được ghi danh trong Danh sách cần bảo vệ khẩn cấp từ Quỹ bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể của Công ước 2003 về bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể của UNESCO.

Trích Luật Di sản văn hoá, 2024



Hình 1.23. Trẻ em Ninh Bình tham gia các trò chơi dân gian tại Phố cổ Hoa Lư

Việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá phi vật thể tại tỉnh Ninh Bình cần được triển khai rộng rãi trong các nhà trường phổ thông, giúp thế hệ trẻ hiểu rõ giá trị truyền thống độc đáo của văn hoá địa phương và tham gia tích cực vào quá trình thực hành, bảo lưu và phát huy giá trị di sản trong thời đại mới.

1. Nêu một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể của tỉnh Ninh Bình.
2. Theo em, học sinh có thể làm gì để góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể của tỉnh Ninh Bình?

C. LUYỆN TẬP

1. Lập bảng thống kê về một số di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình theo mẫu sau đây:

STT	Tên di sản	Loại hình	Địa điểm	Tóm tắt về di sản
1	?	?	?	?
2	?	?	?	?
...	?	?	?	?

2. Phân tích giá trị văn hoá – lịch sử tiêu biểu của lễ hội đối với đời sống tinh thần của cộng đồng địa phương. Theo em, vì sao những lễ hội này cần được bảo tồn và phát huy trong bối cảnh hiện nay?

3. Lựa chọn một di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình để báo cáo trước lớp (có thể trình bày bằng nhiều hình thức khác nhau như: trình chiếu, đồ họa, video,...).

D. VẬN DỤNG

Tìm hiểu thông tin (tư liệu, hình ảnh, video,...) để lập hồ sơ về một di sản văn hoá phi vật thể (chưa được đề cập trong mục 1.2) của tỉnh Ninh Bình và của xã/phường nơi em sinh sống.

Chủ đề 2

PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm các nguồn tài nguyên du lịch tỉnh Ninh Bình.
- Phân tích được tình hình phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình.
- Trình bày được sự phân bố một số điểm du lịch nổi bật trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
- Đề xuất được phương hướng phát triển du lịch bền vững trong bối cảnh hiện nay của tỉnh Ninh Bình.
- Sử dụng bản đồ, biểu đồ, số liệu thống kê, tranh ảnh,... để nhận xét, giải thích được sự phát triển và phân bố du lịch tỉnh Ninh Bình.
- Thiết kế được một sản phẩm tuyên truyền về điểm du lịch/khu du lịch,... ở địa phương.
- Có ý thức tích cực, tự giác trong việc gìn giữ, quảng bá nhằm thúc đẩy sự phát triển ngành du lịch của địa phương.

A. KHỞI ĐỘNG

Tỉnh Ninh Bình có nhiều tiềm năng phát triển du lịch với tài nguyên du lịch đa dạng, thuận lợi về vị trí địa lý và nhiều điều kiện kinh tế – xã hội để có thể phát triển nhiều loại hình du lịch.



Hình 2.1. Di sản thế giới tổng hợp Tràng An – Bái Đính

Dựa vào hình 2.1 và hiểu biết của bản thân, em hãy cho biết tỉnh Ninh Bình đã khai thác tiềm năng đó như thế nào, thực trạng và định hướng phát triển du lịch của tỉnh ra sao?

B. KHÁM PHÁ

1. Tài nguyên du lịch tỉnh Ninh Bình

1.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Tài nguyên du lịch tự nhiên của tỉnh Ninh Bình rất đa dạng, phong phú, là cơ sở để phát triển nhiều loại hình du lịch hấp dẫn như: du lịch sinh thái, danh thắng, nghỉ dưỡng, trải nghiệm và khám phá khoa học,...

a) Địa hình

Địa hình tỉnh Ninh Bình có sự phân hoá rõ rệt và chuyên tiếp độc đáo, nghiêng dần từ tây bắc xuống đông nam.

– Vùng đồi núi và các-xtơ: Phía tây và tây bắc là vùng núi đá vôi với cảnh quan các-xtơ đặc sắc. Những dãy núi đá vôi uốn lượn tạo nên hệ thống thung lũng, hang động xuyên thủy kì ảo như Quần thể danh thắng Tràng An, Tam Cốc, chùa Bích Động hay các hang động đẹp như Ngũ Động Thi Sơn, Phúc Long, Kẽm Trống,...

– Vùng đồng bằng và ven biển: Chiếm phần lớn diện tích tỉnh, bao gồm đồng bằng phù sa sông và đồng bằng duyên hải Kim Sơn, Giao Thủy, Hải Hậu đang được bồi tụ, tạo thuận lợi cho du lịch biển và tham quan cánh đồng.



Hình 2.2. Hang động Tam Cốc (phường Hoa Lư)

(Tác giả Xuân Lâm. Nguồn: Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình)

b) Khí hậu

Ninh Bình nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của biển.

– Chế độ nhiệt – ẩm: Nhiệt độ trung bình năm từ 23,3 – 24,2 °C, độ ẩm cao trên 80 %. Khí hậu có sự phân mùa rõ rệt: mùa hè nóng ẩm, mùa đông có từ 2 – 3 tháng lạnh (nhiệt độ dưới 18 °C), tạo điều kiện khai thác du lịch đa dạng, quanh năm.

– Hạn chế: Là khu vực thường xuyên chịu tác động của bão, áp thấp nhiệt đới và ngập lụt nên tỉnh Ninh Bình cần lưu ý trong công tác tổ chức các hoạt động du lịch ngoài trời.

c) Nguồn nước

Ninh Bình có mạng lưới sông ngòi dày đặc với các dòng sông lớn như sông Hồng, sông Đáy, sông Ninh Cơ, sông Hoàng Long,...

– Nước mặt: Các dòng sông không chỉ mang lại giá trị giao thông đường thủy mà còn tạo cảnh quan cho các khu du lịch. Hệ thống hồ, đầm lớn như hồ Tam Chúc (phường Tam Chúc), đầm Vân Long, hồ Yên Thắng có cảnh quan rất đẹp, có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái lớn.

– Nước khoáng nóng: Một tài nguyên đặc biệt có giá trị du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh là suối nước nóng Kênh Gà và suối Thường Sung.



Hình 2.3. Suối nước nóng Kênh Gà (xã Gia Viễn)

(Nguồn: Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình)

d) Sinh vật

Sự đa dạng sinh học là điểm nhấn của tỉnh, nổi bật với các khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia mang tầm quốc tế. Đây là điều kiện thuận lợi để hình thành

các điểm tham quan, thu hút khách du lịch đến để nghỉ dưỡng kết hợp với nghiên cứu khoa học, giúp học sinh nâng cao nhận thức và ý thức bảo tồn thiên nhiên.

– Hệ sinh thái rừng: Rừng trên núi đá vôi tuy diện tích không lớn nhưng có sự đa dạng sinh học cao. Vườn quốc gia Cúc Phương là vườn quốc gia đầu tiên của Việt Nam được vinh danh là Vườn quốc gia hàng đầu châu Á, nơi lưu giữ hàng nghìn loài động, thực vật quý hiếm.

– Hệ sinh thái đất ngập nước và ven biển: Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long là vùng đất ngập nước lớn nhất đồng bằng Bắc Bộ, là nơi cư trú của loài Voọc mông trắng quý hiếm. Vườn quốc gia Xuân Thủy – công viên di sản ASEAN mới (tháng 9/2025) – thuộc khu dự trữ sinh quyển châu thổ sông Hồng với các dải rừng ngập mặn sù, vẹt, nhiều loài chim di cư quý hiếm như cò thìa, rẽ mỏ thìa, bồ nông chân xám,...



Hình 2.4. Sân chim Vườn quốc gia Xuân Thủy (xã Giao Minh)

(Tác giả: Trần Hưng. Nguồn: Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình)

1.2. Tài nguyên du lịch văn hoá

a) Di tích lịch sử, khảo cổ, kiến trúc

Tỉnh Ninh Bình sở hữu hệ thống di tích lịch sử – kiến trúc phong phú, phản ánh chiều sâu văn hoá của vùng châu thổ sông Hồng. Tính đến năm 2025, tỉnh Ninh Bình có 5 071 di tích lịch sử – văn hoá, trong đó có 1 106 di tích đã được xếp hạng; những di sản văn hoá tiêu biểu là di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Cố đô Hoa Lư, Đền Trần – Tháp Phổ Minh, chùa Bái Đính – Tam Chúc, di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh núi Non Nước. Đặc biệt là Quần thể danh thắng Tràng An, được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới.



Hình 2.5. Khu di tích lịch sử – văn hoá Cố đô Hoa Lư (phường Tây Hoa Lư)

(Nguồn: Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình)

b) Giá trị văn hoá truyền thống, lễ hội, văn nghệ dân gian

Không gian văn hoá của tỉnh Ninh Bình mang đậm bản sắc văn hoá của đồng bằng Bắc Bộ. Tỉnh Ninh Bình có nhiều lễ hội truyền thống tập trung chủ yếu vào mùa xuân (lễ hội Đền Trần, lễ hội Phủ Dầy, lễ hội Hoa Lư, lễ hội chùa Bái Đính, lễ hội hoa Tràng An, lễ hội làng Bình Hải, lễ hội Tịch điền Đọi Sơn, lễ hội chùa Bà Đanh).

Văn nghệ trình diễn dân gian (nghệ thuật hát chèo, chầu văn, hát xẩm, hát dặm,...) được gìn giữ và phát huy, góp phần làm phong phú đời sống tinh thần của nhân dân địa phương.

Đặc biệt, Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt với trung tâm là lễ hội Phủ Dầy đã được UNESCO ghi danh là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại.



**Hình 2.6. Văn nghệ dân gian –
Chiếng chèo Nam**



**Hình 2.7. Tín ngưỡng thờ Mẫu –
Lễ hội Phủ Dầy**

(Nguồn: Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình)

c) Làng nghề truyền thống

Tỉnh Ninh Bình có nhiều làng nghề nổi tiếng, gắn với lịch sử sinh kế lâu đời của người dân, tiêu biểu như làng đá mỹ nghệ Ninh Vân, làng thêu ren Văn Lâm, làng lụa Nha Xá, làng nghề cói Kim Sơn, làng nghề đúc đồng Tống Xá, làng mộc La Xuyên, làng cây cảnh Vị Khê, làng trồng Đọi Tam, làng thêu ren An Hoà, làng gốm Quyết Thành,...



Hình 2.8. Làng lụa Nha Xá (xã Mộc Hoàn)

(Nguồn: Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình)

Các làng nghề không chỉ tạo ra sản phẩm thủ công mỹ nghệ đặc sắc mà còn trở thành điểm tham quan, trải nghiệm hấp dẫn đối với du khách. Bên cạnh đó, còn có

các ngôi làng cổ mộc mạc đậm chất quê, các trung tâm văn hoá cộng đồng dân cư và các công trình kiến trúc độc đáo, các công trình lao động sáng tạo đã mang đến những trải nghiệm thú vị, hấp dẫn du khách trong nước và quốc tế.

d) Ẩm thực

Ẩm thực của tỉnh Ninh Bình đa dạng, mang đậm hương vị vùng đồng bằng Bắc Bộ, nổi bật là các món ăn từ dê núi, cơm cháy, nem, bún truyền thống và các đặc sản địa phương khác. Đặc biệt, Ninh Bình được xem là một trong những cái nôi của phở Việt. Nước dùng trong, ngọt thanh từ xương bò ninh kĩ, sợi phở nhỏ, mềm và bánh phở trắng mỏng đặc trưng. Hương vị đậm đà, tinh tế của phở bò nơi đây đã góp phần làm nên thương hiệu ẩm thực riêng của vùng đất cố đô.



Hình 2.10. Đặc sản dê núi



Hình 2.11. Phở bò

(Nguồn: Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình)

Ẩm thực vừa đáp ứng nhu cầu thưởng thức của du khách, vừa góp phần quảng bá hình ảnh văn hoá địa phương.

EM CÓ BIẾT?

Quần thể danh thắng Tràng An – Bái Đính được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới (Di sản hỗn hợp) vào ngày 25/6/2014. Tràng An nổi tiếng với cảnh quan các-xtơ đá vôi hùng vĩ, hệ thống hang động kì ảo, sông nước hữu tình. Chùa Bái Đính là không gian tâm linh quy mô lớn, giữ nhiều kỉ lục như tượng Phật bằng đồng dát vàng lớn nhất châu Á.

Dựa vào thông tin mục 1, hãy chứng minh rằng tài nguyên du lịch của tỉnh Ninh Bình rất phong phú.

2. Thực trạng phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình

2.1. Khách du lịch

Số lượt khách đến các điểm tham quan, du lịch (gọi tắt là số lượt khách du lịch) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 – 2025 tăng trưởng khá cao, bình quân giai đoạn 2020 – 2025 lượng khách tăng 25,4 %/năm.

Giai đoạn 2020 – 2021, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, ngành du lịch của Việt Nam nói chung và của tỉnh Ninh Bình nói riêng bị ảnh hưởng nặng nề, số lượt khách du lịch giảm mạnh, đặc biệt là khách quốc tế. Hiện nay, du lịch đã được phục hồi nhanh chóng, năm 2025, toàn tỉnh đón gần 18 triệu lượt khách, trong đó có khoảng 2,0 triệu lượt khách quốc tế.

Bảng 2.1. Số lượt khách du lịch tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2015 – 2025

(Đơn vị: triệu lượt người)

Năm	2015	2020	2025
Tổng số lượt khách	7,2	5,8	18,0
Khách trong nước	6,6	5,5	16,0
Khách quốc tế	0,6	0,3	2,0

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình năm 2015, 2020, 2025 và Đề án Phát triển công nghiệp văn hoá, du lịch tỉnh Ninh Bình 2045)

2.2. Doanh thu du lịch

Cùng với sự gia tăng về số lượt khách du lịch, doanh thu du lịch của tỉnh Ninh Bình có mức tăng khá cao trong giai đoạn 2015 – 2025, giai đoạn 2020 – 2025 đạt mức trung bình trên 43 %/năm. Năm 2025, doanh thu du lịch của tỉnh đạt gần 37,4 nghìn tỉ đồng.

Bảng 2.2. Doanh thu du lịch tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2015 – 2025

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Năm	2015	2020	2025
Doanh thu du lịch	1,8	1,6	37,4

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình năm 2015, 2020, 2025 và Đề án Phát triển công nghiệp văn hoá, du lịch tỉnh Ninh Bình 2045)

Giai đoạn 2020 – 2021, doanh thu du lịch của tỉnh giảm mạnh do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Năm 2025, du lịch của tỉnh đã tăng trưởng trở lại, gấp 23,4 lần so với năm 2020. Mặc dù có những biến động nhưng doanh thu du lịch ngày càng tăng, đóng góp lớn vào GRDP của tỉnh. Điều này thể hiện vai trò quan trọng của ngành du lịch đối với nền kinh tế Ninh Bình, được coi là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hướng tới mục tiêu xây dựng tỉnh Ninh Bình trở thành “Trung tâm du lịch di sản, sinh thái, văn hoá và tôn giáo của Việt Nam” vào năm 2030.

2.3. Các loại hình du lịch chủ đạo

– Du lịch văn hoá – lịch sử: Ninh Bình là một trong những kinh đô thời phong kiến của Việt Nam nên có nhiều di tích lịch sử – văn hoá đặc biệt quan trọng, đánh dấu những sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc. Những địa điểm du lịch văn hoá – lịch sử nổi bật như: Khu di tích Đền Trần – chùa Tháp, Khu di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Cố đô Hoa Lư, hệ thống các nhà thờ Thiên Chúa giáo như Phát Diệm, Bùi Chu,...

– Du lịch sinh thái: Ninh Bình có nhiều khu vực địa hình độc đáo, hệ sinh thái phong phú nên hoạt động tham quan thiên nhiên rất đa dạng. Các hoạt động du lịch sinh thái nổi bật là tham quan Quần thể danh thắng Tràng An, Vườn quốc gia Cúc Phương, Vườn quốc gia Xuân Thủy,...

– Du lịch cộng đồng: Là tỉnh có nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng, cùng với việc tăng cường tuyên truyền, quảng bá, ngành du lịch Ninh Bình cũng khuyến khích các loại hình du lịch phát triển, trong đó có du lịch cộng đồng. Khi tham gia loại hình du lịch này, du khách được trải nghiệm các hoạt động diễn ra trong cuộc sống thường ngày của các gia đình như nấu ăn, sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, trồng trọt, cấy lúa, cấy ruộng, bắt tôm – cá,... Du lịch cộng đồng tập trung nhiều ở xã Gia Viễn, Gia Vân, phường Nam Hoa Lư.

Ngoài ra, hiện nay Ninh Bình còn phát triển một số loại hình du lịch mới như nghỉ dưỡng kết hợp chăm sóc sức khoẻ ở khu suối khoáng nóng Kênh Gà, khu du lịch Tam Cốc...; loại hình du lịch thể thao (chạy bộ, đi bộ đường dài, chơi golf,...).



Hình 2.12. Bản đồ du lịch tỉnh Ninh Bình

(Nguồn: Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình)

Dựa vào thông tin mục 2, hãy nêu thực trạng phát triển của ngành du lịch tỉnh Ninh Bình.

3. Định hướng phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình

3.1. Định hướng chung

Tỉnh Ninh Bình xác định phát triển du lịch và công nghiệp văn hoá là cụm ngành kinh tế mũi nhọn, lấy giá trị di sản, thiên nhiên và cộng đồng làm trụ cột. Mục tiêu đưa Ninh Bình trở thành “Trung tâm du lịch di sản – sinh thái – văn hoá – tôn giáo của Việt Nam và thế giới”.

Mục tiêu cụ thể:

– Đến năm 2030: Du lịch đóng góp khoảng 10 % GRDP, đón 30 triệu lượt khách.

– Đến năm 2035: Trở thành trung tâm du lịch của khu vực châu Á, đóng góp trên 15 % GRDP.

– Tầm nhìn 2050: Trở thành thành phố du lịch quốc tế, đô thị sáng tạo toàn cầu được UNESCO công nhận.

3.2. Định hướng cụ thể để phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình

– Phát triển du lịch theo chiều sâu, nâng cao giá trị gia tăng: Tập trung nâng cấp chất lượng dịch vụ, đa dạng hoá sản phẩm, hướng tới phân khúc khách có mức chi tiêu cao, kéo dài thời gian lưu trú.

– Lấy du lịch văn hoá – di sản làm trụ cột: Phát huy giá trị Quần thể danh thắng Tràng An, Cố đô Hoa Lư, chùa Bái Đính, chùa Tam Chúc, Đền Trần,... gắn với lễ hội, tín ngưỡng và làng nghề truyền thống để xây dựng thương hiệu điểm đến di sản – tâm linh vươn tầm quốc gia và quốc tế.

– Đẩy mạnh du lịch sinh thái – nghỉ dưỡng cao cấp: Khai thác hiệu quả tài nguyên tại Vườn quốc gia Cúc Phương, Vườn quốc gia Xuân Thủy, suối khoáng nóng Kênh Gà và vùng biển Cồn Nổi theo hướng bền vững, kết hợp chăm sóc sức khoẻ và nghỉ dưỡng cao cấp.

– Hình thành các tuyến du lịch liên kết vùng: Xây dựng các tuyến trục Bắc – Nam (Tam Chúc – Bái Đính – Tràng An – Phát Diệm), tuyến sinh thái – bảo tồn và tuyến nông thôn – cộng đồng, tăng cường liên kết nội tỉnh và vùng Đồng bằng sông Hồng.

– Phát triển du lịch sáng tạo, đẩy mạnh kinh tế đêm và loại hình mới: Đẩy mạnh các hình thức night tour, phố ẩm thực, lễ hội ánh sáng; phát triển du lịch MICE (du lịch kết hợp tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện, triển lãm với tham quan, nghỉ dưỡng), du lịch nông nghiệp xanh, du lịch giáo dục và các hoạt động thể thao mạo hiểm nhằm đa dạng hoá trải nghiệm.

– Ưu tiên đầu tư hạ tầng du lịch hiện đại: Đầu tư đồng bộ hạ tầng chiến lược như cảng hàng không quốc tế, cảng biển du lịch, khu vui chơi – giải trí quy mô lớn; nâng cấp hệ thống giao thông, cơ sở lưu trú và chuyển đổi số trong quản lý, quảng bá du lịch.

– Một số giải pháp cụ thể: Để đạt được các mục tiêu trên, tỉnh tập trung vào các nhóm giải pháp:

+ Chuyển đổi số: Số hoá các di sản, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ thực tế ảo trong quản lý, quảng bá du lịch.

+ Phát triển nguồn nhân lực: Đào tạo kỹ năng số và năng lực ngoại ngữ cho người dân để mỗi người dân đều là một “đại sứ du lịch”.

+ Liên kết vùng: Xây dựng các tour liên kết như “Con đường di sản miền Bắc” (Hà Nội – Ninh Bình – Thanh Hoá,...) và các tuyến du lịch du thuyền.

+ Bảo tồn bền vững: Bảo tồn và khai thác các di sản để phát triển du lịch gắn liền với bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu.

Dựa vào thông tin mục 3, hãy nêu một số định hướng phát triển du lịch của tỉnh Ninh Bình.

EM CÓ BIẾT?

Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch theo Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của tỉnh Ninh Bình giúp phát triển toàn diện các lĩnh vực ngành du lịch, bao gồm: nguồn nhân lực, hoạt động xúc tiến và quảng bá du lịch, phát triển sản phẩm du lịch mới, các hoạt động văn hoá – nghệ thuật và bảo tồn, phát triển di sản.

C. LUYỆN TẬP

Dựa vào hình 2.12, em hãy lập bảng thống kê các điểm du lịch tỉnh Ninh Bình gắn với tài nguyên du lịch phân theo các xã/phường.

D. VẬN DỤNG

Thiết kế một sản phẩm để giới thiệu về du lịch tỉnh Ninh Bình hoặc điểm du lịch ở địa phương em.

Chủ đề 3

VĂN XUÔI HIỆN ĐẠI TỈNH NINH BÌNH

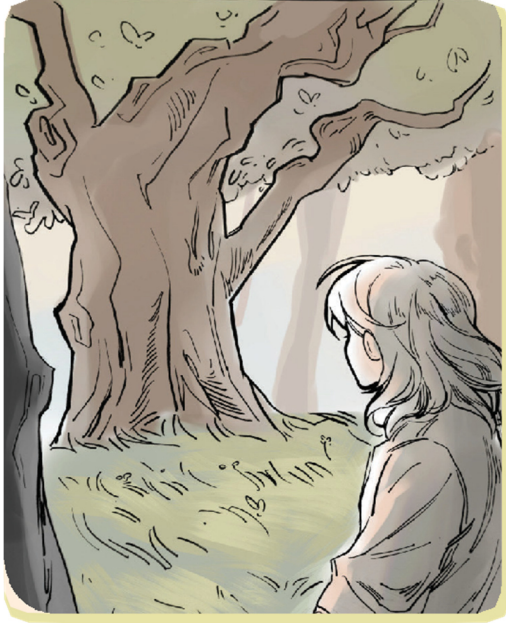
Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Biết được một số tác giả văn xuôi hiện đại tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình.
- Nhận biết và phân tích được các khía cạnh tiêu biểu về đề tài, cốt truyện, sự kiện, nhân vật, chủ đề, tư tưởng, thông điệp,... của một số tác phẩm kí, truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại tỉnh Ninh Bình.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thể loại kí (nghệ thuật miêu tả, ngôn ngữ, cách bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc của người viết; các phương thức biểu đạt,...); của thể loại truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại (cốt truyện, ngôi kể, lời người kể chuyện, chi tiết,...).
- Phát triển các kĩ năng (viết đoạn văn, bài văn, tự học, tự chủ, làm việc nhóm,...) và năng lực thực tiễn.
- Biết yêu quý, trân trọng, tự hào về di sản văn hoá – văn học của địa phương; có ý thức sưu tầm, bảo tồn, giới thiệu và làm phong phú các tác phẩm văn xuôi hiện đại của tỉnh Ninh Bình.

Bài 1. NGÀY XƯA, NƠI ĐÂY LÀ CỬA RỪNG

– Sương Nguyệt Minh –

A. KHỞI ĐỘNG



Lắng nghe bài hát “Vết chân tròn trên cát” (Trần Tiến) và chia sẻ suy ngẫm của em về nỗi đau chiến tranh để lại cho con người.

Hình 3.1. Tranh minh họa của Nguyễn Quỳnh Hương

B. KHÁM PHÁ

1. Tác giả

Tác giả Sương Nguyệt Minh sinh năm 1958, quê quán: làng Côi Trì, xã Yên Mạc, tỉnh Ninh Bình. Tên thật là Nguyễn Ngọc Sơn, bút danh: Sương Nguyệt Minh, Nguyễn Yên Mô,...

– Quá trình công tác: Sương Nguyệt Minh từng là người lính chiến đấu ở mặt trận biên giới Tây Nam (1977 – 1978), tham gia Quân tình nguyện Việt Nam giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng của Pôn Pốt (1979 – 1980); từng là học viên Trường Sĩ quan Lục quân 2, sinh viên ngành Ngữ văn – Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, học viên tại Học viện Chính trị – Quân sự. Ông từng công tác tại Học viện Quân y, sau đó là Trưởng ban



Hình 3.2. Nhà văn
Sương Nguyệt Minh

Văn xuôi và cán bộ sáng tác của *Tạp chí Văn nghệ Quân đội*. Ông là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam.

– Sự nghiệp văn học:

+ Đã xuất bản 16 đầu sách, trong đó có thể kể đến một số tác phẩm tiêu biểu như: *Người ở bên sông Châu* (tập truyện ngắn), NXB Hội Nhà văn, năm 2001, NXB Phụ nữ tái bản năm 2016; *Mười ba bến nước* (tập truyện ngắn), NXB Thanh niên, năm 2005, tái bản năm 2006; *Truyện ngắn Sương Nguyệt Minh* (tập truyện ngắn), NXB Công an Nhân dân, năm 2006; *Trường Sa kì vĩ và gian lao* (tập bút kí), NXB Lao động, năm 2017, NXB Kim Đồng tái bản vào các năm 2022 – 2023 – 2024; *Khi đại dịch thế kỉ Covid 19 đi qua* (tập bút kí), NXB Văn học, năm 2021,...

+ Giải thưởng: Tác phẩm của Sương Nguyệt Minh được độc giả đón nhận nồng nhiệt và đạt được nhiều giải thưởng cao quý như: giải Nhất cuộc thi Truyện ngắn – bút kí Cây bút vàng của *Tạp chí Văn hoá – Văn nghệ Công an* (nay là *Báo Văn nghệ Công an*), 1998 – 2001; giải Nhì cuộc thi Bút kí *Báo Giáo dục và Thời đại*, năm 2024; giải Nhì cuộc thi Bút kí *Tạp chí Văn nghệ Quân đội và Biên phòng*, năm 2004; giải thưởng Sách hay toàn quốc của Quỹ Văn hoá Phan Châu Trinh và Viện IRED năm 2014;...

2. Tác phẩm

2.1. Văn bản

(Lược một đoạn: Nhân vật chính là một người phụ nữ đã có gia đình, chồng cô ấy là người đàn ông tử tế, nhưng cô ấy không tìm được hạnh phúc thực sự bên chồng. Giận đối chồng, cô về quê với mẹ).

Tôi xuống tàu ở ga Gành.

Một mình một túi khoác, tôi leo đèo Eo Bát lúc mặt trời gác núi. Hoàng hôn miên rừng xuống rất nhanh. Gió núi rười rượi thổi. Lao xao, rập rờn lau lách hai bên đèo. Đèo Eo Bát bị xẻ toác ra. Đá hòn, đá lớp, đá ghềnh bị bạt hết làm đường to. Tôi cố mừng tượng tìm hình xưa dáng cũ của đèo...

Ngày xưa nơi đây là cửa rừng.

Chủ nhật, tôi thường theo mẹ gánh củ gianh, khoác níp củ mài từ rừng đi qua đèo Eo Bát này về nhà. Hai bên đèo là đôi núi dựng đứng như thành, con đường mòn chạy chính giữa. Đường mòn chạy trên đất vàng sẫm lẫn sỏi, chạy trên ghềnh đá, chập chùng ghềnh đá. Đứng ở đỉnh đèo nhìn lên chỉ thấy trời xanh. Cửa rừng

nhưng cũng là cửa gió. Quanh năm, gió rừng hun hút thổi. Bên cạnh lối đi có một cây sồi già. Thợ sơn tràng thường ngồi nghỉ dưới gốc sồi lấy sức để vào rừng hoặc xuống núi. Bây giờ, cây sồi vẫn còn, gốc gân guốc, vỏ mốc thối. Cây sồi già đã chứng kiến khoảnh khắc bùng nổ, cuồng nhiệt của tôi và Sinh từ ngày xưa ấy, chứng kiến mọi đổi thay ở cửa rừng.

Quê tôi miền bán sơn địa.

Phía trên đèo Eo Bát là núi đôi phần Đông Nam dãy Tam Điệp xanh miên man, điệp trùng tưởng như không bao giờ hết. Phía dưới đèo Eo Bát, rải rác đồi hoặc núi đứng riêng lẻ ở đồng cỏ, đồng lúa. Qua sông Bến Châu, sông Bút mới đến đồng bằng kéo dài xuống tận biển. Xóm Núi của tôi nằm sát đồng Cỏ, bên này bờ đầm Vạc. Xóm Núi chừng hai chục nóc nhà, tường trình đất, mái lợp rạ hoặc bồi. Bên kia đầm Vạc có bản người Mường nằm kéo dài dưới chân đồi con Rùa, núi Lò Vôi và đèo Eo Bát. Người Mường ở nhà sàn, mái lợp gianh, sàn lát phen nứa. Lợn, gà, trâu, dê, ngựa thả rông, ngủ cả dưới gầm sàn. Mùa khô, đồng Cỏ áy vàng sơ sẩy một tàn lửa là bùng lên cháy. Mùa mưa, đường mòn chi chít vết chân súc vật nuôi thả rông. Dân xóm Núi nuôi trâu, cấy lúa thỉnh thoảng mới đi rừng. Dân bản Mường lấy việc đi rừng, chăn dê, ngựa làm kế sinh nhai.

Dạo ấy, có một doanh trại bộ đội ở bên kia đồng Cỏ, sát chân đồi con Rùa. Lính mới trẻ măng. Quân hàm đỏ chói. Sao bạc sáng lấp lánh. Quân phục xanh như lá rừng. Họ lấy vỏ quả bom bi mẹ làm keng. Lính trong doanh trại học tập, rèn luyện, ngủ nghỉ nhất nhất đều theo lệnh keng. Báo thức: keng. Ăn sáng: keng. Ra thao trường: keng. Lên giường ngủ: keng... Tiếng keng bộ đội quen đến mức dân xóm Núi và bản Mường nghe là biết mấy giờ. Ngày nào cũng nghe, nghe mãi thành thói quen của cả vùng. Sáng, nghe tiếng keng báo thức là tỉnh ngủ. Chiều tối, đang ở rừng nghe tiếng keng là bảo nhau về nhà. Đêm, nghe tiếng keng ngủ là vợ chồng con cái bảo nhau tắt đèn chai lên giường. Tiếng keng doanh trại lính đi vào đời sống sinh hoạt quê tôi rất nhuần nhuyễn, tự nhiên. Sau này, bộ đội rút đi hết, họ tặng doanh trại cho xã làm trụ sở Ủy ban. Tiếng keng không còn vang lên khi sáng sớm, lúc chiều tà nữa. Lòng tôi mênh mang, trống vắng vô cùng. Người dân quê tôi nhớ tiếng keng thao thức không ngủ. Dạo đó, đồi con Rùa là thao trường lính tập luyện. Lúc giải lao, họ giá súng và vật nhau, đùa vui hoặc ôm đàn ghi-ta

gảy, hát rống lên, ở bên này đầm Vạc cũng nghe được. Lúc đầu, trẻ chăn trâu, chăn ngựa lạ lẫm, sau thành quen. Chúng lân la, sán lại gần, ngồi chồm hồm hoặc nằm bệt xuống cỏ, chống tay lên má, há hốc miệng nghe hát. Tôi ở rừng về thỉnh thoảng gặp lính trẻ hành quân đi ngược chiều, họ trêu đùa làm tôi xấu hổ đỏ bừng mặt. Lính ở chân đồi con Rùa hay đi hành quân dã ngoại đường dài hoặc khoác đất rèn luyện. Hành quân dã ngoại đường dài thường đi rất sớm. Năm giờ sáng, báo thức. Một lúc sau, đã thấy họ khoác súng, đeo bao gạo, xêng và ba lô xanh lá ngụy trang hành quân qua ngõ nhà tôi. Chiều tối họ về. Mũ cối nhấp nhô. Lá ngụy trang xanh rập rờn. Đội hình hành quân dài như con rồng đất, theo đường mòn quanh co, uốn lượn. Thỉnh thoảng anh thiếu úy đi cạnh hàng quân, lấy giọng hô to: *Luyện vai trăm cân*. Lính hành quân đáp lại: *Luyện chân ngàn dặm*. Anh thiếu úy hô tiếp: *Thanh niên sẵn sàng*. Lính hành quân đồng thanh ngân dài: *Vào Nam đánh Mỹ...ỹ*. Tôi cảm nhận được lòng mình xoắn xang, náo nức. Lúc ấy, tôi ước ao là con trai, tôi sẽ khoác ba lô đi trong hàng quân ấy. Những người lính mới trẻ măng đến huấn luyện rồi lại đi, hết đợt này đến đợt khác. Họ đi đến những chiến trường xa lắc. Lính ở chân đồi con Rùa khổ nhất là lúc khoác đất hành quân rèn luyện. Mỗi người tự đan một cái sọt có ba chân đựng đất rèn. Đất lấy ngay cạnh đầm Vạc, nhào kĩ, nặn thành ba hòn và phơi khô: Một hòn đất mười lăm cân. Một hòn đất mười cân. Một hòn đất năm cân. Những ngày đầu lính mới chưa quen chỉ khoác hòn đất rèn mười lăm cân. Sau này, tùy sức khoẻ mà bỏ thêm hòn đất mười cân hay năm cân. Một tuần hai buổi khoác đất hành quân rèn luyện, đi theo con đường qua ngõ nhà tôi. Họ đi từ na ná tối đến khoảng chín giờ đêm thì về doanh trại...

Bây giờ, chiến tranh đã lùi xa. Doanh trại bộ đội ngày xưa mất hết dấu vết. Tất cả chỉ còn trong kí ức. Không còn lớp lớp lính trẻ măng hành quân đi ngang qua ngõ nhà tôi nữa. Tất cả chỉ còn trong kí ức.

Tôi thần thờ đứng trước ngõ nhà mình. Căn nhà cũ kĩ lợp rạ vẫn còn nguyên dáng hình. Tôi nghe rõ tiếng cối gạo nhẩn nha thọp... thọp... bên hàng xóm. Đàn dê nhà tôi mới đi ăn về đang nhảy cõn trong sân đất tranh nhau vào chuồng. Cây gạo cổ thụ trong vườn xù gai vươn cành khẳng khiu lên nền trời đang xam xám tối.

Lửa đỏ cháy bập bùng. Củi nổ lép bép. Mùi xôi nếp nướng ngào ngào. Mẹ đang ngồi lúi húi đun bếp. Bóng mẹ tôi in trên vách đen sẫm.

– Bu ơi!

Mẹ bỏ que cời bếp, ngược lên trần trần nhìn tôi. Mẹ ngạc nhiên vì tôi về đường đột khi đã chập choạng tối trời? Một thứ tình cảm ruột thịt sâu thẳm trong lòng tôi trào lên. Lâu lắm rồi tôi mới có cái trạng thái tình cảm này. Tôi mếu máo:

– Bu ơi? Con đã về đây.

Mẹ tôi cũng nghẹn ngào. Mẹ quệt nước mắt:

– Mà y cũng còn biết đường mà về, hở Miên?

– Công nợ việc kia, bận lu bù, nhưng mà lúc nào con cũng nhớ bu.

Mẹ linh cảm tôi có chuyện không vui. Mẹ làm mặt giận, hỏi:

– Chồng con đâu mà mà dẫn cái xác về không?

Chỉ chờ có thế là tôi nhào vào lòng mẹ, khóc như trẻ nhỏ. Khóc vì buồn. Khóc vì vui. Khóc vì thấy lòng mình dễ chịu. Gần bốn mươi tuổi đầu, chỉ khi về nhà, tôi mới tìm thấy tôi, tìm thấy những ngày xưa ấm áp trong lòng mẹ.

Đêm miền rừng.

Tôi thao thức hoài. Mẹ cũng lục tục dậy dỡ chỗ xôi đã chín. Tôi ra ngồi ở bậc cầu thang nhà sàn, nhìn lên bầu trời. Trăng miền rừng gầy và xanh xao hơn trăng thành phố. Sao thưa thớt, nhấp nháy không biết mệt. Trời đêm cao hơn, xa xăm, vời vợi. Cũng đêm trăng thế này hai chục năm trước, tôi đã gặp Sinh. Cuộc gặp bất ngờ, lạ kì cứ ám ảnh suốt cuộc đời tôi.

Hôm ấy, ăn cơm xong một lúc thì tôi đến khe Nước tắm. Mẹ bảo tôi: Tiện thể đem ống bương theo, tắm xong vác luôn nước về. Tôi dầm mình vào nước khe trong mát. Khe Nước chỗ cạn chỗ sâu, tôi bơi ra chỗ sâu nhất vầy vùng. Cơn mệt mỏi từ buổi chiều đi rừng lấy măng mất hẳn. Đêm vắng. Khe vắng. Và trăng thanh. Tôi ngây ngất mùi hương hoa dại, mùi cỏ nước thơm thoảng dưới trăng ngàn. Bỗng dưng, tôi bị chuột rút. Hai bắp tay co cứng. Không bơi được nữa, hai chân quấy đạp tuyệt vọng, mỗi lần kêu cứu là nước ộc vào miệng. Người tôi trôi lên chìm xuống. Me... ẹ ơi! Cứ... ứu con! Tôi kêu mẹ trong lúc khốn cùng. Và một thoáng nghĩ đến cái chết lướt nhanh trong đầu.

Sinh khoác ba lô một mình đi qua khe Nước. Anh có mặt lúc tôi đang nghỉ ngóp sắp chìm hẳn. Sinh để nguyên quần áo lao xuống khe Nước vớt tôi lên. Anh vác tôi trên vai, quàng tay ôm chặt hai đùi tôi chạy. Đầu dốc xuống đất, nước trong bụng tôi ộc ra miệng theo mỗi bước chạy của anh... Sau này, Sinh kể như thế. Tôi thậm cảm ơn anh và ngưỡng ngừng, xấu hổ. Tôi hình dung tiếp theo lúc ấy, anh đặt tôi trên nền cỏ xanh. Anh cuống quýt cúi xuống và hút nước trong miệng, mũi tôi. Đôi bàn tay anh cứng cáp quen cầm súng, cầm xẻng đào công sự gấp gáp ấn mạnh từng nhịp lên ngực tôi, làm hô hấp nhân tạo. Không dám tưởng tượng thêm nữa, bởi tôi chỉ nhớ lúc đó tôi chỉ mặc bộ đồ lót trên người...

Sáng hôm sau, mẹ dẫn tôi đi tìm người lính đã cứu con gái mình. Doanh trại lính vắng tanh vắng ngắt. Cả đại đội hành quân dã ngoại chưa về. Bếp nuôi quân đã chiến khói xanh bay cuộn lên hình cây nấm linh chi. Thấp thoáng vài ba bóng quân phục đi ra đi vào doanh trại. Anh thiếu úy trẻ trực chỉ huy ở nhà chăm chú nghe mẹ tôi trình bày. Anh thiếu úy rất sững sốt, không tin chuyện đã xảy ra.

Sự thật vẫn là sự thật. Sinh là người cứu tôi, nhưng anh đã giấu cán bộ đại đội. Một tuần trước, bộ đội ở tại trại học chính trị. Chỉ có Sinh được tiểu đoàn giải quyết đi tranh thủ thăm mẹ ốm, tối qua về doanh trại rất muộn. Anh trình bày lí do về muộn hai giờ đồng hồ là do tàu chậm. Nhưng anh đã quên rằng: tàu về ga từ sáu giờ tối. Lúc điểm danh ở doanh trại vẫn nghe tiếng còi tàu tu tu. Đi lối tắt qua đèo Eo Bát về doanh trại chỉ hết một giờ đồng hồ. Không thể chậm hơn! Đại đội bắt làm kiểm điểm, thuyền chuyển xuống tổ nuôi quân và phạt bổ củi một ngày.

Tôi chạy vội đến chỗ Sinh đang bổ củi. Anh cười trần, ngực vạm vỡ vồng lên. Mồ hôi nhễ nhại. Mặt đỏ bừng vì nóng. Cái vòng bạc tôi tặng đêm hôm qua, lấp lánh ở cổ tay anh. Tôi trào nước mắt. Thương anh đến nao lòng. Chỉ vì tôi mà Sinh đã nên nông nổi này...

Đạo ấy, tôi đang học năm cuối cùng bậc phổ thông. Sáng nghe tiếng keng của bộ đội, tôi dậy ngay và đi bộ xuống trường huyện kịp bảy giờ học. Gần trưa, học xong lại lóc cóc đi bộ từ phố huyện về xóm Núi. Đi học, đi rừng, tôi không biết mệt là gì. Bạn bè bảo tôi đẹp. Cái đẹp của cô gái mười bảy tuổi. Mặt trái xoan, lúc nào cũng trắng hồng. Tóc cắt ngắn ngang vai. Ngực cao, đầy đặn. Eo thắt. Mắt tròn, to, mơ màng. Tính tôi vui vẻ, nồng nhiệt. Quen rồi thân, tôi và Sinh yêu nhau

lúc nào không biết. Các buổi sáng chủ nhật bộ đội phải đi rừng lấy củi giúp anh nuôi. Buổi chiều được nghỉ, tôi và anh vào rừng, hoặc đi dọc khe Nước chơi.

Mẹ biết chúng tôi yêu nhau. Mẹ không ngăn cản, nhưng băn khoăn vì tôi còn trẻ quá. Mười bảy tuổi, tôi chưa học hết phổ thông. Chiến tranh không biết bao giờ kết thúc. Cha tôi đi bộ đội mười năm vẫn chưa về. Mẹ tôi sống những tháng ngày dài đằng đặc chờ chồng. Nỗi lo cho chồng nay thêm nỗi lo cho con gái...

Tôi lấy chồng. Chồng tôi chưa một ngày biết đến chiến tranh. Thời trai trẻ của Sinh là ở rừng núi và chiến trường. Thời trai trẻ của chồng tôi ăn học ở Đông Âu. Chồng tôi sống rất hiện đại, là người thành đạt, kiếm nhiều tiền.

Đêm tân hôn, tôi đã quỳ xuống trước mặt chồng, xin tha thứ. Anh diu tôi dậy và ôm chặt vào lòng. “Đã sống nhiều năm ở nước ngoài, anh không nghĩ chuyện sinh hoạt nam nữ trước hôn nhân là vấn đề đạo đức. Anh yêu em là yêu con người em đang ở trước mặt anh đây. Anh chỉ yêu cầu em tống khứ đầu cái hình ảnh thằng nào đã ngủ với em”. Tôi thành thật: “Anh hãy cho em thời gian”. Và tôi đã kể lại mối tình với Sinh cho chồng nghe. Người ta bảo: Trong đời sống vợ chồng, có lúc phải biết nói dối mới bảo vệ được hạnh phúc. Nói dối lúc đó không phải là tội lỗi. Tôi không biết nói dối. Chồng tôi bảo: “Anh biết em vẫn còn nhớ đến Sinh”. Tôi luôn thành thật với chồng: “Vâng! Em chưa thể quên ngay được. Nhưng anh đừng ghen với người đã chết”. Chồng tôi nói từ tốn, nhỏ nhẹ: “Anh không ghen nhưng đừng để thân xác em ở bên chồng còn tâm hồn em dành cho người yêu cũ”. Năm này qua năm khác, tôi luôn mặc cảm với chồng. Chồng tôi bảo: “Anh phải làm gì để hôn vía Sinh đừng ám ảnh em nữa nhỉ? Hay là anh sống với em tẻ quá không bằng những gì Sinh mang lại cho em...”. Tôi vội vã giơ tay bịt miệng anh lại: “Đừng, anh đừng nghĩ thế. Anh là người chồng rất tử tế”.

(...) Chồng tôi biết vợ mình vẫn nặng lòng với quá khứ, nhưng anh tảng lờ coi như không biết. Từ nóng nảy làm to chuyện sang im lìm, lặng lẽ. Tôi bắt gặp ánh mắt của anh, ánh mắt như muốn nói: “Cô đang ngoại tình với người đã chết. Tôi biết tởng tởng tong rồi”. Trời ơi! Sống với nhau như thế này thì khổ quá. Căn nhà không bình yên như tôi tưởng mà đang có sóng ngầm. Tôi thức trắng đêm suy nghĩ, cân nhắc và quyết định nói với chồng: “Thà rằng anh cứ suốt ngày chửi

máng, đánh đập thì em còn đỡ khổ. Đằng này anh... cứ lặng lẽ không nói không rằng. Anh coi thường em có phải không?”. Chồng tôi gắt âm lên: “Em dở hơi vừa vừa thôi. Để cho anh được yên”. Tôi khóc. Tôi nói với chồng: “Anh tốt quá. Cả đời em sẽ không bao giờ gặp người chồng tử tế như anh. Nhưng em không chịu được ánh mắt của anh. Hay là chúng ta chia tay?”. Chồng tôi lo lắng: “Đừng nghĩ quẩn em ạ. Còn con cái. Còn tình yêu của anh dành cho em”...

(...) Tôi vẫn nhớ như in cái buổi tối định mệnh ấy ở cửa rừng, ở dưới gốc cây sồi già. Linh cảm trong tôi đến từ cuối buổi chiều. Doanh trại bộ đội không có tiếng keng ăn cơm, không có keng đi ngủ tối. Có chuyện rồi! Trong lòng tôi như có lửa đốt. Nôn nao không chịu được tôi liền chạy một mạch đến doanh trại của Sinh. Tối om, chỉ một vài chỗ thấp đèn chai tù mù thấp thoáng bóng người. Họ là những người lính được phân công ở lại coi doanh trại. Tôi hỏi thăm. Một người nói nhỏ: “Đi rồi! Đi hết rồi!”, và bảo tôi về để họ đóng cổng doanh trại. Trống ngực to hơn trống làng, tôi bùng mặt khóc. Sinh đi rồi! Sinh đi như những người lính trẻ đã từng đến đây tập luyện rồi lại đi chiến trường.

Chạy ra ga Gành. Tôi chạy, chạy cuống quýt. Gió thổi hai bên tai. Đá sắc, gai đâm dưới chân đau nhói. Tôi vẫn chạy, chạy lối tắt qua đèo Eo Bát. Cửa rừng hun hút gió. Một bóng người cũng đang huỳnh huých chạy ngược chiều. Chúng tôi nhận ra nhau. Tôi đổ nhào vào lòng Sinh. Sinh thờ đốc, nói:

– Đơn vị anh hành quân đi vào Nam.

Tôi thấy mình bị bỏ rơi. Tôi oan ức, tủi thân, dấm liên hồi lên vai, lên ngực anh:

– Sao anh không báo cho em?

– Anh cứ tưởng hành quân tập luyện như mọi khi. Ai ngờ, đến ga Gành, cấp trên phổ biến lệnh hành quân vào Nam. Đơn vị đang chờ tàu, anh gửi ba lô và trốn khỏi sân ga chạy về chia tay em.

Lạy trời đất, thần linh phù hộ! Các đấng linh thiêng đã chia đôi quãng đường để Sinh chỉ phải chạy một nửa, còn tôi đỡ cho anh một nửa. Chúng tôi đã gặp nhau ngay cửa rừng, giữa đèo Eo Bát. Sinh thờ hỏn hển:

– Em chờ...ờ anh nhá!

– Và...âng! Bao giờ anh sẽ về?

– Nhanh thôi! Cùng lắm là sang năm. Không! Sang xuân anh sẽ về.

(...) Chúng tôi buông nhau ra khi tiếng còi tàu tu tu từ ga Gành vọng đến. Sinh hốt hoảng: “Anh phải đi kéo chậm mất”. “Cho em đi theo với”. “Không được đâu!”. Sinh bắt tôi phải quay về. Tôi không chịu. Lúc ấy, tôi chỉ muốn đi theo anh cùng trời cuối đất. Sinh chạy trước, tôi chạy sau, thỉnh thoảng anh dừng lại chờ tôi. Chúng tôi đến ga thì bộ đội đang lục tục lên tàu. Sinh nhào lên cửa tàu trong tiếng càu nhàu của bạn và tiếng quát tháo của một người chỉ huy.

Con tàu chở toàn màu xanh rừng mình từ từ rời ga.

Tôi lật đật chạy theo. Sinh ngoái đầu ra khỏi ô cửa tàu hoá: “Miên... Miên ơi! Sang xuân anh sẽ về!”. Tôi cuống quýt: “Vâng! Anh Sinh ơi! Em chờ anh!”.

Tôi thần thờ nhìn con tàu xuôi về Nam. Con tàu đang chở Sinh và đồng đội của anh đi chiến trường, không biết ngày trở lại. Tôi rưng rưng, nước mắt trào ra.

Bất chợt! Tôi thấy rất nhiều cánh chim trắng loang loáng chao liệng bên con tàu. Bao nhiêu lời chúc tụng, lời nhắn gửi, lời hát... của những người lính trẻ trên tàu mà tôi nghe không rõ. Tôi đứng nhìn theo đến khi con tàu vào Nam khuất hẳn. Sân ga và dọc đường tàu trắng xoá những cánh chim trắng vừa rơi. Những người đi đường cúi xuống nhặt. Tôi cũng cúi xuống nhặt. Hoá ra là thư của thững người lính trẻ viết vội vàng từ biệt gia đình, người thân. Nhiều phong thư chưa kịp dán tem, nhiều lá thư chưa có phong bì. Tất cả đều viết nguệch ngoạc, vội vàng và nhờ người đi đường gửi hộ...

Tôi ra ga Gành trở về thành phố.

Mẹ tiễn chân tôi đến cửa rừng ngày xưa. Mẹ tôi bảo: “Bu biết mày nặng lòng với ngày xưa quá, Miên ạ. Tết nhất đến nơi rồi. Về với chồng con. Đừng lo cho bu.” “Vâng! Thôi bu về đi.”

Tôi lại về với chồng. Tôi về với con tôi. Tôi sẽ kể hết cho chồng tôi nghe rằng: Ngày ấy tôi đã xin tiền của mẹ mua tem và phong bì. Tôi đã nằm bò trên sàn nhí

nhỏ ghi tên người và địa chỉ nhận thư. Tôi đã gửi giúp những người lính trẻ không biết bao nhiêu lá thư tới gia đình, người thân của họ.

Tôi thần thờ đi bộ qua đèo Eo Bát. Tôi ngồi nghỉ dưới gốc cây sồi già. Ngày xưa lại rừng rưng rưng hiện về. Ngày xưa ơi! Ngày xưa nơi đây là cửa rừng. Cửa rừng hun hút gió. Gió thổi. Gió thổi hoài. Tôi ngược nhìn lên. Cây sồi già đang trở mình rung lá.

(Theo Văn học Ninh Bình, 30 năm đổi mới (1992 – 2022),
Hội Văn học Nghệ thuật Ninh Bình, NXB Hội Nhà văn, 2022, tr.362 – 369)

1. Xác định người kể chuyện và điểm nhìn trần thuật trong văn bản *Ngày xưa, nơi đây là cửa rừng*. Việc lựa chọn người kể chuyện và điểm nhìn như vậy có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm?
2. Câu chuyện trong *Ngày xưa, nơi đây là cửa rừng* được kể theo trình tự nào? Nêu ý nghĩa của cách kể theo trình tự ấy.
3. Tình huống oái oăm mà nhân vật Miên gặp phải trong cuộc sống của mình là gì? Qua bi kịch của nhân vật Miên, nhà văn muốn gửi đến người đọc thông điệp nào?
4. Hãy nêu ý nghĩa của tuyến nhân vật phụ trong việc góp phần thúc đẩy nội dung câu chuyện phát triển.
5. Nhận xét về nghệ thuật trần thuật của Sương Nguyệt Minh trong văn bản.

2.2. Em cần nhớ

- Truyện ngắn *Ngày xưa, nơi đây là cửa rừng* thể hiện một góc nhìn mới mẻ của Sương Nguyệt Minh về mối tình đẹp đẽ của đôi bạn trẻ trong chiến tranh và cuộc sống thời hậu chiến: chiến tranh đã qua đi nhưng nỗi đau do nó gây ra còn dai dẳng mãi.
- Truyện ngắn sử dụng nghệ thuật trần thuật độc đáo, miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật sâu sắc, với những giằng xé phức tạp.

C. LUYỆN TẬP

1. Phân tích những giằng xé trong nội tâm nhân vật Miên sau khi kết hôn.
2. Không gian cửa rừng với cây sồi già được nhắc đến mấy lần trong tác phẩm? Nêu ý nghĩa của những chi tiết đó.
3. Phân tích hiệu quả của nghệ thuật kể chuyện đan cài quá khứ – hiện tại trong tác phẩm.

D. VẬN DỤNG

1. Theo em, vấn đề đặt ra trong truyện ngắn này là gì? Vấn đề đó có ý nghĩa như thế nào với cuộc sống hôm nay? (Hãy ghi lại bằng một đoạn văn ngắn khoảng 10 – 15 dòng)
2. Tìm đọc các văn bản viết về đề tài chiến tranh và chỉ ra điểm giống – khác nhau giữa văn bản đó với văn bản *Ngày xưa, nơi đây là cửa rừng*.
3. Em tập làm nhà văn: Hãy viết một truyện ngắn hiện đại về chủ đề: “Thầy cô và mái trường” hoặc “Ninh Bình quê hương tôi”.

Bài 2. TRUYỆN CƯỜI Ở LÀNG TAM TIỂU

– Đoàn Ngọc Hà –

A. KHỞI ĐỘNG

- Trong đời sống, em có từng chứng kiến một người nhờ “vận may” hoặc hoàn cảnh mà trở nên nổi tiếng, được tung hô, dù năng lực thực chất còn nhiều nghi vấn không? Hãy chia sẻ trải nghiệm của em.
- Theo em, sự tung hô của xã hội có phải lúc nào cũng phản ánh đúng giá trị thực của một con người không? Vì sao?
- Trước những nghịch lí đó của cuộc sống, văn học có những cách nào để phản ánh?

B. KHÁM PHÁ

1. Tác giả

Đoàn Ngọc Hà (sinh ngày 11/12/1945, tên khai sinh là Nguyễn Tế Nhị), quê ở làng Đông Sấu, xã Thanh Bình, tỉnh Ninh Bình. Ông lớn lên trong một gia đình có truyền thống nho học nền nếp, sớm thấm đẫm truyền thống văn hoá quê hương. Xuất thân từ nghề dạy học, ông đồng thời là một cây bút văn xuôi giàu cá tính và một người làm báo tâm huyết. Ông là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam và từng giữ cương vị Tổng biên tập *Tạp chí Sông Châu*.



Hình 3.3. Tác giả Đoàn Ngọc Hà

Trong sáng tác, Đoàn Ngọc Hà hướng ngòi bút vào đời sống nông thôn và giáo dục với cái nhìn thẳng thắn, trực diện. Ông còn có những đóng góp trong lĩnh vực nghiên cứu, sưu tầm văn hoá địa phương. Văn chương của ông giàu chất trào lộng mà vẫn thấm đẫm tình người.

Một số tác phẩm tiêu biểu của ông gồm: *Khảo sát văn hoá truyền thống Liễu Đồi* (3 tập, 1981), *Hoàn vương ca tích* (sưu tầm, nghiên cứu, 2004), *Hoa hậu quê* (tiểu thuyết, 1997), *Đời nghệ sĩ* (tiểu thuyết, 2006), *Thầy Đàn* (tiểu thuyết, 2016), *Truyện ngắn chọn lọc* (tập truyện, 2005), *Thưa thầy* (tập truyện, 2015),... Ông đã nhận nhiều giải thưởng văn học, trong đó có giải Nhất truyện ngắn báo *Văn nghệ* với tác phẩm *Truyện cười ở làng Tam Tiểu* (1989).

Truyện cười ở làng Tam Tiểu là tác phẩm tiêu biểu viết về nông thôn trong những năm đầu Đổi mới¹. Với tiếng cười trào phúng hiện đại, truyện phơi bày những nghịch lí của đời sống và gợi nhiều suy ngẫm về con người, quyền lực và vận may.

2. Tác phẩm

2.1. Văn bản

1. Gặp vận

Ai đến huyện R, bước vào dãy thường trực uỷ ban mà thấy một người đàn ông cũ kĩ, dáng cao lướn khướn đầu hói tròn, trán y như một cái vung nổi đồng nhọt nhọt trên cái cổ dài ống đót², miệng rộng lúc lúc toàn những răng thì đó chính là ông Tạ Phong Ba, Phó Chủ tịch Uỷ ban phụ trách nông nghiệp. Cứ vào. Đùng xun xoe, ông ghét. Và cũng đừng nói lắm. Nhiều anh ở xã lên thưa gửi, bảm báo đến rắc rối. Đang rít thuốc lờ ông trợn mắt: “Nói cái đéch gì thế? Đưa tao kí!”. Và ông kí đánh “roạt” một cái. Ông kí phóng thế mà trăm chữ kí đúng cả một trăm. Đúng quyền, đúng việc, đúng chức trách, chưa sai bao giờ! Thì đời ông là vậy. Ông là chiến sĩ diệt dốt bùng xoè một thời gian ngay từ lúc ông chưa biết một chữ nào. Ông lại là một chiến sĩ nông nghiệp vì ông ứng dụng cho lợn ăn phân trâu. Có kẻ còn bảo ông còn có cả kinh nghiệm luộc trứng dờ dờ cho gà ấp nở trăm phần trăm. Chuyện đồn, ông xì một cái và chửi ầm lên. Nhưng chuyện này thì trăm phần trăm là có thực. Ông trồng được một củ đỗ hai người khiêng! Số là năm ấy, ông lấp chuồng lợn có một dây đậu nảy. Một hôm, ông phát hoảng vì càng cào đất càng thấy một vật chườn ươn như một tảng đá. Ông treo biển công thức trồng. Cả xã tham quan. Lúc đào lên bằng cái cối đá. Hai thanh niên, oặt đòn gánh. Đương nhiên, ông có kĩ thuật về trồng trọt. Trong một hai kì đại hội xã viên, ông trúng phiếu độc đắc và lên chủ nhiệm.

Chủ nhiệm đối với ông là một việc dễ ợt. Khi họp hàng huyện, ông chỉ lọc xọc gói thuốc lờ, huyện hỏi gì, ông chỉ khề khà vuốt mũi cười trừ. Có một bận, ông đi họp muộn, vào quán làm tợ rượu say, nghe lảng máng mấy bà đi chợ bàn về cách trồng đậu tương. Lúc tham luận, ông vẫn say, nhưng nói văng mạng, thét âm ỉ, đại khái ông bịa về cách trồng đậu tương dựa vào những lời mấy bà đi chợ. Không ngờ cả hội trường vỗ tay như sóng bể. Ông bước chân sếu³ đi xuống. Đồng chí Bí thư

¹ Đổi mới: công cuộc cải cách kinh tế – xã hội bắt đầu từ năm 1986 theo Nghị quyết Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam.

² Cổ dài ống đót: cổ nhỏ, cao và dài như đót cây tre.

³ Chân sếu: chân dài, gầy guộc như chân của loài chim sếu.

Huyện uỷ túm vai ông cười, gật. Ông lắp bắp: “Đó là... đó là... đó là cách làm ăn hiện đại”. Mấy cô nhà báo tỉnh lú lú chạy theo, ông nói như chim “Đó là... đó là... cái tiên sư các chị, cho tớ nghĩ!”. Ông phát bản mà ai nấy ôm bụng cười. Tháng sau, huyện có quyết định nhắc ông lên Phòng Nông nghiệp theo dõi, giám sát trồng trọt. Nào ông biết mẹ gì kĩ thuật! Xuống xã ông cứ cười cười, gật gật. Ấy là lúc ông lắng nghe. Đầu ông như một cái máy điện tử làm việc rất nhanh. Thu rồi phát. Phát với cách của ông. Tài quá! Chẳng bao lâu ông nổi danh ở Phòng Nông nghiệp. Xã thấy ông về là gật đầu soi soi: “Chịu bố!”. Uy tín vang dậy đủ đưa ông lên ghế Trưởng phòng Nông nghiệp rồi Phó Chủ tịch phụ trách nông nghiệp.

Đạo ấy, Hợp tác xã nông nghiệp đang phá sản. Đi đâu ông cũng vỗ trán bồm bộp. Không phải là nghĩ mà ra điều nghĩ. Nghe rằng Hợp tác xã Phúc Khê bán trâu cho xã viên. Tội tày trời! Hôm ấy ông đang say khướt, tặc lưỡi kí. Cũng là kí bừa, kí láo. Ngờ đâu toà báo tỉnh về rùm beng lên mấy trang báo về việc làm cực kì sáng tạo ở Phúc Khê. Ai quyết việc này? Phó Chủ tịch Tạ Phong Ba!... Ông ngồi xe đi báo cáo điển hình tới trăm nơi.

Lại đến dịp ông nghe láo nháo rằng thằng Phúc Xuân táo tợn chia hàng chục mẫu ruộng cho xã viên, năng suất lên. Ông xuống. Ông âm ừ rồi về. Ông thâm nghĩ: thằng này phạm tội đáng chém! Nó dám phát tán tài sản tập thể đây! Nhưng vì ông chỉ ừ ừ gật gật đưa đẩy hai từ “đó là” làm nhiều loạn mọi nguồn thông tin, thành ra ở dưới họ không hiểu ý định của ông. Họ làm già. Đùng một cái, Chỉ thị 100 đến. Ông nhảy ra nghị trường hùng hổ như nhà phát kiến vĩ đại: “Cái việc khoán ruộng là tôi đã chỉ đạo thằng Phúc Xuân từ lâu rồi. Tôi đi trước cả Nghị quyết Trung ương kia!”. Trước khi vào hội nghị thí điểm khoán sản phẩm, đồng chí Bí thư Huyện uỷ nói với khách: “Anh Tạ Phong Ba sáng tạo. Trước đây hơn một năm, anh đã về Phúc Tân chỉ đạo. Tôi không ngờ anh Ba nắm vững quy luật kinh tế đến vậy. Anh quyết đoán, anh sâu sát, anh trí tuệ. Đã đến lúc chúng ta phải giải phóng mọi năng lực lao động. Phải thúc đẩy mọi tiềm năng: đất đai, sản vật...”. Cái đầu ông Ba liêng ló. Nếu có một thứ máy móc hiện đại soi vào thì nó làm việc nhoang nhoáng. Lúc ấy rì rì xe Bí thư Tỉnh uỷ đến, Bộ Nông nghiệp về. Hết loạt bốt-tin¹ nện côm cốp xuống nền hội trường là một đoàn nhà báo túi đeo, túi xách lưng lẳng cuộn vào hội trường như một cơn lốc. Pha năm trăm oát sáng rực. Điện chạy i i. Người ta đang cần nghe, cần ghi, cần chụp nhà “phát kiến vĩ đại”! Kia rồi!

¹ Bốt-tin: một loại giày có mũi nhọn hơi hếch lên. Đây là một loại giày thời trang lúc bấy giờ.

Cả hội trường ồ lên. Nhà phát kiến xách cái điều cày, quăng những bước chân sếu lên hàng ghế đầu.

Bí thư Huyện uỷ kéo vai ông, hót hải:

– Để cương đầu! Đầu? Há?

Ông vỗ bôm bốp vào trán!

– Phim, báo ảnh, đủ cỡ truyền tin đấy!

Bí thư nhấn mạnh. Ông lại chìa cái đầu hói tròn ra vỗ vào đấy. Nghĩa là trong ấy cả, Bí thư đẩy ông lên giữa ngồn ngộn người.

– Chúng ta phải nắm vững quy luật kinh tế. Quy luật, tự nó đi theo đường của nó. Đó là... phải tác động cho quy luật tiến lên. Đã đến lúc chúng ta phải giải phóng mọi năng lực lao động, thúc đẩy mọi tiềm năng, đất đai, sản vật. Đó là...

Cứ thế, ông “chiến đấu” hơn một tiếng. Cái đầu cứ lặn long lóc trên cái cổ dài hết sức linh động. Máy ghi âm xè xè. Máy ảnh tanh tách. Điện xả i i. Đèn các cỡ lấp loáng.

Xem thế, đủ biết ông ở cái ghế Phó Chủ tịch vững vàng và ân uy rục rờ chừng nào! Còn gia thế, bà Tô Tô Phương, nhiều người tò mò nhắc tới thì cứ về làng Tam Tiểu mà hỏi, nhất là tìm gặp thằng Quạc chỗ thân cận thì rõ!

(Lược phần 2. Vì sao bà Tô Tô Phương trở thành nhân vật quan trọng? Phần này kể về sự khoác lác và việc làm tùy tiện nhưng luôn gặp vận may của ông Ba khiến làng Tam Tiểu có nhiều thay đổi tích cực, trở thành điển hình của huyện, danh tiếng ông Ba nổi như cồn. Tiếp đó là chuyện bà Tô Tô Phương trở thành nhân vật quan trọng và chuyện về Quạc.)

3. Trở thành người hùng

Mô hình “nông – thương” còn đầy sức gợi thì dùng một cái, ông Tạ Phong Ba lại thêm một chiến công!

Huyện uỷ R mở Đại hội “Những người làm giàu” kéo dài ba ngày, mổ bò, hơn ba trăm gia đình làm ăn giỏi về dự. Họ ào ạt tung phá, bay nhảy với những bài học làm ăn của mình. Họ thảo luận như quát trên hội trường. Họ bám bó với những vấn đề hết sức gay cấn trên hành lang. Sôi động ngay cả trên bàn tiệc. Chén rượu rung sóng, điều thuốc trên môi cũng run lên bần bật, khí thế rùng rục.

Đảng mở tung cánh cửa cơ chế mới. Nông dân cởi áo – cái áo tã đụp đã đành, họ còn vút phăng cái vỏ cổ hủ. Không trói vào cái gì cả. Vấn đề là sản phẩm. Hãy để cho người lao động cày xới, làm ra, giao dịch. Trên đôi cánh của mình, họ bay

tới những thị trường hàng hoá trào sôi như sóng bể. Nếu cần, họ có nghiệp đoàn của họ, mua bán, trao đổi trực tiếp với người nước ngoài. Tôi có năm tấn lúa, có một chiếc xe tải, tôi sẽ có hàng hoá. Tôi có một tổ hợp kĩ thuật, tôi có thể thuê việc canh tác một vùng. Cho tôi phương tiện, tôi có thể lập ra xưởng xay xát liên hoàn nuôi một nghìn người có việc. Tôi có thể! Tôi có thể!... Tiếng ấy gào lên. Và ông Tạ Phong Ba bắt được ở ngày thứ ba, ông nhảy lên bụi gào lên cái gấm gào của nông dân. Vấn bài bản say rượu và văng mạng, vẫn những mớ ngôn từ nhiễu loạn, tung hoả mù, vừa mập mờ, vừa bạo liệt. Đổi mới! Đổi mới hết sức mình! Đổi mới! Tồn tại! Đoàn kết! Chiến thắng! Ông thốt lên tiếng hét đổi mới trong trào lưu sôi sục. Ông cảm thấy vậy, mang máng thấy vậy là vì ngay cái làng ông xưa nay chỉ biết cười giờ cũng đang “mọc sừng, nhú cánh” ghê gớm lắm. Thế thì hãy hét lên đổi mới đi! Sự miễn cưỡng của ông có hiệu quả.

Người ta không thể làm ngơ trước thành tích liên tục và đột xuất của ông. Ông Tạ Phong Ba trở thành người hùng ngành nông nghiệp.

Dẫu là mơ cũng không thể có được! Váng động dư luận. Trăm huyền thoại về người hùng. Hào quang rực cháy trên trán,...

(Lược đoạn kể về việc ông Tạ Phong Ba cùng vợ là bà Tô Tô Phương dự Hội nghị thi đua toàn tỉnh nêu gương những người điển hình, ở đây ông được phong là người hùng và phần 4. Tiệc đầy năm và trận cười của Tam Tiểu. Kết thúc tác phẩm là Mấy lời xin cùng Tam Tiểu của người viết truyện).

Tháng 4-1989

(Đoàn Ngọc Hà, *Truyện ngắn chọn lọc*, NXB Hội Nhà văn, 2007, tr.76 – 94)

1. Tóm tắt quá trình ông Tạ Phong Ba từ một người bình thường trở thành “người hùng” ngành nông nghiệp. Nhận xét những nghịch lí trong quá trình ấy.
2. Xác định ngôi kể trong đoạn trích. Người kể chuyện đã sử dụng giọng điệu chủ yếu nào để khắc hoạ nhân vật Tạ Phong Ba?
3. Qua ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, các tình huống và sự tung hô của mọi người, nhân vật Tạ Phong Ba hiện lên với những đặc điểm nổi bật nào? Từ đó, em hãy nhận xét dụng ý nghệ thuật của nhà văn.
4. Vì sao tiếng cười trong truyện là “tiếng cười ra nước mắt”?
5. Qua hình tượng Tạ Phong Ba, truyện gợi ra những vấn đề gì của đời sống nông thôn trong giai đoạn đầu Đổi mới?
6. Từ nội dung của truyện, em có suy nghĩ gì về vận may của con người trước những biến đổi của xã hội?

2.2. Em cần nhớ

- *Truyện cười ở làng Tam Tiểu* là tác phẩm tiêu biểu viết về nông thôn những năm đầu Đổi mới. Qua hành trình “gặp vận” của Tạ Phong Ba, truyện phơi bày nghịch lí giữa danh xưng và thực lực, gợi suy ngẫm về vận may và giá trị con người trước những biến động xã hội.
- Tác phẩm tiêu biểu cho nghệ thuật trào phúng hiện đại với tình huống nghịch lí, chi tiết phóng đại, giọng điệu mỉa mai, qua đó tạo nên tiếng cười vừa hài hước, vừa giàu tính phản biện.

C. LUYỆN TẬP

1. Chọn một chi tiết hoặc tình huống mà em cho là gây cười nhất trong truyện. Phân tích vì sao chi tiết hoặc tình huống ấy tạo được hiệu quả trào phúng.
2. Phân tích vai trò của người kể chuyện trong việc tạo nên tiếng cười trào phúng của tác phẩm.

D. VẬN DỤNG

1. Theo em, vận may có thể đưa con người đến thành công, nhưng điều gì mới quyết định giá trị bền vững của mỗi người? Liên hệ với thực tiễn cuộc sống hiện nay.
2. Từ tiếng cười trào phúng trong truyện, em có suy nghĩ gì về vai trò và trách nhiệm của văn học, báo chí (hoặc người viết) trong việc định hướng nhận thức xã hội hiện nay?

Bài 3. SÔNG VẠC ĐÊM TRĂNG

– Tạ Hữu Yên –

A. KHỞI ĐỘNG



Theo em, những dòng sông quê hương có vai trò như thế nào đối với cuộc sống của con người?

Hình 3.4. Một khúc sông Vạc chảy qua địa phận tỉnh Ninh Bình

(Nguồn: Ảnh do thầy giáo Phan Sỹ Quý – Trường THPT Yên Khánh A chụp)

B. KHÁM PHÁ

1. Tác giả



Hình 3.5. Tác giả Tạ Hữu Yên

Tác giả Tạ Hữu Yên (1927 – 2013); quê ở phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình; ông có nhiều bút danh khác nhau như: Tạ Hữu, Lê Hữu, Xuân Hữu, Đông Xuân, Cử Tạ; ông là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Ông đã nhận nhiều giải thưởng cao quý của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Năm 2017, Tạ Hữu Yên được trao tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật cho toàn bộ các tác phẩm của ông. Tạ Hữu Yên cũng là một trong những nhà thơ có nhiều bài thơ được phổ nhạc ở Việt Nam.

Tác phẩm tiêu biểu của ông gồm: *Đôi dép Bác Hồ* (1969), *Anh về cùng mùa hoa* (1980), *Ngọn súng biên phòng* (Trường ca, 1983), *Sấm dậy trưa hè* (Trường ca, 1984), *Thung lũng lửa và hoa* (Trường ca, 1987), *Nữ tướng Việt Nam* (Truyện kể, 1991), *Tuyển tập thơ phổ nhạc* (1997), *Nhớ Bác* (Thơ, 2001), *Tuyển tập Tạ Hữu Yên* (2006).

2. Tác phẩm

2.1. Văn bản

Đêm trăng ấy, chúng tôi nhớ mãi con đò dọc như nửa mảnh trăng treo chênh vênh phía núi xa, mái chèo khua rất nhẹ, êm đềm trôi trên dòng sông Vạc¹. Đêm, ngồi trong khoang thuyền vừa ngắm phong cảnh đôi bờ, vừa rì rầm nói chuyện.

– Dòng sông nào cũng có “lí lịch”² của riêng mình. Dòng sông Vạc này hiền hoà thế mà có nhiều giai đoạn lí thú... Anh cán bộ huyện, vốn là du kích thời chống Pháp, nay đã nghỉ hưu, mở “kho chuyện”. – Cái tên sông Vạc chưa ai cắt nghĩa được tường tận, chưa ai dẫn ra được những điển tích tin cậy, nhưng cứ như lời bàn của nhân dân hai bên bờ xanh của dòng sông này, nghe rất có lí và có thể chấp nhận. Ấy là, thời xa xưa, dải đất từ huyện Gia Khánh – nay là huyện Hoa Lư – đến huyện Yên Khánh rồi huyện Yên Mô, còn là những cánh đồng đầy nước, nhất là vào mùa tháng Tám âm lịch. Mùa ấy, những đàn vạc về kiếm ăn bay rợp một góc làng. Chúng “đổ bộ” xuống những cánh đồng thuộc thôn Yên Liêu, bên cạnh bến đò Vạc, có lẽ đến hàng nghìn con. Đêm, chúng bay thấp, dân làng nghe rõ tiếng vạc kêu sương – một âm thanh quen như tiếng mái chèo khua nước nơi bến sông quê.

Sông Vạc không dài, chỉ chừng hơn 30 ki-lô-mét. Điểm khởi đầu của dòng sông này là từ ngã ba sông Đáy³ – chỗ cây cầu Non Nước đứng bên cạnh núi

¹ *Sông Vạc*: một trong những con sông nội tỉnh lớn ở Ninh Bình. Theo phân loại của Ban Quản lí Quy hoạch lưu vực sông Hồng – Thái Bình, sông Vạc là một phụ lưu của sông Đáy. Sông Vạc do một số phân lưu của sông Hoàng Long như các sông Chanh, sông Bến Đàng, sông Sào Khê và các sông nhỏ khác như sông Ngô Đồng, sông Luồn, sông Vo, sông Vân hợp lưu tại khu vực Cầu Yên (phường Nam Hoa Lư). Sông Vạc tiếp tục chảy qua những cánh đồng, là ranh giới giữa hai huyện Yên Mô và Yên Khánh cũ, nay là 3 phường Nam Hoa Lư, Đông Hoa Lư, Yên Thắng và 5 xã: Yên Khánh, Yên Mô, Yên Từ, Khánh Nhạc, xuyên dọc xã Phát Diệm rồi đổ vào sông Đáy tại Âu Kim Đài.

² *Lí lịch*: là những điều cần biết được kê thành văn bản về quá khứ và hiện tại của một người hay một vật.

³ *Sông Đáy*: là dòng sông chảy từ phía tây Hà Nội (trước đây là tỉnh Hà Tây), xuyên qua tỉnh Ninh Bình, đổ ra Biển Đông tại cửa Đáy (xã Kim Đông).

Dục Thuý – ngọn núi thi ca của thị xã Ninh Bình. Từ điểm xuất phát rất đẹp này, dòng sông chảy về phía cầu Yên, qua bến Đò Chú, Đò Vạc rồi về đến cầu Trì Chính huyện Kim Sơn, tiếp đó đổ nước ra Biển Đông.

– Chỉ dài hơn 30 ki-lô-mét, dòng sông đủ để viết lên một cuốn sách dày hàng mấy trăm trang – Lại có anh gợi ý.

– Vâng, dòng sông đi qua những địa danh vô cùng thân thiết với nhân dân của ba huyện Hoa Lư, Yên Khánh, Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Một ngã ba Bầu, khi phù sa lên nước đỏ lờ lờ, nơi có rất nhiều cá bống và tôm to. Một ngã ba Vạc, nơi những đêm trăng rằm, hàng nghìn con vạc vừa kiếm ăn, vừa hoà tấu bản nhạc riêng của mình. Đây là nói về ngày xưa khi công trình trị thủy chưa có quy mô và hữu hiệu như bây giờ.

Sông Vạc có một chỗ rẽ rất đáng trân trọng. Cái dòng chảy xanh trong ấy đến ngã ba Vạc “bồng” rẽ vào Thăng Động – một thôn của xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô hiện nay – đây là một đoạn của con kênh nhà Lê – con kênh làm nhiệm vụ nâng những đoàn thuyền chiến thời ông vua triều Lê vào phương Nam xa tít tắp đi đánh dẹp quân giặc. Thời xưa, một nữ tướng chỉ huy đoàn thuyền chiến đã hành binh trên phần đất của sông Vạc bây giờ. Nữ tướng Trương Thị Tía đứng dưới cờ Hai Bà Trưng, lúc đó là Đô đốc thủy quân. Hơn 2 000 binh sĩ trên đoàn thuyền cấp tốc ra cửa sông Đáy, phục binh ở cửa Thần Phù (thời ấy còn thuộc xã Yên Lâm, huyện Yên Mô, sau này biến mới lùi xa dần) đánh tan một cánh quân của tên tướng Mã Viện.

Cách đây chưa xa, sông Vạc đã viết những trang lịch sử mới dưới ánh pháo sáng và đạn bom Hoa Kỳ. Thời chống chiến tranh phá hoại, sông Vạc là dòng sông lửa, dòng sông chiến trận. Đêm đêm, từng đoàn thuyền nan chở lương thực, súng ống, đạn dược, quân trang, vượt cầu Yên – một túi bom, qua bến Đò Chú, xuôi ngã ba Bầu về cập bến Vạc.

Những dân công chở thuyền xứng đáng là những dũng sĩ trên sông nước, đã đương đầu với bom đạn, lách qua quảng lửa bom mà chèo bơi, mà lướt tới. Những con thuyền được nguy trang, lạng lẽ, lấm lũi bơi trong đêm dày cả mùa nắng, mùa mưa. Mắt thuyền và mắt người đêm này qua đêm khác không ngủ, tỉnh táo nhìn về phía trước, mũi thuyền đề lên sóng, chỉ mong cập bến an toàn.

[...] Đêm trăng ấy với con thuyền nhỏ, chúng tôi gặp nhau nói chuyện tâm tình. Chắc rằng, không ai có thể quên dòng sông đã tắm mát tuổi thơ của mình.

(*Tuyển tập Tạ Hữu Yên*, NXB Hội Nhà văn, 2006)

1. Chỉ ra thời điểm tác giả quan sát dòng sông Vạc trong tác phẩm. Ở thời điểm đó, sông Vạc hiện lên như thế nào?
2. Chỉ ra cách lí giải nguồn gốc của tên gọi sông Vạc trong văn bản. Qua cách gọi tên đó, người dân Ninh Bình đã bộc lộ tình cảm thế nào với dòng sông quê hương?
3. Dựa vào văn bản, em hãy tóm tắt thủy trình của sông Vạc. Qua thủy trình đó, dòng sông hiện lên với những vẻ đẹp tự nhiên nào?
4. Sông Vạc gắn liền với quê hương Ninh Bình qua những dấu mốc lịch sử nào? Điều đó gợi cho em suy nghĩ gì về vẻ đẹp của dòng sông?
5. Cái “tôi” trữ tình trong văn bản thể hiện tình cảm, cảm xúc gì? Hãy dẫn ra một số câu văn thể hiện rõ tình cảm, cảm xúc ấy.
6. Nhận xét về đặc điểm của thể kí thể hiện trong văn bản.

2.2. Em cần nhớ

- Bài kí “Sông Vạc đêm trăng” đã tái hiện vẻ đẹp thơ mộng, trù phú của dòng sông Vạc – dòng sông lịch sử gắn bó với quá trình đấu tranh giữ nước của dân tộc. Qua tác phẩm, Tạ Hữu Yên thể hiện tình yêu, sự gắn bó thân thiết, niềm tự hào với dòng sông quê hương.
- Bài kí được viết bằng lối hành văn chân thực, giàu cảm xúc; cách quan sát tỉ mỉ, tinh tế; miêu tả sinh động và bố cục rõ ràng, hợp lí.

C. LUYỆN TẬP

1. Nhan đề “Sông Vạc đêm trăng” gợi cho em suy nghĩ gì?
2. Em ấn tượng nhất với đoạn văn nào trong văn bản “Sông Vạc đêm trăng”? Vì sao?
3. Phân tích sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình của thể loại kí qua một vài biểu hiện cụ thể của văn bản “Sông Vạc đêm trăng”.
4. Văn bản “Sông Vạc đêm trăng” khơi gợi trong em những tình cảm gì đối với quê hương?

D. VẬN DỤNG

1. Viết một bài kí hoặc một bài tản văn về một dòng sông của quê hương Ninh Bình (Gợi ý: sông Sào Khê, sông Hoàng Long, sông Hồng, sông Đào, sông Đáy, sông Châu,...).
2. Em hãy chuyển thể nội dung văn bản “Sông Vạc đêm trăng” thành một tác phẩm nghệ thuật: tranh vẽ/ bài thơ/ bản nhạc hoặc biên soạn một bài thuyết trình giới thiệu về quê hương, sông núi Ninh Bình.

Chủ đề 4

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH Ở TỈNH NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Phân tích được hiện trạng môi trường và tài nguyên thiên nhiên tỉnh Ninh Bình.
- Nêu được một số giải pháp hoặc việc làm phù hợp để khai thác hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường ở địa phương.
- Trình bày được khái niệm cơ bản về phát triển bền vững và tăng trưởng xanh.
- Phân tích được vai trò, ý nghĩa của phát triển bền vững và tăng trưởng xanh đối với phát triển kinh tế – xã hội, bảo vệ môi trường và bảo tồn di sản ở tỉnh Ninh Bình.

Bài 1. MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN Ở TỈNH NINH BÌNH

A. KHỞI ĐỘNG



Hình 4.1. Bản đồ hành chính tỉnh Ninh Bình (Nguồn: Sở Nông nghiệp và Môi trường Ninh Bình)

Tỉnh Ninh Bình có diện tích tự nhiên 3 942,6 km², quy mô dân số 4 412 264 người, chính thức được thành lập từ ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập 3 tỉnh Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình. Tỉnh có địa hình đa dạng: phía tây là khu vực đồi núi đá vôi, tiếp đến là dải đồng bằng phù sa, phía đông là vùng đồng bằng duyên hải ven biển. Tài nguyên thiên nhiên phong phú tạo cơ hội thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội, song cũng đặt ra thách thức lớn về bảo vệ môi trường.

Kể tên các loại tài nguyên thiên nhiên và những thách thức về môi trường trong giai đoạn hiện nay của tỉnh.

B. KHÁM PHÁ

1. Tài nguyên thiên nhiên tỉnh Ninh Bình

1.1. Tài nguyên đất

Năm 2025, tỉnh Ninh Bình có tổng diện tích tự nhiên là 394 262 ha. Trong đó, đất nông nghiệp chiếm ưu thế với 258 242 ha (65,5 %); đất phi nông nghiệp là 125 375 ha (31,8 %); đất chưa sử dụng còn 10 645 ha (2,7 %).

Vùng đồng bằng với phần lớn diện tích là đất sản xuất nông nghiệp, trong đó diện tích đất trồng lúa đạt 148 114 ha (chiếm 37,5 % diện tích tự nhiên). Đây là nơi sản xuất lương thực trọng điểm của tỉnh và khu vực. Ngoài ra có 16 985 ha đất trồng cây hàng năm khác và 21 877 ha đất trồng cây lâu năm.



Hình 4.2. Lễ hội Tịch điền Đọi Sơn (Nguồn: Phường Tiên Sơn)

Vùng đồi núi có khoảng 37 528 ha đất lâm nghiệp, trong đó rừng đặc dụng là 17 764 ha, rừng phòng hộ là 14 845 ha và rừng sản xuất là 4 919 ha đã góp phần phát huy giá trị sinh thái và du lịch.

Vùng ven biển với 30 599 ha đất nuôi trồng thủy sản, 591 ha đất làm muối là lợi thế để phát triển kinh tế biển.

Hãy giải thích vì sao tài nguyên đất của tỉnh cho phép đa dạng hoá sản phẩm nông nghiệp?

1.2. Tài nguyên khoáng sản

Tỉnh có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú đa dạng. Đá vôi, đá đô-lô-mit, đất sét và cát san lấp là nhóm khoáng sản chủ lực phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi phía tây và ven biển, tạo điều kiện cho phát triển công nghiệp xi măng và vật liệu xây dựng.

Trữ lượng đá vôi xi măng năm 2025 khoảng 4 150 triệu tấn, đất sét xi măng khoảng 539,6 triệu tấn; cát xây dựng khoảng 11,6 triệu m³, cát san lấp ven biển khoảng 163 triệu m³.

Ngoài ra, tỉnh còn một số khoáng sản khác. Trong đó, có nguồn nước khoáng nóng tại Kênh Gà, khu vực Cúc Phương giúp phát triển du lịch nghỉ dưỡng. Để bảo tồn nguồn tài nguyên, giảm ô nhiễm, bảo vệ cảnh quan, việc khai thác khoáng sản cần tuân thủ quy hoạch và áp dụng công nghệ phù hợp.



Hình 4.3. Mở khai thác đá vôi Hồng Sơn, phường Lý Thường Kiệt
(Nguồn: Ảnh tác giả)

Hãy trình bày đặc điểm và đánh giá ảnh hưởng của tài nguyên khoáng sản đến sự phát triển kinh tế của tỉnh.

1.3. Tài nguyên nước

Tỉnh có nguồn tài nguyên nước phong phú với tổng trữ lượng nước mặt khoảng 100,5 tỉ m³/năm; có mạng lưới sông ngòi dày đặc với mật độ 1,0 – 1,3 km/km². Tổng chiều dài các con sông là 1 599,1 km bao gồm các sông lớn như sông Hồng, sông Đáy và các sông nội tỉnh. Nhờ đó, nguồn nước cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và các hoạt động kinh tế – xã hội.



Hình 4.4. Cửa Hữu Bị – nơi sông Châu Giang chảy ra sông Hồng
(Nguồn: Ảnh tác giả)

Hệ thống hồ chứa có dung tích hữu ích khoảng 59,5 triệu m³. Các hồ tiêu biểu như Yên Đồng, Yên Thắng, Đá Lải, Đồng Chương giữ vai trò quan trọng trong điều tiết lũ và cấp nước.

Tuy nhiên, nguồn nước đang chịu sức ép lớn do ô nhiễm. Tác động của biến đổi khí hậu khiến xâm nhập mặn gia tăng, ranh giới mặn 1‰ trên các sông Ninh Cơ, sông Hồng lấn sâu vào nội đồng trung bình 22 – 25 km, có thời điểm lên tới 35 – 40 km. Điều đó đã đe dọa an ninh nguồn nước sinh hoạt và sản xuất.

Đọc nội dung mục 1.3 và quan sát hình 4.4, hãy phân tích những thuận lợi và khó khăn của nguồn nước đối với sự phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình.

1.4. Tài nguyên rừng và đa dạng sinh học

a) Tài nguyên rừng

Năm 2025, tỉnh Ninh Bình có tổng diện tích rừng là 37 574,4 ha với trữ lượng gỗ khoảng 3 089 m³. Trong đó, rừng đặc dụng có diện tích lớn nhất với 18 328,1 ha, rừng phòng hộ 14 327,2 ha và rừng sản xuất 4 919,1 ha. Rừng phân bố chủ yếu trên địa hình núi đá vôi, núi đất và vùng đất ngập nước ven biển.

Rừng mọc trên núi đá vôi tập trung ở khu vực phía tây của tỉnh, với tổng diện tích 7 241,0 ha thuộc kiểu rừng thường xanh nhiệt đới ẩm, phân thành nhiều tầng, tán. Đây là hệ sinh thái độc đáo và quý giá, chứa đựng nhiều nguồn gen đặc hữu, quý hiếm, có giá trị khoa học và kinh tế.

Rừng trên núi đất phân bố ở vùng núi Tây Nam của tỉnh và các đồi núi của vùng đồng bằng. Đây là rừng nhiệt đới thường xanh có cấu trúc 3 – 4 tầng, các loài cây lá rộng chiếm ưu thế. Rừng trồng có khoảng 1 254,5 ha, chủ yếu có cấu trúc 2 tầng.

Rừng ngập mặn phân bố ở các xã ven biển với tổng diện tích khoảng 3 200 ha. Ngoài tác dụng chắn sóng, chắn gió bão, bảo vệ đê, hạn chế sạt lở bờ biển, rừng còn giúp điều hoà khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học và nguồn lợi thuỷ sản.



Hình 4.5. Vườn quốc gia Cúc Phương
(Nguồn: Sở Du lịch Ninh Bình)

Kể tên các loại rừng và xác định loại rừng có diện tích lớn nhất. Nêu vùng phân bố của rừng núi đá vôi, núi đất, rừng ngập mặn.

b) Đa dạng sinh học

Công tác điều tra, bảo tồn đa dạng sinh học ghi nhận năm 2025 tại tỉnh Ninh Bình có 5 620 loài sinh vật (4 092 loài thực vật và 1 528 loài động vật). Đặc biệt, có 268 loài nguy cấp, quý hiếm có tên trong sách đỏ Việt Nam (87 loài thực vật và 181 loài động vật), trong đó tiêu biểu là *Voọc mông trắng*.

Về thực vật, tỉnh đã thống kê được 3 714 loài thực vật bậc cao và 378 loài thực vật bậc thấp, phân bố ở nhiều sinh cảnh khác nhau; trong đó có 87 loài nguy cấp, quý hiếm.

Bên cạnh các loài động, thực vật hoang dã, tỉnh còn chú trọng bảo tồn đa dạng nguồn gen vật nuôi, cây trồng, đặc biệt là các giống đặc sản của mỗi địa phương, góp phần phát triển nông nghiệp sinh thái bền vững.



Hình 4.6. Voọc mông trắng tại núi Ba Sao, phường Tam Chúc
(Nguồn: Ảnh tác giả)

Hãy đánh giá vai trò chủ yếu của tài nguyên sinh vật ở tỉnh Ninh Bình đối với đời sống và sản xuất.

1.5. Tài nguyên biển

Tỉnh có bờ biển dài khoảng 90 km và vùng biển rộng. Có 5 cửa sông lớn chảy ra biển là cửa Ba Lạt, cửa Lạch Giang, cửa Ninh Cơ, cửa Đáy và cửa Lạch Càn tạo nên vùng bãi bồi lấn ra biển 80 – 100 m/năm. Hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển phát triển mạnh, tiêu biểu là Vườn quốc gia Xuân Thủy – nơi cư trú của nhiều loài chim di cư và nguồn lợi thủy hải sản phong phú. Năm 2025, diện tích nuôi trồng thủy hải sản khoảng 35 265 ha, tổng sản lượng trên 306 800 tấn; trong đó khai thác từ biển khoảng 71 400 tấn. Một số khu vực ven biển có điều kiện thuận lợi cho sản xuất muối.

Tuy nhiên, môi trường biển cũng đang đối mặt với thách thức từ biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Sự gia tăng mật độ phương tiện khai thác và việc áp dụng các phương thức sản xuất thiếu bền vững đã gây ô nhiễm môi trường, làm biến đổi chuỗi thức ăn, suy giảm nguồn lợi tự nhiên và đe dọa đa dạng sinh học, đặc biệt là tại khu vực ven bờ. Thực trạng đó đòi hỏi các giải pháp bảo tồn và khai thác bền vững.



Hình 4.7. Khai thác hải sản tại xã Hải Lý
(Nguồn: Tài liệu Giáo dục địa phương Nam Định)

Tài nguyên biển của tỉnh Ninh Bình bao gồm những gì?

2. Thực trạng môi trường tỉnh Ninh Bình

2.1. Môi trường đất

Nhìn chung, chất lượng môi trường đất trên toàn tỉnh còn khá tốt. Đa số các vị trí quan trắc đều có hàm lượng kim loại nặng (như As, Pb, Zn, Cu, Cd) và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 03:2023/BTNMT).

Tuy nhiên, ô nhiễm cục bộ đã xuất hiện tại các bãi rác, các khu vực xử lý chất thải. Tại một số bãi rác, hàm lượng Asen trong đất có thời điểm vượt quy chuẩn 1,9 lần. Chất thải rắn, nước rỉ rác có thể mang theo kim loại nặng cùng nhiều chất gây ô nhiễm khác và các vi sinh vật có hại làm ô nhiễm đất, mạch nước ngầm. Trước thực trạng đó, các địa phương đã chú trọng tuyên truyền cho người dân việc xử lý, phân loại và để rác đúng nơi quy định. Nhà máy Điện rác Greenity Nam Định

tại phường Mỹ Lộc với tổng mức đầu tư 1 760 tỉ đồng đang được hoàn thiện và chuẩn bị đưa vào sử dụng.

Khu vực đất canh tác tại một số làng nghề có dấu hiệu tích tụ kẽm, chì. Có nơi hàm lượng chì lên đến 27,8 mg/kg, hàm lượng kẽm lên tới 44 mg/kg. Nguyên nhân chính gây suy thoái đất là việc lạm dụng phân bón hoá học, thuốc bảo vệ thực vật trong nông nghiệp, các loại chất thải sinh hoạt, làng nghề và công nghiệp chưa được xử lý triệt để.



Hình 4.8. Đốt rác thải sinh hoạt tại một bãi rác ven đường
(Nguồn: Ảnh tác giả)

Hãy chỉ ra những dấu hiệu để nhận biết đất bị ô nhiễm. Xác định nguyên nhân gây ô nhiễm và biện pháp phòng ngừa, xử lý.

2.2. Môi trường nước

Giai đoạn 2020 – 2025, trong khi các sông lớn như sông Hồng, sông Hoàng Long và các hồ chứa duy trì chất lượng nước tốt (WQI đạt 77 – 97; WQI là chỉ số chất lượng nước, càng cao càng tốt) thì hệ thống sông Nhuệ, sông Đáy ở khu vực phía bắc tỉnh có thời điểm bị ô nhiễm nặng do nước thải sinh hoạt, công nghiệp và làng nghề chưa qua xử lý từ thượng nguồn chảy về. Chỉ số amoni trên sông Nhuệ có thời điểm vượt quy chuẩn tới 129 lần, sông Đáy vượt 54,7 lần làm suy giảm hệ sinh thái thủy sinh và ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp.

Trước thực trạng này, tỉnh đang đẩy mạnh đầu tư hệ thống quan trắc tự động, tăng số trạm xử lý nước thải tập trung. Năm 2025 có 18/20 khu công nghiệp và 15/43 cụm công nghiệp đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Công tác bảo vệ môi trường được lồng ghép trong quy hoạch; thực hiện nạo vét, cải tạo các dòng sông và mạng lưới kênh mương nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước và sức khỏe cộng đồng.

Dựa vào thông tin ở mục 2.2, hãy nêu hai biểu hiện ô nhiễm nước nổi bật ở tỉnh và đề xuất hai việc làm khả thi ở địa phương/nhà trường để giảm ô nhiễm nguồn nước.

2.3. Môi trường không khí

Dựa trên số liệu quan trắc giai đoạn 2020 – 2025, chất lượng môi trường không khí tại tỉnh Ninh Bình có sự phân hoá giữa các vùng. Tại các khu du lịch sinh thái như Tràng An, Cúc Phương, Vườn quốc gia Xuân Thủy, Khu bảo tồn Vân Long và vùng ven biển, chất lượng không khí duy trì ở mức tốt. Ở khu dân cư, các chỉ số khí thải (CO, CO₂, NO₂, SO₂) và tiếng ồn cơ bản nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn Việt Nam (QCVN 05:2023/BTNMT).

Tuy nhiên, ô nhiễm bụi là vấn đề môi trường đáng lo ngại tại các nút giao thông, khu vực khai thác khoáng sản và cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng. Tại một số tuyến giao thông, nồng độ bụi từng ghi nhận vượt quy chuẩn 32,8 lần. Nguyên nhân là do mật độ phương tiện vận tải quá cao, làm phát sinh nhiều khí thải và gây bụi cuốn. Tại một số làng nghề cũng ghi nhận ô nhiễm khí thải, bụi và tiếng ồn: có nơi nồng độ bụi vượt quy chuẩn 2,3 lần, tiếng ồn vượt quy chuẩn tới 1,1 lần. Tình trạng đốt rác, đốt rơm rạ sau thu hoạch và khí phát thải trong chăn nuôi cũng là nguyên nhân gây ô nhiễm không khí.

Ở các khu công nghiệp, nồng độ khí độc hại cơ bản được kiểm soát tốt nhờ công nghệ xử lý khí thải hiện đại tại các nhà máy.

Ở nơi em sống hoặc trường em, nguồn phát sinh bụi hoặc khí thải thường gặp là gì? Em hãy đề xuất hai việc làm cụ thể để hạn chế ô nhiễm không khí.

C. LUYỆN TẬP

1. Căn cứ vào những nội dung em đã tìm hiểu về tài nguyên thiên nhiên tỉnh Ninh Bình, hãy xác định tính Đúng/Sai của các mệnh đề sau:
 - a) Diện tích đất nông nghiệp chiếm tỉ lệ thấp nhất trong cơ cấu đất đai của tỉnh do địa hình chủ yếu là núi đá vôi.
 - b) Tài nguyên khoáng sản của tỉnh là nguồn lực quan trọng cho phát triển công nghiệp xi măng, vật liệu xây dựng và du lịch nghỉ dưỡng.
 - c) Mạng lưới sông ngòi của tỉnh có mật độ cao, đảm bảo nguồn nước cho sản xuất, tuy nhiên đang đối mặt với nguy cơ xâm nhập mặn do biến đổi khí hậu.
 - d) Vườn quốc gia Cúc Phương và Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long chỉ có giá trị về mặt du lịch, ít có ý nghĩa về bảo tồn đa dạng sinh học và nguồn gen.
2. Dựa trên hiện trạng môi trường tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2020 – 2025, hãy xác định tính Đúng/Sai của các mệnh đề sau:

- a) Chất lượng môi trường không khí tại tất cả các khu vực trong tỉnh, bao gồm cả các nút giao thông và làng nghề, đều luôn duy trì ở mức tốt.
- b) Một số khu vực đất canh tác tại các làng nghề và bãi rác đã xuất hiện dấu hiệu ô nhiễm cục bộ với hàm lượng kim loại nặng (như Asen, chì) vượt quy chuẩn.
- c) Chất lượng nước sông Nhuệ và sông Đáy (khu vực phía bắc tỉnh) luôn đạt mức tốt, không chịu ảnh hưởng bởi nước thải sinh hoạt và công nghiệp.
- d) Việc lạm dụng phân bón hoá học, thuốc bảo vệ thực vật và chất thải chưa được xử lý triệt để là những nguyên nhân chính gây suy thoái môi trường đất.

D. VẬN DỤNG

Thu thập tài liệu, tranh ảnh, video để viết báo cáo ngắn về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường ở nơi em sống.

EM CÓ BIẾT?

- Vườn quốc gia Cúc Phương là khu rừng mưa nhiệt đới tiêu biểu ở Việt Nam, có độ đa dạng sinh học cao. Năm 2024 là năm thứ 6 liên tiếp, Vườn quốc gia Cúc Phương được Giải thưởng Du lịch Thế giới (World Travel Awards) bình chọn và trao tặng danh hiệu Vườn quốc gia hàng đầu châu Á.
- Vườn quốc gia Xuân Thủy có hệ sinh thái rừng ngập mặn tiêu biểu vùng ven biển, là nơi cư trú của nhiều loài chim nước. Năm 2025, Vườn quốc gia Xuân Thủy được công nhận là Vườn Di sản ASEAN (ASEAN Heritage Park).
- Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long được công nhận là Khu Ramsar thứ 9 của Việt Nam (năm 2019). Khu vực này nổi tiếng về giá trị cảnh quan và là nơi có quần thể voọc mông trắng đặc biệt quan trọng đối với bảo tồn.

Bài 2. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH Ở TỈNH NINH BÌNH

A. KHỞI ĐỘNG



Hình 4.9. Khu du lịch Tam Cốc
(Nguồn: <https://hanoimoi.vn>)



Hình 4.10. Quần thể chùa Tam Chúc
(Nguồn: <http://www.cema.gov.vn>)

Quan sát hình 4.9 và hình 4.10, theo em, vì sao chúng ta cần bảo vệ cảnh quan và môi trường khi phát triển du lịch ở những nơi này?

B. KHÁM PHÁ

1. Khái quát chung về phát triển bền vững và tăng trưởng xanh

1.1. Khái niệm và các trụ cột của phát triển bền vững

Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng được nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai.

Phát triển bền vững được xây dựng dựa trên ba trụ cột chính, tương hỗ lẫn nhau là xã hội, kinh tế và môi trường.

– Xã hội: Xây dựng một xã hội công bằng, bình đẳng, đảm bảo mọi người đều có cơ hội tiếp cận giáo dục, y tế và việc làm. Mô hình phát triển du lịch Tràng An (phường Hoa Lư) và Tam Cốc – Bích Động (phường Nam Hoa Lư) là một minh chứng điển hình. Việc sử dụng cư dân địa phương làm người chèo đò và hướng dẫn viên không chỉ tạo ra việc làm ổn định, giảm nghèo bền vững mà còn biến mỗi người dân thành một “đại sứ du lịch” góp phần lan toả giá trị di sản đến du khách.

– Kinh tế: Tăng trưởng kinh tế ổn định, không làm ảnh hưởng xấu, cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên hoặc gây ra hậu quả tiêu cực về môi trường và xã hội.

Ví dụ tại Khu công nghiệp Dệt may Rạng Đông – Aurora IP (xã Rạng Đông), dự án có hạ tầng kỹ thuật xanh, hiện đại; hệ thống cung cấp nước mặt và xử lý nước thải công nghệ cao giúp tiết kiệm đến 40 % lượng nước trong quá trình nhuộm và đảm bảo 100 % chất thải được xử lý đạt chuẩn trước khi xả thải.



a. Khu công viên và hồ cảnh quan



b. Hàng rào cây phi lao 17 km bao quanh Khu công nghiệp



c. Hệ thống xử lý nước cấp



d. Hệ thống xử lý nước thải

Hình 4.11. Một số hình ảnh Khu công nghiệp Dệt may Rạng Đông

(Nguồn: Khu công nghiệp Dệt may Rạng Đông)

– Môi trường: Khai thác tài nguyên đi đôi với trách nhiệm bảo vệ và phục hồi môi trường tự nhiên. Ví dụ tại Khu du lịch quốc gia Tam Chúc (phường Tam Chúc), các hoạt động kinh tế được tổ chức gắn liền với nỗ lực bảo tồn đa dạng sinh học, đặc biệt là loài voọc mông trắng quý hiếm. Thông qua việc quy hoạch nghiêm ngặt hệ thống vùng đệm và vùng lõi, kết hợp với các biện pháp khôi phục rừng đặc dụng và kiểm soát tiếng ồn từ phương tiện vận chuyển, địa phương đã duy trì được hệ sinh thái bền vững cho các loài linh trưởng phát triển.

1.2. Khái niệm và đặc điểm của tăng trưởng xanh

Đã có nhiều tổ chức nghiên cứu, định nghĩa về tăng trưởng xanh như: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), Ủy ban Kinh tế – Xã hội châu Á – Thái Bình Dương (UNESCAP),... Tại Việt Nam, chương trình tăng trưởng xanh được cụ thể hoá thông qua “Chiến lược

quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050”¹, đã khẳng định: Tăng trưởng xanh là sự tăng trưởng dựa trên tái cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, giảm cường độ phát thải khí nhà kính thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, tài nguyên dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số, phát triển kết cấu hạ tầng xanh, bền vững, xây dựng lối sống xanh,... nhằm đạt thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội.

Tăng trưởng xanh là một mô hình phát triển có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển bền vững của tỉnh Ninh Bình nói riêng, của Việt Nam và toàn thế giới nói chung. Thực hiện tăng trưởng xanh là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; được triển khai trên nền tảng đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhằm khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, bền vững; đồng thời phát huy tối đa lợi thế về kinh tế di sản, năng lượng tái tạo, công nghiệp sạch và công nghiệp sinh thái, bảo đảm hài hoà giữa tăng trưởng với bảo tồn giá trị văn hoá – lịch sử và hệ sinh thái đặc thù của địa phương.

Tăng trưởng xanh có những đặc điểm chính sau:



Hình 4.12. Đặc điểm chính của tăng trưởng xanh

1. Nêu một số hoạt động tiêu biểu thể hiện sự phát triển bền vững và tăng trưởng xanh tại Ninh Bình trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, du lịch hoặc đời sống.
2. Theo em, việc thực hiện tăng trưởng xanh có vai trò như thế nào trong việc đảm bảo các trụ cột của phát triển bền vững?

¹ Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn 2050.

2. Vai trò và ý nghĩa của phát triển bền vững, tăng trưởng xanh đối với tỉnh Ninh Bình

Ở tỉnh Ninh Bình, tăng trưởng xanh có vai trò, ý nghĩa gì đối với việc phát triển kinh tế – xã hội, bảo vệ môi trường và bảo tồn di sản?

2.1. Đối với phát triển kinh tế – xã hội

Tăng trưởng xanh giúp tỉnh Ninh Bình phát triển kinh tế theo hướng bền vững và hiệu quả hơn. Trong nông nghiệp, việc áp dụng mô hình nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn,... đã góp phần nâng cao chất lượng nông sản, tăng giá trị sản xuất, thu nhập cho người dân và bảo vệ sức khoẻ cộng đồng. Trong công nghiệp, việc chú trọng phát triển công nghiệp sạch, sử dụng công nghệ xanh, tiết kiệm năng lượng,... giúp giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Trong lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt là du lịch xanh và du lịch sinh thái,... định hướng chuyển đổi xanh giúp khai thác hiệu quả tiềm năng du lịch tự nhiên và văn hoá của địa phương, mở ra nhiều cơ hội việc làm, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân địa phương. Trước tác động của biến đổi khí hậu, đặc biệt là nguy cơ ngập lụt vùng ven biển, tỉnh đã chú trọng thực hiện chuyển đổi xanh, thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo, phát triển kinh tế tuần hoàn, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và bảo vệ hệ sinh thái ven biển.



Hình 4.13. Một góc Vườn quốc gia Xuân Thủy (xã Giao Minh) –
Mô hình du lịch sinh thái của tỉnh Ninh Bình (Nguồn: <https://nhandan.vn>)

2.2. Đối với công tác bảo vệ môi trường và bảo tồn di sản

Đối với bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Việc sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên như đất, nước và năng

lượng giúp hạn chế khai thác quá mức và suy thoái môi trường. Các biện pháp như giảm phát thải, xử lý chất thải, tái chế và tái sử dụng theo mô hình kinh tế tuần hoàn góp phần giảm ô nhiễm đất, nước và không khí. Điều này đặc biệt cần thiết đối với các tỉnh đồng bằng như tỉnh Ninh Bình – địa phương dễ chịu tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và thiên tai.



Việc thu hồi và tái sử dụng khí CO₂ giữa Nhà máy đạm Ninh Bình và Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Ninh Bình có vai trò gì trong việc bảo vệ môi trường?

Hình 4.14. Đường dẫn khí CO₂ của Nhà máy đạm Ninh Bình tới Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Ninh Bình tại Khu công nghiệp Khánh Phú (phường Đông Hoa Lư)

Bên cạnh đó, tăng trưởng xanh còn có vai trò quan trọng trong bảo tồn di sản thiên nhiên và văn hoá của tỉnh. Ninh Bình là nơi có Quần thể danh thắng Tràng An – di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới; có khu sinh thái và dự trữ sinh quyển ven biển Xuân Thủy và có nhiều di tích lịch sử, làng nghề truyền thống lâu đời. Việc phát triển du lịch sinh thái, du lịch xanh giúp khai thác hợp lý các giá trị di sản, đồng thời bảo vệ cảnh quan, hệ sinh thái và bản sắc văn hoá địa phương. Qua đó, các di sản không chỉ được gìn giữ mà còn trở thành nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế – xã hội lâu dài của tỉnh.



Hình 4.15. Nghi thức rước rồng trên sông Sào Khê tại lễ hội Tràng An
(Nguồn: <https://nbtv.vn>)

C. LUYỆN TẬP

Câu 1. Em hãy lựa chọn một mô hình phát triển bền vững cụ thể tại tỉnh Ninh Bình (ví dụ: Quần thể danh thắng Tràng An, hình thức nông nghiệp hữu cơ hoặc sản xuất sạch tại các khu công nghiệp,...) và phân tích sự tác động qua lại giữa ba trụ cột phát triển bền vững trong mô hình đã chọn. Nếu coi nhẹ yếu tố môi trường để đổi lấy lợi ích kinh tế trước mắt, mô hình đó sẽ đối mặt với những rủi ro gì?

Câu 2. Tại sao tỉnh Ninh Bình lại xác định “Tăng trưởng xanh” là con đường tất yếu để bảo tồn Di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới – Quần thể danh thắng Tràng An?

D. VẬN DỤNG

Em hãy chụp ảnh hoặc vẽ tranh về một hành động thực tế (tích cực hoặc tiêu cực) đối với môi trường tại nơi em sinh sống và học tập. Viết một thông điệp ngắn (35 – 50 chữ) để vận động cộng đồng thực hiện lối sống xanh từ chính hình ảnh đó.

EM CÓ BIẾT?

TỪ “RÁC THẢI” THÀNH “ĐIỆN NĂNG”

Nhà máy Điện rác Greenity Nam Định (đặt tại phường Mỹ Lộc) là dự án hạ tầng môi trường hiện đại với vốn đầu tư 1 760 tỉ đồng, sử dụng công nghệ lò đốt Martin (Đức) có khả năng xử lý 950 tấn rác hỗn hợp/ngày đêm. Dự án đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết áp lực rác thải sinh hoạt và công nghiệp, giúp bảo vệ hệ sinh thái lưu vực sông Hồng. Với công suất phát điện 15 MW, nhà máy không chỉ xử lý ô nhiễm mà còn biến chất thải thành năng lượng, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn và mục tiêu phát triển bền vững tại địa phương.

Bài 3. THỰC TIỄN VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI TỈNH NINH BÌNH

A. KHỞI ĐỘNG

Quần thể danh thắng Tràng An (Ninh Bình) là di sản hỗn hợp (văn hoá và thiên nhiên) đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam cũng như khu vực Đông Nam Á được UNESCO công nhận (2014), có diện tích 6 172 ha, nổi bật với cảnh quan đá vôi các-xơ, hệ thống hang động, sông ngòi và các giá trị khảo cổ tiền sử. Tràng An không chỉ là điểm đến du lịch sinh thái, tâm linh hấp dẫn mà còn là một “đấu chấm xanh” trên bản đồ du lịch thế giới, kết nối trong hành trình di sản miền Bắc. Đây là nguồn lực quan trọng để tỉnh Ninh Bình khai thác, phát triển công nghiệp văn hoá bền vững, hiệu quả trong thời gian tới.



Hình 4.16. Di sản Tràng An
(Nguồn: <https://sonnmt.ninhbinh.gov.vn>)

Hiện nay tỉnh Ninh Bình đã thực hiện phát triển bền vững như thế nào và cần những giải pháp gì để hướng tới phát triển bền vững?

B. KHÁM PHÁ

1. Tiềm năng và thực trạng phát triển bền vững ở tỉnh Ninh Bình

Ninh Bình thuộc vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Hồng với hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy thuận lợi cho phát triển logistics xanh

và thu hút đầu tư công nghệ sạch. Sau sáp nhập, Ninh Bình sở hữu diện tích hơn 3 942 km², vị trí địa lý vừa giáp biển, vừa giáp các khu vực kinh tế năng động, đặc biệt là thành phần kinh tế biển với bờ biển dài khoảng 90 km, mở ra cơ hội phát triển kinh tế biển đa ngành (logistics, du lịch nghỉ dưỡng, năng lượng tái tạo) theo hướng xanh và bền vững.

1.1. Nông nghiệp xanh – nông nghiệp công nghệ cao

Sau sáp nhập, Ninh Bình có tiềm năng đất đai rộng lớn với nhiều loại đất và hệ sinh thái đa dạng để phát triển nông nghiệp từ miền núi tới đồng bằng và ven biển.

Sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ và phát triển các sản phẩm đặc trưng như gạo đặc sản (gạo Kim Sơn, gạo tám xoan, gạo nếp cái hoa vàng Hải Hậu,...); dê núi, bò sữa, vịt biển Nam Định, ngao Kim Sơn (đã được cấp chứng nhận ASC quốc tế), cá đồng, tôm sú, tôm càng xanh, cua biển vùng ven biển,... được chú trọng nhằm nâng cao giá trị sản phẩm và xây dựng thương hiệu địa phương.

Ninh Bình xây dựng mô hình nông nghiệp kết hợp với du lịch sinh thái có tiềm năng phát triển, tạo ra sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao phục vụ du khách và thị trường, vừa nâng cao giá trị nông sản, vừa tạo việc làm tại chỗ cho người dân, thu hút hàng triệu lượt khách du lịch mỗi năm.



Hình 4.17. Sen ở Hang Múa, Ninh Bình
(Nguồn: <https://baoninhbinh.org.vn>)

Tỉnh Ninh Bình hiện gặp nhiều khó khăn trong phát triển nông nghiệp hữu cơ. Diện tích được chứng nhận hữu cơ chỉ đạt 25,9 ha trên tổng số 260 nghìn ha đất nông nghiệp. Việc sở hữu đất đai còn manh mún gây trở ngại cho việc áp dụng quy

trình và tiêu chuẩn sản xuất quốc tế. Chi phí sản xuất theo hướng hữu cơ cao, trong khi lực lượng lao động nông nghiệp đang già hoá và thiếu lao động trẻ có trình độ. Ngoài ra, biến đổi khí hậu cùng với quy trình chứng nhận hữu cơ đòi hỏi nhiều thời gian và chi phí, tạo thêm áp lực cho quá trình phát triển.

Giai đoạn 2026 – 2030, Ninh Bình định hướng xây dựng nền nông nghiệp sinh thái – hữu cơ – đa giá trị, lấy du lịch làm động lực phát triển và có nhiều chính sách hỗ trợ kịp thời để từng bước chuyển từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp đa giá trị.

Phân tích những khó khăn mà Ninh Bình đang gặp phải trong quá trình chuyển mình từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp xanh.

1.2. Công nghiệp công nghệ cao

Theo phương án phát triển công nghiệp cao trong Quy hoạch của tỉnh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, hiện nay toàn tỉnh được duyệt quy hoạch tổng số 117 cụm công nghiệp với diện tích 5 583 ha và 1 khu kinh tế Ninh Cơ. Trong đó đã có 80 cụm công nghiệp đã được thành lập/mở rộng và 43 cụm công nghiệp đi vào hoạt động với cơ sở hạ tầng đã được đầu tư (đường giao thông, cấp điện, cấp nước, chiếu sáng, cây xanh,...) tạo mặt bằng tương đối hoàn chỉnh cho hoạt động sản xuất, đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư thứ cấp. Toàn tỉnh có 15 cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung với tổng công suất đạt 19 550 m³/ngày đêm, bao gồm các cụm công nghiệp: Gia Vân, Gia Phú, Gia Lập, Khánh Thượng, Cầu Yên, Văn Phong, Đồng Hương, đả mỹ nghệ Ninh Vân, Xuân Tiến, Yên Dương, An Xá, Bình Lục, Lê Hồ, Cầu Giát và thị trấn Cổ Lễ.

Việc sáp nhập 3 tỉnh giúp kết nối hệ thống các cụm công nghiệp trở thành vệ tinh hiệu quả cho các khu công nghiệp lớn như: Đồng Văn, Bảo Minh, Khánh Phú, Gián Khẩu,... đang thu hút các dự án có tính chiến lược cho sự phát triển của ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Nhiều cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh hiện đang gặp phải những khó khăn và hạn chế trong quá trình triển khai. Các vướng mắc chủ yếu liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư, đất đai, môi trường và phòng cháy chữa cháy. Hệ thống cụm công nghiệp phát triển chưa đồng đều, một số nơi hạ tầng kỹ thuật đã xuống cấp, thiếu hệ thống xử lý nước thải tập trung. Quy mô các cụm công nghiệp nhìn chung còn nhỏ, phát triển manh mún, thiếu sự liên kết và định hướng dài hạn. Ngoài ra, nguy cơ ô nhiễm môi trường tại nhiều cụm công nghiệp đang

hiện hữu, gây áp lực lớn cho công tác quản lý nhà nước và thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

1.3. Kinh tế biển

Sau sáp nhập, không gian biển, ven biển của Ninh Bình được mở rộng với bờ biển dài, có nhiều cửa sông lớn và vùng triều, đầm phá rộng, tạo điều kiện phát triển kinh tế biển đa ngành như khai thác và nuôi trồng thủy sản, du lịch sinh thái, văn hoá, dịch vụ cảng biển và năng lượng tái tạo.

Ngư trường phong phú và hệ sinh thái đa dạng mang lại nguồn lợi thủy hải sản lớn, thúc đẩy ngành đánh bắt và chế biến.



Hình 4.18. Vườn quốc gia Xuân Thủy và chim di cư
(Nguồn: <https://baoninhbinh.org.vn>)

Hoạt động nuôi trồng thủy sản và phát triển du lịch với mật độ cao có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái rừng ngập mặn và đa dạng sinh học. Quá trình chuyển đổi từ khai thác thô sang nuôi trồng thủy sản công nghệ cao đòi hỏi nguồn vốn lớn và năng lực quản lý phù hợp. Bên cạnh đó, khu vực ven biển chịu tác động trực tiếp của hiện tượng nước biển dâng, bão lũ, làm gia tăng rủi ro đối với các hoạt động kinh tế.

Không gian biển mở rộng tạo điều kiện cho việc quy hoạch vùng biển liên kết. Khu vực ven biển, đặc biệt là Khu kinh tế Ninh Cơ, có lợi thế chiến lược để phát triển logistics biển và dịch vụ hậu cần nghề cá, hướng tới mục tiêu trở thành trung tâm logistics cấp vùng trong tam giác kinh tế Hà Nội – Hải Phòng – Thanh Hoá. Tuy nhiên, việc kết nối và quy hoạch đồng bộ hạ tầng vùng biển sau khi sáp nhập địa giới hành chính đòi hỏi nguồn lực lớn và thời gian triển khai đáng kể.



Khu kinh tế Ninh Cơ

Hình 4.19. Khu kinh tế Ninh Cơ
(Nguồn: <https://baoninhbinh.org.vn>)

Việc hợp nhất tạo ra một không gian chiến lược quan trọng, giúp Ninh Bình trở thành một trong những trung tâm kinh tế biển phía bắc.

2. Mối quan hệ giữa bảo tồn di sản và phát triển kinh tế bền vững tại địa phương

2.1. Một số di sản tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình

Sau sáp nhập, Ninh Bình sở hữu một “kho báu” di sản đa dạng và phong phú với trên 5 000 di tích được kiểm kê, trong đó có 10 di tích quốc gia đặc biệt và 40 di sản văn hoá phi vật thể quốc gia và 01 di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới.

a) Di sản văn hoá vật thể

Ninh Bình từng là kinh đô của nước Đại Cồ Việt vào thế kỉ X, với nhiều di sản vật thể quan trọng gắn liền với các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý và Trần như đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, đền thờ vua Lê Đại Hành, chùa Địch Lộng, đền thờ Trần Quý Khoáng,... Các di tích này phản ánh vai trò của Ninh Bình trong tiến trình dựng nước và giữ nước, đồng thời là minh chứng cho sự phát triển văn hoá – lịch sử lâu dài.

Sau sáp nhập, tỉnh sở hữu nhiều công trình văn hoá – tôn giáo tiêu biểu như chùa Bái Đính, chùa Tam Chúc, Phủ Dầy, Đền Trần, cùng quần thể Danh thắng

Tràng An. Ngoài ra, Ninh Bình còn có hệ thống làng nghề thủ công truyền thống với các sản phẩm OCOP đặc trưng.



Hình 4.20. Chùa Tam Chúc
(Nguồn: <https://nhandan.vn>)

b) Di sản văn hoá phi vật thể

Ninh Bình là vùng đất có truyền thống lịch sử và văn hoá lâu đời, sở hữu nhiều loại hình di sản văn hoá phi vật thể đã được ghi nhận. Tiêu biểu trong số đó là tín ngưỡng thờ Mẫu – nét văn hoá đặc sắc của vùng đồng bằng Bắc Bộ. Ngoài ra, địa phương còn nổi bật với Lễ hội Hoa Lư gắn liền với cố đô Hoa Lư, cùng các loại hình nghệ thuật dân gian như hát văn, hát chèo và hát xẩm.



Hình 4.21. Lễ hội Hoa Lư
(Nguồn: Tài liệu Giáo dục địa phương lớp 12 Ninh Bình cũ)

c) Di sản thiên nhiên

Quần thể danh thắng Tràng An được công nhận ở cả hai phương diện văn hoá và thiên nhiên thế giới đầu tiên của Việt Nam và Đông Nam Á. Tràng An không chỉ là điểm du lịch cảnh quan tuyệt đẹp mà còn là không gian văn hoá tâm linh đặc sắc, mang đậm dấu ấn lịch sử, thu hút du khách trong và ngoài nước. Được ví như “Vịnh Hạ Long trên cạn”, nơi đây nổi bật với hệ thống núi đá vôi, hang động, sông ngòi cùng dấu tích cư trú của người tiền sử. Là kinh đô của nhà nước Đại Cồ Việt ở thế kỉ X, Tràng An có nhiều đền, chùa cổ kính gắn liền với các triều đại Đinh – Tiền Lê – Lý.

Ninh Bình sở hữu nhiều giá trị tự nhiên đặc biệt như Vườn quốc gia Cúc Phương – vườn quốc gia đầu tiên của Việt Nam và Vườn quốc gia Xuân Thủy – khu Ramsar đầu tiên của Việt Nam cũng như của toàn Đông Nam Á. Vườn quốc gia Xuân Thủy được UNESCO xác định là vùng lõi có tầm quan trọng đặc biệt trong Khu Dự trữ sinh quyển thế giới về đất ngập nước ven biển châu thổ sông Hồng.



Hình 4.22. Vườn quốc gia Cúc Phương
(Nguồn: <https://sodulich.ninhbinh.gov.vn>)

2.2. Mối quan hệ giữa bảo tồn di sản và phát triển bền vững ở tỉnh Ninh Bình

Ninh Bình sở hữu hệ thống di sản phong phú, kết hợp giữa văn hoá, lịch sử và thiên nhiên. Đây là nền tảng để tỉnh phát triển mô hình kinh tế dựa trên di sản và hướng tới du lịch bền vững, đồng thời khẳng định vai trò là trung tâm văn hoá – tâm linh của cả nước.

Thay vì tập trung vào tăng trưởng nhanh, Ninh Bình lựa chọn mô hình “Đô thị Di sản”, lấy di sản văn hoá và thiên nhiên làm trọng tâm. Định hướng này gắn với phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, hạn chế khai thác quá mức, đồng thời đầu tư đồng bộ vào hạ tầng giao thông, cơ sở lưu trú và dịch vụ theo tiêu chuẩn xanh, chú trọng tiết kiệm năng lượng và xử lý rác thải.

Các di sản tại Ninh Bình được khai thác theo những hình thức phù hợp với đặc trưng riêng. Tuyến du lịch Bái Đính – Tam Chúc – Phủ Dầy – Đền Trần là hành trình tâm linh – văn hoá nổi bật ở miền Bắc, kết nối các trung tâm tín ngưỡng lớn. Tuyến du lịch này vừa đáp ứng nhu cầu hành hương, vừa góp phần bảo tồn di sản và thúc đẩy phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình nói riêng và vùng Đồng bằng sông Hồng nói chung.

Bên cạnh đó, tại Vườn quốc gia Cúc Phương và Vườn quốc gia Xuân Thủy, tỉnh còn chú trọng phát triển du lịch sinh thái, giáo dục môi trường và nghiên cứu đa dạng sinh học.

Tỉnh Ninh Bình đã ban hành Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND nhằm hỗ trợ phát triển du lịch giai đoạn 2025 – 2030. Chính sách này tập trung vào xây dựng hạ tầng xanh, đào tạo nguồn nhân lực và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư dịch vụ bền vững. Trong Chương trình công tác năm 2026, tỉnh xác định phát triển văn hoá và di sản là nhiệm vụ trọng tâm, gắn với mục tiêu đưa Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2030.

Phân tích mối quan hệ giữa việc bảo tồn di sản và phát triển kinh tế bền vững trong chiến lược phát triển của tỉnh Ninh Bình.

3. Định hướng và giải pháp thúc đẩy tăng trưởng xanh, phát triển bền vững tỉnh Ninh Bình

Ninh Bình định hướng phát triển theo mô hình tăng trưởng xanh và bền vững. Tỉnh tập trung vào công nghiệp xanh, du lịch sinh thái và nông nghiệp công nghệ cao, đồng thời chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ – công nghiệp. Với mục tiêu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2030, Ninh Bình chú trọng thu hút đầu tư xanh, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, phát triển giao thông xanh và nâng cao chất lượng quản trị, nhằm bảo đảm sự phát triển nhanh, bền vững và hài hoà giữa kinh tế với môi trường.

– *Về công nghiệp*: chuyển từ phát triển công nghiệp “nâu” sang công nghiệp “xanh”, thông minh và giàu bản sắc, giảm thiểu ô nhiễm; phát triển công nghiệp

theo hướng công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường, xây dựng nền kinh tế tuần hoàn (thu hồi vật liệu, cải tạo bãi chôn lấp, giảm thiểu chất thải); đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ.

– *Về nông nghiệp*: ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, sản phẩm OCOP đặc trưng, kết hợp du lịch nông nghiệp.

– *Về du lịch, văn hoá*: khai thác có hiệu quả lợi thế về di sản, di tích văn hoá, lịch sử và danh thắng nổi tiếng như Tràng An, Tam Cốc – Bích Động, Cúc Phương, Kênh Gà, chùa Bái Đính, chùa Tam Chúc, Phủ Dầy, hệ thống di tích Đền Trần, hệ thống nhà thờ Công giáo (Bùi Chu, Phát Diệm, Kiện Khê); hình thành các trục văn hoá – tâm linh, các không gian nghệ thuật, giải trí gắn với di sản; phát triển du lịch chất lượng cao, mang đậm bản sắc riêng có của Ninh Bình, gắn chặt với công nghiệp văn hoá và công nghiệp giải trí; phát triển du lịch biển gắn với du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch văn hoá, du lịch trải nghiệm, du lịch làng nghề; lấy bảo tồn di sản làm nền tảng, biến di sản thành tài sản, nguồn lực phát triển kinh tế, văn hoá.

– *Về cơ sở hạ tầng*: phát triển hệ thống giao thông xanh, hiện đại, thân thiện môi trường (xe điện, phương tiện công cộng); tập trung phát triển hạ tầng chiến lược, các trục giao thông huyết mạch kết nối đô thị trung tâm với các khu du lịch trọng điểm, kết nối vùng và liên vùng; xây dựng đô thị thông minh, có bản sắc, cân bằng giữa phát triển đô thị và bảo tồn thiên nhiên.

Để hiện thực hoá mục tiêu tăng trưởng xanh và mục tiêu đến năm 2030 trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, là động lực tăng trưởng của vùng và cả nước, các giải pháp trọng tâm được tỉnh đưa ra cụ thể như sau:

– *Hoàn thiện cơ chế, chính sách*: cần có những cơ chế, chính sách đặc thù, đủ mạnh và mang tính đột phá, nhằm huy động tổng thể các nguồn lực, cả về vốn và con người.

– *Thực hiện tốt quản lý, quy hoạch*: làm tốt công tác quy hoạch, bảo đảm đồng bộ, liên kết vùng, phù hợp với quy hoạch quốc gia và các định hướng, yêu cầu phát triển mới, đặc biệt chú trọng quy hoạch đô thị di sản gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

– *Phát triển công nghiệp, nông nghiệp bền vững*: ưu tiên các dự án công nghiệp công nghệ cao, sạch, thân thiện môi trường, các dự án du lịch sinh thái, dịch vụ chất lượng cao; phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, gắn với bảo vệ môi trường.

– *Phát triển du lịch bền vững*: nâng cao chất lượng du lịch bằng việc đầu tư hạ tầng đồng bộ, nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hoá sản phẩm du lịch mang

đậm bản sắc văn hoá; tăng cường quản lí, đảm bảo an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, tạo không gian du lịch văn minh.

– *Bảo vệ môi trường và Bảo tồn*: Bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường cảnh quan; phát triển giao thông xanh, hạ tầng thông minh.

– *Phát triển nguồn nhân lực*: Đào tạo, thu hút nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xanh.

C. LUYỆN TẬP

Thông kê các hướng phát triển xanh và bền vững của tỉnh Ninh Bình.

D. VẬN DỤNG

Sưu tầm tư liệu (hình ảnh, video) để giới thiệu với thầy cô và bạn học về các sản phẩm OCOP của tỉnh Ninh Bình và của địa phương nơi em sống.

Chủ đề 5

MỘT SỐ VẤN ĐỀ AN SINH XÃ HỘI Ở TỈNH NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nêu được khái niệm an sinh xã hội.
- Trình bày được một số chính sách an sinh xã hội của tỉnh Ninh Bình.
- Phân tích được kết quả nổi bật của các chính sách an sinh xã hội của tỉnh Ninh Bình.
- Thực hiện được trách nhiệm của công dân về an sinh xã hội bằng những việc làm cụ thể.

A. KHỞI ĐỘNG

Hiện nay, an sinh xã hội là mục tiêu, động lực to lớn nhằm bảo đảm tăng trưởng kinh tế gắn với thúc đẩy xã hội phát triển ổn định, bền vững. Những năm qua, tỉnh Ninh Bình chủ trương thực hiện các mục tiêu kinh tế đi kèm với thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, coi đó là hai nhiệm vụ trong một mục tiêu chung phải được thực hiện nhất quán, có hiệu quả.

Em hãy xem đoạn video (theo đường link <https://nbtv/video/chung-tay-xay-dung-quy-den-on-dap-nghia-va-an-sinh-xa-hoi>) rồi quan sát hình ảnh dưới đây và cho biết những chính sách an sinh xã hội nào của tỉnh Ninh Bình được đề cập đến trong đoạn video trên.



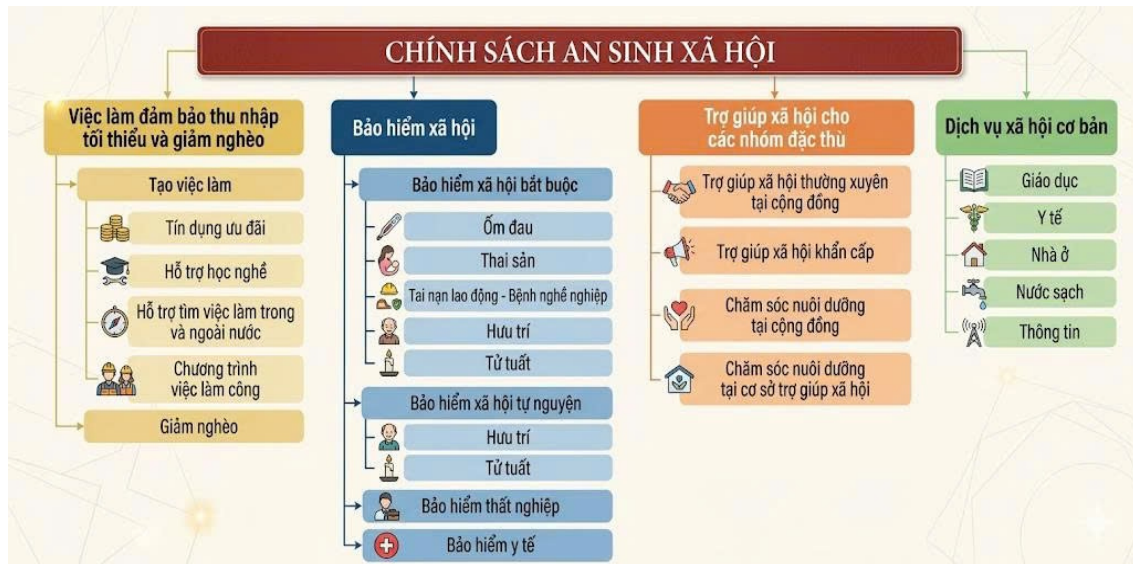
Hình 5.1. Tặng quà các cháu tại Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội tỉnh nhân Ngày Quốc tế Thiếu nhi 01/6.

B. KHÁM PHÁ

1. Khái quát về an sinh xã hội

An sinh xã hội là khái niệm chỉ sự bảo vệ của xã hội đối với các thành viên của xã hội thông qua các chính sách, biện pháp công cộng nhằm đảm bảo các điều kiện cơ bản cho cuộc sống như an toàn, sức khỏe, giáo dục, lao động, thu nhập, chăm sóc xã hội và các quyền lợi khác.

Chính sách an sinh xã hội là hệ thống các chính sách có sự can thiệp của Nhà nước (bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội,...) và sự hỗ trợ của các tổ chức hay cá nhân nhằm góp phần giảm mức độ nghèo đói và tổn thương, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và cộng đồng trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm sự ổn định, phát triển và công bằng xã hội.



Hình 5.2. Sơ đồ các chính sách an sinh xã hội của Việt Nam

Chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay gồm bốn nhóm cơ bản:

– *Chính sách việc làm đảm bảo thu nhập tối thiểu và giảm nghèo*: Hỗ trợ người dân chủ động phòng ngừa các rủi ro thông qua tham gia thị trường lao động để có được việc làm tốt, thu nhập tối thiểu và giảm nghèo bền vững.

– *Chính sách bảo hiểm xã hội*: Hỗ trợ người dân giảm thiểu rủi ro khi bị ốm đau, tai nạn lao động, tuổi già,... thông qua tham gia bảo hiểm xã hội để chủ động bù đắp phần thu nhập bị suy giảm hoặc bị mất do các rủi ro trên.

– *Chính sách trợ giúp xã hội cho các nhóm đặc thù*, bao gồm chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên và trợ giúp xã hội khẩn cấp: Hỗ trợ người dân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn như trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo,... bằng cách cung cấp tiền mặt, dịch vụ, hàng hoá,...

– *Chính sách đảm bảo các dịch vụ xã hội cơ bản*: Giúp người dân tiếp cận các dịch vụ cơ bản về giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin truyền thông.

EM CÓ BIẾT?

An sinh xã hội hiện nay được đảm bảo và trở thành quyền hiến định, quy định tại Điều 34, Hiến pháp năm 2013: “Công dân có quyền được đảm bảo an sinh xã hội”.

An sinh xã hội được coi là một trong những trụ cột của hệ thống chính sách xã hội của Việt Nam, được bảo đảm theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì sự tiến bộ và công bằng xã hội, qua đó thể hiện bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng tiếp tục khẳng định an sinh xã hội là trụ cột quan trọng, lấy con người làm trung tâm, nhấn mạnh “không để ai bị bỏ lại phía sau”. Định hướng tập trung xây dựng hệ thống chính sách xã hội vững mạnh, bao phủ toàn dân, nâng cao phúc lợi, và gắn kết chặt chẽ với phát triển nông thôn mới, bền vững.

Từ những nội dung trên, em hãy cho biết an sinh xã hội là gì? Giải thích sự cần thiết của các chính sách an sinh xã hội đối với con người và xã hội.

2. Thực hiện chính sách an sinh xã hội của tỉnh Ninh Bình

2.1. Chính sách việc làm đảm bảo thu nhập tối thiểu và giảm nghèo

Em hãy đọc các thông tin sau và trả lời câu hỏi:

- 1. Nêu khái quát về kết quả thực hiện chính sách việc làm đảm bảo thu nhập tối thiểu và giảm nghèo của tỉnh Ninh Bình.*
- 2. Theo em, chính sách việc làm đảm bảo thu nhập tối thiểu và giảm nghèo của tỉnh Ninh Bình có vai trò như thế nào đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương?*

Thông tin 1: Trong công tác hỗ trợ việc làm và thu nhập, Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình đã ban hành nhiều văn bản triển khai hướng dẫn công tác đào tạo nghề giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh. Năm 2025, toàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho 20,5 nghìn lao động, trong đó xuất khẩu lao động trên 2,0 nghìn trường hợp; tổ chức đào tạo nghề cho 17,6 nghìn lao động, tư vấn, giới thiệu việc làm cho 35,6 nghìn lao động; giải quyết cho 6,1 nghìn lao động được hưởng bảo hiểm thất nghiệp; 9,0 nghìn lao động được vay vốn ưu đãi giải quyết việc làm.

(Nguồn: Thống kê tỉnh Ninh Bình năm 2025)

Thông tin 2: Thực hiện Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm giai đoạn 2021 – 2025, UBND tỉnh Ninh Bình đã ban hành một số văn bản, cụ thể: Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 26/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về giảm nghèo bền vững tỉnh Ninh Bình, giai đoạn 2021– 2025; Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 10/5/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Kết quả rà soát năm 2025: toàn tỉnh Ninh Bình có 1 250 369 hộ dân cư; trong đó có 14 178 hộ nghèo, chiếm tỉ lệ 1,13 % và 25 308 hộ cận nghèo, chiếm tỉ lệ 2,02 %.

(Nguồn: Thống kê tỉnh Ninh Bình năm 2025)

EM CÓ BIẾT?

Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 – 2030. Theo đó, nghèo đa chiều là tình trạng con người không được đáp ứng ở mức tối thiểu các nhu cầu cơ bản trong cuộc sống. Nghèo đa chiều là cách tiếp cận mới nhằm hạn chế việc bỏ sót những đối tượng tuy không nghèo về thu nhập nhưng lại nghèo về các chiều cạnh khác.

2.2. Chính sách bảo hiểm xã hội

Em hãy đọc các thông tin sau và trả lời câu hỏi:

1. Nêu khái quát về kết quả thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH) của tỉnh Ninh Bình.
2. Theo em, chính sách BHXH của tỉnh Ninh Bình có vai trò như thế nào đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương?

Thông tin 1: Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình đã chỉ đạo chính quyền địa phương, các Sở, ban, ngành liên quan phối hợp với cơ quan BHXH tổ chức triển khai thực hiện tốt chính sách BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN): Ngày 09/12/2025, HĐND tỉnh Ninh Bình khoá XV đã chính thức thông qua Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ kinh phí đóng Bảo hiểm y tế (BHYT) cho các nhóm đối tượng thường trú trên địa bàn tỉnh. Theo Nghị quyết mới, tỉnh Ninh Bình sẽ sử dụng nguồn ngân sách địa phương và các nguồn thu hợp pháp khác để hỗ trợ kinh phí đóng BHYT cho nhiều nhóm đối tượng đặc thù. Cụ thể: Nhóm được hỗ trợ 100 % mức đóng BHYT: Người cao tuổi từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi; Người có từ đủ 30 năm tuổi Đảng trở lên; Người nhiễm HIV/AIDS và người bị bệnh phong; Các chức danh tại thôn, tổ dân phố gồm: Chi hội trưởng các chi hội Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh và Bí thư Đoàn thanh niên.

Nhóm hỗ trợ thêm ngoài mức quy định của Chính phủ:

- Hỗ trợ thêm 50 %: Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và nạn nhân của tội phạm mua bán người (hỗ trợ trong 01 năm).
- Hỗ trợ thêm 30 %: Người thuộc hộ gia đình cận nghèo (không cư trú tại xã nghèo).
- Hỗ trợ thêm 20 %: Người thuộc hộ gia đình làm nông, lâm, ngư và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

Nguyên tắc thụ hưởng và thực hiện: Nghị quyết quy định rõ nguyên tắc nếu một người thuộc nhiều diện được hỗ trợ thì sẽ được hưởng mức hỗ trợ cao nhất. Tổng mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh và ngân sách Nhà nước không vượt quá 100 % giá trị thẻ BHYT.

Thông tin 2: Hoạt động bảo hiểm trên địa bàn tỉnh được triển khai đồng bộ, hiệu quả và đạt nhiều kết quả tích cực. Các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện kịp thời, đúng quy định; công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm tiếp tục được tăng cường; các quyền lợi của người tham gia được bảo đảm đầy đủ, góp phần giữ vững an sinh xã hội và ổn định đời sống nhân dân. Tính đến ngày 25/12/2025, số người tham gia bảo hiểm xã hội là 696 134 người, tăng 11,8 %; số người tham gia bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp là 617 260 người, tăng 11,5 %; số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp là 596 506 người, tăng 12,3 %; số người tham gia bảo hiểm y tế là 3 468,3 nghìn người, tăng 0,3 % so với cùng kì năm trước. Tính chung cả năm 2025, tổng thu BHXH, BHTN, BHYT của tỉnh đạt 17 246 tỉ đồng, tăng 8,6 % so với năm 2024, trong đó thu BHXH 11 260 tỉ đồng, tăng 14,7 %; thu BHTN 788 tỉ đồng, tăng 12,7 %; thu BHYT 5 185 tỉ đồng, giảm 3,1 %. Tổng chi BHXH, BHTN, BHYT là 19 301 tỉ đồng, tăng 7,8 %, trong đó chi BHXH 14 992 tỉ đồng, tăng 5,4 %; chi BHTN 332 tỉ đồng, giảm 13,3 %; chi khám chữa bệnh BHYT 3 977 tỉ đồng, tăng 21,0 % so với năm 2024.

(Theo Báo cáo số 60/BC-UBND ngày 11/12/2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình về Tình hình triển khai thực hiện các mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025, giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2023 – 2025 và định hướng triển khai trong giai đoạn 2026 – 2030, tr.7).

EM CÓ BIẾT?

- BHXH là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động trên cơ sở đóng vào quỹ BHXH (Khoản 1, Điều 3, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014).
- + BHXH bắt buộc là loại hình BHXH do Nhà nước tổ chức mà người lao động và người sử dụng lao động phải tham gia. Các chế độ của bảo hiểm xã hội bắt buộc gồm: ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí và tử tuất.
- + BHXH tự nguyện là loại hình BHXH do Nhà nước tổ chức mà người tham gia được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình và Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội để người tham gia hưởng chế độ hưu trí và tử tuất. Các chế độ của BHXH tự nguyện là hưu trí và tử tuất.
- BHYT là loại hình bảo hiểm thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng do Nhà nước thực hiện, theo đó người tham gia bảo hiểm sẽ được chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí thăm khám, điều trị, phục hồi sức khỏe nếu không may xảy ra tai nạn hoặc bệnh tật.
- + BHYT bắt buộc được áp dụng đối với các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế về chăm sóc sức khỏe, không vì mục đích lợi nhuận do Nhà nước tổ chức thực hiện.
- + BHYT tự nguyện do các công ty bảo hiểm cung cấp, áp dụng đối với những người không thuộc đối tượng tham gia BHYT bắt buộc.
- BHTN là loại hình BHXH hỗ trợ người lao động khi bị mất việc làm. Người tham gia BHTN sẽ được hưởng các chế độ như: trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm, hỗ trợ học nghề, hỗ trợ đào tạo để duy trì việc làm.

2.3. Chính sách trợ giúp xã hội cho các nhóm đặc thù

1. Em hãy nêu khái quát kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội cho các nhóm đặc thù của tỉnh Ninh Bình.
2. Theo em, chính sách trợ giúp xã hội cho các nhóm đặc thù của tỉnh Ninh Bình có vai trò như thế nào đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương?

Thông tin 1. Năm 2025, tỉnh Ninh Bình phát động xây dựng Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa và An sinh xã hội” nhằm huy động các nguồn lực thực hiện tốt hơn nữa công tác tri ân người có công, bảo đảm an sinh xã hội với mục tiêu “Không để ai bị bỏ lại phía sau”. Nguồn Quỹ đã giúp các gia đình có công với cách mạng được chăm lo tốt hơn; nhiều người nghèo cũng có điều kiện vượt qua khó khăn, vươn lên ổn định cuộc sống. Nhiều chính sách đặc thù được thực hiện đã tạo dấu

ấn đậm nét cho công tác đảm bảo an sinh xã hội của tỉnh, điển hình như:

– Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 18/9/2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định chính sách trợ giúp xã hội, hỗ trợ một số đối tượng có hoàn cảnh khó khăn; đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Theo đó, tỉnh hỗ trợ trực tiếp một số đối tượng bảo trợ xã hội được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, một số đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

– Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định về quà tặng đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ, người thờ cúng liệt sĩ, cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công nhân dịp Tết Nguyên đán, ngày Thương binh – Liệt sĩ (ngày 27/7), ngày Quốc khánh (ngày 02/9) hằng năm; hỗ trợ người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ khi đi điều dưỡng tập trung tại các cơ sở điều dưỡng.



Hình 5.3. Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Ninh Bình

Thông tin 2. Công tác đảm bảo an sinh xã hội được quan tâm chỉ đạo, giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách liên quan đến lĩnh vực người có công đối với 62 181 người. Tổ chức tốt việc đưa đón người có công của tỉnh đi thăm các địa danh, di tích lịch sử tại thành phố Hà Nội và dự Hội nghị gặp mặt người có công, nhân chứng lịch sử năm 2025; tổ chức tốt các hoạt động nhân dịp 78 năm Ngày Thương binh – Liệt sĩ (27/7/1947 – 27/7/2025), đảm bảo sự thiết thực, trang trọng, nghĩa tình. Lễ dâng hương và tổ chức Đoàn đại biểu của tỉnh thăm, tặng quà nhân dịp kỉ niệm 80 năm ngày Quốc khánh (02/9/1945 – 02/9/2025); đặc biệt đã tập trung chỉ đạo quyết liệt thực hiện Nghị quyết số 263/NQ-CP ngày 29/8/2025 của Chính phủ về việc tặng quà nhân dân nhân dịp kỉ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 02/9, đảm bảo mọi người dân đều được nhận quà. Năm 2025, kinh phí hỗ trợ đột xuất cho người có công và thân nhân người có công là 225 698 triệu đồng. Công tác hỗ trợ đối với các đối tượng bảo trợ xã hội tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm triển khai kịp thời, đúng đối tượng, góp phần ổn định đời sống cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Kinh phí hỗ trợ đột xuất cho các đối tượng bảo trợ xã hội năm 2025 đạt 40 589 triệu đồng, tăng 25 506 triệu đồng so với cùng kì năm 2024¹.

EM CÓ BIẾT?

Trợ giúp xã hội là các chính sách, chương trình trợ giúp chính thức của Nhà nước, các chương trình trợ giúp phi chính thức của cộng đồng xã hội với các hình thức trợ giúp khác nhau (trợ giúp tiền mặt hoặc phi tiền mặt) nhằm thực hiện mục tiêu giúp đỡ những người dân gặp rủi ro, yếu thế, thiệt thòi hoặc hụt hẫng trong cuộc sống và những người nghèo.

2.4. Chính sách đảm bảo các dịch vụ xã hội cơ bản

1. Em hãy nêu khái quát về kết quả thực hiện chính sách đảm bảo các dịch vụ xã hội cơ bản của tỉnh Ninh Bình.
2. Theo em, chính sách đảm bảo các dịch vụ xã hội cơ bản của tỉnh Ninh Bình có vai trò như thế nào đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương?

¹ Nguồn: Cục Thống kê Ninh Bình về tình hình kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình năm 2025.

Thông tin 1: Về giáo dục: Tỉnh Ninh Bình đã thực hiện các chế độ, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, học sinh theo quy định tại các đơn vị trên địa bàn. Trên cơ sở đó, ngành giáo dục đã tập trung triển khai đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ đổi mới căn bản, phát triển đột phá, toàn diện giáo dục và đào tạo. Các nhiệm vụ, giải pháp được thực hiện đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng và hiệu quả. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được ưu tiên đầu tư nâng cấp, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; tỉ lệ phòng học kiên cố hoá đến hết năm 2025 đạt 99 %; có 94 % trường Mầm non, 69,9 % trường Tiểu học (mức độ 2), 97,9 % trường THCS và 91,4 % trường THPT đạt chuẩn quốc gia¹.

Thông tin 2: Về y tế: Ngành Y tế tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở khám, chữa bệnh thực hiện tốt công tác khám, chữa bệnh cho người nghèo, người cận nghèo, trẻ em và các đối tượng chính sách. Chương trình phòng, chống HIV/AIDS: Trong tháng 12/2025, phát hiện 15 người nhiễm HIV mới; số ca tử vong do HIV/AIDS trong tháng là 02 người. Tính chung cả năm 2025, số người nhiễm HIV mới là 93 người; số ca tử vong do HIV/AIDS là 32 người. Công tác khám chữa bệnh: Các cơ sở khám chữa bệnh duy trì tốt công tác khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân, đảm bảo công tác thường trực cấp cứu; nghiêm túc chấp hành quy chế chuyên môn; thực hiện cấp phát thuốc, vật tư y tế, hoá chất đảm bảo đúng, đủ, kịp thời; tăng cường công tác đấu tranh phòng chống thuốc giả; nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ, chăm sóc người bệnh².

Thông tin 3: Về nhà ở: Năm 2025, UBND tỉnh chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình. Có 22 Chương trình xoá nhà tạm, nhà dột nát tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo, huy động sức mạnh tổng hợp mọi nguồn lực xã hội, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững³.

¹ Nguồn: Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình, Báo cáo kết quả thực hiện công tác Bảo trợ xã hội năm 2025.

² Nguồn: Cục Thống kê Ninh Bình về tình hình kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình năm 2025.

³ Nguồn: Cục Thống kê Ninh Bình về tình hình kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình năm 2025.

Thông tin 4: Về vệ sinh an toàn thực phẩm (ATTP): Sở Y tế đã phối hợp với các cơ quan, ban ngành, các địa phương trong tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật, kiến thức về an toàn thực phẩm; giám sát bảo đảm an toàn thực phẩm tại các lễ hội, sự kiện trọng điểm trên địa bàn tỉnh; tăng cường kiểm tra đột xuất một số cơ sở sản xuất kinh doanh có dấu hiệu vi phạm quy định về ATTP. Trên địa bàn tỉnh không có vụ ngộ độc thực phẩm, sự cố về ATTP nào xảy ra¹.

Thông tin 5: Về văn hoá thông tin: Năm 2025, các hoạt động văn hoá, thông tin trên địa bàn tỉnh Ninh Bình được tổ chức phong phú, thiết thực, góp phần tuyên truyền chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những thành tựu phát triển kinh tế – xã hội. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” tiếp tục được đẩy mạnh; công tác gia đình được triển khai hiệu quả, góp phần xây dựng môi trường xã hội an toàn, lành mạnh. Đến nay, 100 % xã, phường duy trì khoảng 3 200 nhóm phòng chống bạo lực gia đình, 2 600 Câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững, 2 000 đường dây nóng và 3 300 địa chỉ tin cậy tại cộng đồng².

EM CÓ BIẾT?

Bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản là chính sách nhằm hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản ở mức tối thiểu như các chính sách về giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin,... đặc biệt là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn và đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội

Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội là trách nhiệm của toàn xã hội, trong đó có các em học sinh. Trong những năm qua, học sinh, đoàn viên thanh niên trong các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình luôn phát huy vai trò xung kích trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Với nhiều hoạt động cụ thể, thiết thực đã giúp cho học sinh nhận thức rõ hơn về ý nghĩa và

¹ Nguồn: Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình, Báo cáo kết quả thực hiện công tác Bảo trợ xã hội năm 2025.

² Nguồn: Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình, Báo cáo kết quả thực hiện công tác Bảo trợ xã hội năm 2025.

trách nhiệm của bản thân đối với việc thực hiện chính sách an sinh xã hội, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Ninh Bình.

Thông tin 1: Học sinh các trường trung học phổ thông tỉnh Ninh Bình tích cực tham gia ngày hội tư vấn, hướng nghiệp, lựa chọn việc làm cho tương lai. Tại đây, học sinh được cung cấp, trao đổi thông tin về các kì thi, phương thức tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh vào các trường cao đẳng, đại học, trường nghề. Đồng thời, các em học sinh cũng biết được dự báo về việc làm, xu hướng đào tạo nghề, nhu cầu của thị trường lao động và hướng nghiệp để giúp các em lựa chọn ngành nghề, trường đào tạo, khoa đào tạo,... phù hợp với cá nhân, nhu cầu xã hội trong thời kì mới, tăng cơ hội việc làm sau tốt nghiệp, giảm thiểu lãng phí thời gian và học phí khi học sinh chọn không đúng nghề, góp phần khắc phục sự mất cân đối trong đào tạo nguồn nhân lực.



Hình 5.4. Ngày hội tư vấn hướng nghiệp, tuyển sinh và giải quyết việc làm năm 2020 do Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo và Tỉnh Đoàn phối hợp tổ chức

(Nguồn: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Bình)

Thông tin 2: Nhân dịp kỉ niệm Ngày Thương binh – Liệt sĩ, nhiều trường học đã tổ chức các hoạt động ý nghĩa nhằm giáo dục học sinh về truyền thống “**Đền ơn đáp nghĩa – Uống nước nhớ nguồn**” của dân tộc. Học sinh tham gia các hoạt động dọn vệ sinh, thấp nển tri ân tại nghĩa trang liệt sĩ, thăm hỏi và tặng quà các gia đình thương binh, liệt sĩ trên địa bàn. Những hoạt động này giúp học sinh hiểu rõ hơn về sự hi sinh to lớn của các thế hệ cha anh trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Qua đó, các em được bồi dưỡng lòng biết ơn, tinh thần trách nhiệm và ý thức sống có nghĩa tình. Đây cũng là dịp để tuổi trẻ nhà trường phát huy vai trò xung kích, góp phần gìn giữ và lan toả những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.



Hình 5.5. Học sinh Trường THPT C Kim Bảng tham gia hoạt động dâng hương tại Đài tưởng niệm Liệt sĩ phường Kim Bảng

(Nguồn: Đoàn Trường THPT C Kim Bảng)

Bằng những việc làm thiết thực phù hợp với lứa tuổi, học sinh không chỉ thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng mà còn góp phần lan toả các giá trị nhân văn trong xã hội. Đồng thời, việc tích cực tham gia các hoạt động này cũng giúp học sinh hình thành ý thức công dân, lối sống nhân ái và trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững của địa phương.

Từ những thông tin trên, em hãy trả lời các câu hỏi sau:

1. Học sinh đã tích cực tham gia những hoạt động nào để góp phần thực hiện các chính sách an sinh xã hội?
2. Em cần có trách nhiệm gì trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội tại địa phương?

C. LUYỆN TẬP

Hoàn thành bảng thông tin về các chính sách an sinh xã hội mà địa phương em đã triển khai theo gợi ý dưới đây:

Tên chính sách	Kết quả	Vai trò
1. Chính sách việc làm đảm bảo thu nhập tối thiểu và giảm nghèo	?	?
2. Chính sách bảo hiểm xã hội	?	?
3. Chính sách trợ giúp xã hội	?	?

Tên chính sách	Kết quả	Vai trò
cho các nhóm đặc thù		
4. Chính sách dịch vụ xã hội cơ bản	?	?

D. VẬN DỤNG

Em hãy cùng các bạn trong nhóm đề xuất ý tưởng và xây dựng kế hoạch cụ thể để tuyên truyền việc thực hiện chính sách an sinh xã hội tại địa phương.

Gợi ý:

- Làm việc theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Các nhóm thảo luận, thống nhất lựa chọn ý tưởng và xây dựng kế hoạch cụ thể để tuyên truyền việc thực hiện chính sách an sinh xã hội tại địa phương.
- Sản phẩm học tập: Kế hoạch tuyên truyền được thiết kế dưới dạng bài thuyết trình, video, infographic,...

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

DANH MỤC TỪ TRA CỨU

BẢN QUYỀN/NGUỒN HÌNH ẢNH